NĂM THỨ TƯ — SỐ 42 15 Avril 1934
Sưu tầm bởi Trung Cửu và Bellus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

友聲雜誌

HỮU THANH

RESIDENCE SUPERIEURE DU TONKIN
DEPOT LEGAL

Mỗi tháng xuất bản hai kỳ: **mồng một và rằm**

CƠ-QUAN CỦA HỘI TRUNG-BẮC NÔNG-CÔNG THƯƠNG TƯƠNG-TẾ

DIRECTION - RÉDACTION - ADMINISTRATION

HANOI 59, Rue du Chanvre, 59 HANOI

SÁNG-LẬP
NGUYỄN-HUY-HỢI

DEPOT LEGAL INDOCHINE No 1191

CHỦ-NHIỆM
NGUYỄN-DUY-NHO

MỤC LỤC

Nền Quốc-văn	633	Học thuyết về đạo đức	655
Khảo về học-thuyết	637	Văn thơ	659
Lịch sử Chiêm thành	642	Tiểu-thuyết (Nhẫn nhục báo thù)	663
Phong tục lạ các nước	647	Hai người ngu-dại-hiệp	672
Văn nữ-giới	650	Thời-sự	678
Câu chuyện nhà quê	652	Công-việc Hội Nông-Công-Thương-Tương-Tế	683

IN TẠI CHẤN-PHƯƠNG ẤN-QUÁN
30, Phố hàng Mành, 30
HANOI

Mỗi số 0$25

Hữu Thanh Tạp Chí

REVUE BI-MENSUELLE

Organe de l'Association Mutuelle des Employés Indigènes de Commerce d'Industrie et d'Agriculture de l'Annam Tonkin

Chủ-nghĩa và mục-đích Hữu-Thanh

Hữu-Thanh tạp-chí này lấy «Hữu-ái» làm chủ-nghĩa, mục-đích để cổ-động cái tinh-thần tương-ái trong đồng-bào, mong người trong nước cùng yêu-mến nhau như ruột thịt, để nương-tựa nước Đại-Pháp mà lên con đường văn-minh.

GIÁ MUA HỮU-THANH TẠP-CHÍ

Mỗi số... 0p.25, sáu tháng... 2.50, một năm... 5p.00

ngoại-quốc một năm... 6p.00.

Các ngài hội-viên Hội Nông-Công-Thương Tương-Tế được trừ 10o/o

MUA HỮU-THANH TẠP-CHÍ XIN GIẢ TIỀN TRƯỚC

NHỜI GIAO.—không ai được đăng lại những bài trong báo này.

Các ngài có bụng yêu bản chí mà gửi bài lai-cảo cho, hoặc nghị luận Văn-chương, khảo-cứu, luân-lý, học-thuật, kinh-tế bằng quốc-văn, bản chí xin cám ơn.

Bài nào tòa-soạn xét nên đăng thì đăng, không đăng không có lệ giả lại bản-thảo.

Xin các ngài mua báo cả năm hay nửa năm, nhận được báo thì gửi tiền về giả cho, để bản-chí tiện việc tính toán sổ sách.



AU BONHEUR DES TONKINOIS

HAI-CHINH

53, 74 et 76 rue du Pont-en-Bois

HANOI



Nhà chế-tạo ra các kiểu mũ và các thứ khăn sếp sẵn, xuất-hiện đã 10 năm nay được nhiều cái quang cảnh hân-hạnh như sau này :

Hoàng-Thượng ban kim-tiền.

Nhà-nước thưởng médaille chương mỹ hội-tinh.

Hội Ái-mỹ tặng những bằng khen ngoại nạng (Hors concours).

Nghề làm mũ và khăn của bản-hiệu cũng suy xét được nhiều, dùng toàn thợ khéo làm rất kỹ lưỡng mà hợp-thời-trang; giá bán phải chăng, quí-khách mua buôn hay mua lẻ xin cứ gửi thơ cho bản hiệu và gửi cho một phần tiền đặt trước; tiếp được thơ xin gửi ngay theo cách lĩnh-hóa giao-ngân đi tỉnh nào cũng được.

Nay kính : HAI-CHINH

NGUYÊN-HUY-HỢI Công-ty

HANOI — số 73, Phố Mới, số 73 — HANOI

HỮU-HẠN TẬP-CỔ CÔNG-TY

Vốn 42.500$00

Đóng, chữa, sơn lại các thứ xe ta, xe ngựa.

Xe mua cao-su kiểu mới, trực đẹp, trực mãi; các quí-khách muốn đặt kiểu nào cũng được.

Có nhiều kiểu xe đã bầy tại Hội-chợ mới rồi và có nhiều xe chạy trong thành-phố Hà-nội.

Giá tính phải chăng. Làm cẩn thận và thật mau.

Các ngài ở nơi xa muốn đóng xe, bản hiệu xin đóng cẩn-thận mà gửi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận được xe của bản-hiệu đóng gởi thơ ra khen bản-hiệu.

Xin các quí-khách chiếu-cố, bản-hiệu hết lòng hoan-nghênh.

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

GRANDS MAGASINS RÉUNIS

ĐONG PHÁP ĐẠI THƯƠNG CỤC

NHÀ GÒ-ĐA HÀ-NỘI

HÃNG BUÔN RỘNG NHẤT Ở ĐÔNG-PHÁP

Nhiều thứ hàng nhất

NÀY THỬ XEM KHU HÀNG MỚI SANG :

NÀO HÀNG PHA-LÊ, ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ, ĐỒ BÀY TRONG NHÀ, ĐỒ ĐIỆN, HÀNG GIẤY

HÀNG THỢ MAY

MỘT NGƯỜI CAI CẮT ÁO VÀ MỘT NGƯỜI CAI THỢ GIẦY NGƯỜI PHÁP CHUYÊN MÔN LÀM CHO HIỆU

CÓ MỘT KHU RIÊNG BÁN CÁC THỰC VẬT

Nên đến lấy quyển mẫu hàng về mà xem.

Compagnie de Commerce et de Navigation d'Extrême-Orient

ALLATINI & Cie

36, rue Harmand, HAIPHONG

Bán giá đóng giầy

của các nhà danh-gia đã có danh-tiếng bên nước Pháp, tại tỉnh STRASBOURG

Gia boxcalf, gia chevreau, gia vachette vernie, gia đế, gia cổ giầy giầy mỏng đủ các hạng và các mùi.

Sắp sang gia đế cả cuộn, kiểu hay, đinh đồng, và chỉ khâu giầy. Lại bán cả các thứ gia cần dùng, như gia làm cương ngựa làm đồ gỗ và các giầy chạy máy.

2° Bán đồ máy, hiệu NEW DAY ở CITY.

Thứ Summer Black : bán lẻ p. **0.30**, *bán cả thùng p.* **0.275** *một cân.*

3° Đồ dùng về ngày tết Annam

Rượu mùi, rượu mạnh và các thứ khác.

Kẹo và mứt mới ở bên Tây sang đủ các thứ.

AI CẦN DÙNG MUA XIN HỎI HÃ

Haiphong số nhà 36 phố Harmand, và Hanoi số nhà 31 phố Đồng-Khánh.

祥和裕

YU-WO-TSÉONG

SOIERIES CHINOISES ET ANNAMITES EN TOUS GENRES

VENTE EN GROS

48, Rue des Cantonnais 48, — Hanoi

Téléphone nº 266

Từ khi đăng báo đến nay, đã được nhiều các ngài chiếu-cố. Nay lại mới có hàng kỳ-cựu đầu tiệm Dương sang và các thứ hàng khác sang nhiều lắm. Vậy có lời loan báo để các ngài biết. Hàng bán buôn, không bán lẻ và không có mẫu gửi đi các nơi.

Hàng tốt mà giá lại rẻ, vì rằng bản-hiệu có xưởng tự chế ở bên Trung-Hoa cho nên quí-khách nào buôn của bản-hiệu cũng được hàng thật tốt và giá thật rẻ hơn các hiệu khác, vì rằng các hiệu đó còn buôn lại của bản hiệu.

Nếu quí-khách nào ở xa hoặc gần mà buôn hàng của bản-hiệu, thật là buôn tại gốc bán lại ngon đó.

Bản-hiệu có trữ nhiều các thứ hàng Bắc-kỳ nữa, hàng đen và các mẫu có đủ cả, quí-khách ở Nam-kỳ có muốn buôn để bán thì cứ gửi thơ mà mua của bản hiệu, lúc nào trong hiệu cũng có vài ngàn cây, tha hồ mà chọn, trắng hễ triêu-luỗn.

Vậy các quý khách cứ chiếu-cố cho.

VU-WO-TSÉONG.

NGUYÊN-THÀNH-CỰ'

BIJOUTIER

MAISON HÀNG-PHONG — CAOLAN

Có bán đủ các thứ đồ nữ-trang bằng vàng, bằng cà kiến kim-thời mới nhất là bông-tai hèo có bông mặt-cẩn trồng chiên nhận hột saphir, ai trọng nhất đâu-xảo chợ phiên tại Hanoi năm 1921.

Lại có bán cây Bombay đủ các màu để trồng tàu, hàng ta nhuộm đen rất tốt, cậu hay gửi theo cách lĩnh hóa giao-ngân (Contre-remboursement)

Và đồ sắt và các thứ dùng về nghề khi-nghệ cho những người làm thợ bạc dùng, xin cứ lại cho bản-hiệu sẽ hết lòng tính tiền mà gửi-

NGUYỄN-THÀNH-CỰ' *Kính cáo*

潘成利行島第二號

PHAN-ĐỨC-THANH

MAISON DE NOUVEAUTÉS SOIERIES

HANOI — 2, *Rue des Cantonnais*, 2 — HANOI

Bản hiệu bán đủ các thứ hàng Tàu, hàng Tây, hàng ngoài Bắc-Kỳ, các thứ vải, lãng, len, giạ, đủ các thứ.

May quần áo Annam và quần áo Tây đủ các lối.

Bản hiệu có bán vàng diệp Vĩnh-thịnh-Long chính hiệu 永盛正號金葉

SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

CÔNG-TI NẤU RƯỢU Ở' DÔNG-PHÁP

Vô-danh Công-ti vốn 11 triệu phật-lăng (11.000. 000fr00)

Tổng-cục : *10, Rue de la Boëtie PARIS*

Tòa Trị-sự *55, Boulevard Gambetta HANOI*

Nhà máy ở : { HANOI — NAM-DINH — HAI-DUONG (Bắc-Kỳ)
{ CHOLON BINH-TAY — (Nam-Kỳ)

RƯỢU ROM VÀ RƯỢU MÍA

Rượu đủ cao-phẩm thật tốt

Dầu cồn dùng trong các công-xưởng, đốt lửa và thắp đèn

HÓA-CHẤT DÙNG VỀ VIỆC CHẾ SƠN

RƯỢU MẠNH Cất bằng gạo và các thứ rượu mùi Annam
(Eau de vie de Riz et de Liqueurs Indigènes)

Bột Gạo Hiệu Con Hạc trắng (Riz blanc)

Gạo — Chất ngọt của gạo, chất bổ của gạo.

Dấm cất bằng gạo (Vinaigre de riz)

DONG-PHAP YÊN-THAO CONG-TY

SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE

SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 6.000.000 FRANCS

Administration et Manufacture à Hanoi

Sản xuất những thứ THUỐC-LÁ sau này :

(PRODUITS RECOMMANDÉS)



BÁN HẠ GIÁ

thuốc **Stic " Parfaites "** *Mỗi gói*..... **0$08**

thuốc **Stic " havane "** *Mỗi gói*..... **0 10**

thuốc **Stic " Anglaise "** *(Thanh lịch) hộp vẽ bọc kín, mỗi hộp 20 điếu*..... **0 20**

Annam : nên hút thuốc lá **STIC**

NĂM THỨ TƯ. — SỐ 12 15 AVRIL 1924

HỮU-THANH

BÌNH-LUẬN

"NỀN QUỐC-VĂN"

Giả-sử loài người sinh ở trên quả địa-cầu, cứ mịt mịt mù mù như đời thượng-cổ mãi, rừng sâu nước cả, bốn mặt hoang-vu, loài thú nhiều mà loài người ít; người sinh ra cứ chất-hậu thật-thà; vật-sản trời sinh rất nhiều, đói thì ăn, khát thì uống, no thì vỗ bụng ngủ khì; ai ở đâu ở đấy, không vãng-lai với nhau, không tranh dầu với nhau: không có gì là chính-phủ quốc-gia, không có đâu là hương-thôn thành-thị, luân-lý đạo-đức không cần phải ngăn-ngừa, chế-độ điển-chương không cần phải bầy đặt; sự-vật có ít thì tiếng nói chẳng dùng nhiều, có việc gì muốn ghi nhớ, thì thắt nút dây làm dấu là xong, như thế thì chẳng dùng văn-tự làm gì.

Lại giả-sử hợp thế-giới năm châu lại làm một, bác cầu bể Đại-Tây bể Thái-bình thành đường liền, đường hỏa-xa dây điện-báo giăng khắp mọi nơi, tầu thuỷ máy bay chạy luôn trên trời dưới nước: da đen, da xám, da trắng, da vàng, chẳng chia loài giống nào, đồng-hóa làm một dân-tộc, nói một thứ tiếng, viết một thứ chữ, đồng một chính-phủ, đồng một tông-giáo, đồng một học-thuật, cho đến phong-tục lễ-giáo cũng đồng; chẳng đâu văn-minh, chẳng đâu dã-man, chẳng có đâu là ưu-thắng, chẳng có đâu là liệt-bại; khiến cái loài đầu tròn chân vuông mà đấng Thượng-Đế đã cho có linh-hồn, có trí-khôn hơn các loài động-vật, mấy ngàn năm, mấy vạn năm sinh-dục phiền-diễn ở trên cái quả bồn vạn vạn dặm vuông này, quen thuộc nhau, dìu dắt nhau, yêu ấp hú-hí nhau như con một nhà, để đồng hưởng cái hạnh-phúc: như thế thì làm gì có quốc-văn, cũng cần gì phải có quốc-văn.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Khôn vì loài người không có thể như câu nói trước, mà cũng chưa có thể như câu nói sau :

1°) Sinh-sản càng ngày càng đông. Người sinh từ ban đầu mới có gia-đình, mà sau hợp mấy gia-đình gần liền nhau thành ra bộ-lạc, bộ-lạc nhiều thì lại hợp mấy bộ-lạc gần liền nhau làm một nước. Đã là một nước thì ở một vùng đất với nhau, qua lại giao-thông với nhau, cho nên nói một thứ tiếng như nhau.

2°) Trí-khôn càng lâu càng mở. Từ khi chui hang cái tổ mà đến lúc biết làm nhà cửa, sắm đồ lễ ; từ khi lột da thú, ăn quả cây, mà đến lúc biết dệt tơ gai, giồng ngũ cốc ; óc khôn dần dần mở, thì sự vật dần dần nhiều, sự vật đã nhiều, thì phải dùng nhiều tiếng để tỏ nghĩa đặt tên mà nói với nhau cho hiểu : tiếng nói đã nhiều thì cách thắt nút giây không dùng được nữa, phải vẽ ra nhiều dấu mà ghi chép cho đủ những tiếng nói đã thường dùng, để cho người ta không phải dùng miệng mà chỉ dùng tay, không phải ngồi chung một chỗ, ở đồng một thời mà cũng làm cho nhau hiểu được, lúc ấy mới có chữ.

Từ khi có chữ rồi thì mới tiệm tiệm có văn-hóa. Chữ không những dùng mà ghi những việc người giao-thiệp thường thường, mà bao nhiêu kẻ triết người hiền, có điều gì muốn dạy cho kẻ ngu dột, người đời nay có sự gì muốn để lại cho người đời sau, cũng đều lấy văn-tự mà truyền-ba. Tuy vậy, nếu hết thảy loài người ở trên địa-cầu mà giao thông qua lại với nhau được cả, thì chắc cũng nói một thứ tiếng, viết một thứ chữ mà thôi.

Song vì đại-địa mông mênh, núi sông cách trở, phần thì nắng mưa gió tuyết của trời, phần thì loài ác-thú, loài thủy-tộc trên mặt đất nhiều cớ ngăn trở, làm cho loài người trên quả đất này không giao thông với nhau được ; sự không giao thông ấy đến mấy trăm mấy nghìn năm ; thành ra dân tộc nào ở vùng đất nào, chỉ qua lại với nhau trong vùng đất ấy, nhân vậy mà dân-tộc nào đều có một thứ ngôn-ngữ văn-tự riêng.

Ngôn-ngữ văn-tự đã khác nhau, thì tinh-tình : phong-tục, học-thuật, tông-giáo, cũng nhân đó mà khác.

Và lại, quả địa-cầu phần nhiều là bể, đại-lục (đất lớn) và đảo-dữ (cù-lao) nổi lên giữa bể không phải đồng một thời, cho nên loài người sinh trên đất ấy cũng không đồng một thời ; sinh có nơi trước nơi sau, thì khai hóa có nơi sớm nơi muộn, vì thế mà thành ra có dân văn-minh, có dân dã-man. Khi đã khai-hóa nhiều, thì lấy dùng những vật liệu trong trời đất càng rộng, cái đức-vọng càng xa ; những dân nào đã khôn ngoan thì thường muốn lấy bớt cõi của cải của những dân còn ngu dại mà làm của mình, vậy mới sinh ra việc chiến-đấu. Dân này chiếm-đoạt của dân kia, dân kia lại bị chiếm-đoạt bởi dân khác, cứ tranh lấn nhau nuốt lẫn nhau mãi mãi, kể từ đời trung-cổ, trên địa-cầu có hàng vạn nước, mà ngày nay chẳng còn bao nhiêu. Dân-tộc nào còn thì ngôn-ngữ văn-tự còn, dân-tộc nào tiêu-diệt thì ngôn-ngữ văn-tự cũng tiêu-diệt.

Lại có nhiều nước thì ngôn-ngữ văn-tự bị tiêu-diệt trước mà dân tộc mới tiêu-diệt sau :

Như nước Chiêm-Thành ; xưa vốn theo văn-minh Ấn-độ, sùng đạo Phật, học chữ Phạm. Khi Chiêm-Thành đã nhượng đất mấy châu cho nước ta, người nước ta vào ở càng ngày càng nhiều, dân Chiêm-Thành theo học tiếng ta chữ ta. Đến cuối nhà Hậu-Lê, tiếng và chữ của Chiêm-Thành đã mất dần dần, mà vận-mệnh Chiêm-Thành cũng từ đó mà hết. Nay ta vào nhà Viễn-Đông Học-Hiệu Hà-nội, thấy những miếng bia tàn đá vỡ, khắc chữ leo queo để cho nhà khảo cổ đi xem, đó có phải là quốc-văn Chiêm-Thành không ?

Người Thái-Tây có nói rằng : « Tiếng và chữ của dân-tộc nào tức là cái gươm cùng cái thuẫn của dân-tộc ấy.

Ôi ! gươm cùng thuẫn mà mất thì người lấy gì mà giữ mình, ngôn-ngữ văn-tự vẫn quan-hệ như thế thật.

Dân-tộc nước ta vốn là giống Lạc-Việt, khi xưa chung cùng có một thứ tiếng, thứ chữ của mình, song cứ xem sự ngoại-kỳ, Thục-Phán và Triệu-Đà đều là người Trung-quốc sang làm vua nước ta. Thế thì đời ấy dân mình dù có tiếng riêng chữ riêng mà trên triều-đình quan-nha chắc cũng dùng chữ Hán. Đến lúc thuộc Đông-Hán, ông Sĩ-Nhiếp sang ta làm Thái-thú mới dạy người mình học chữ Hán nhiều, mà kỳ-thực chữ Hán đã dùng từ trước.

Từ khi văn Hán-văn đã thành-lập, thì văn-hóa nước mình cũng thịnh dần dần, rồi mới thoát-ly nước Tầu mà độc-lập. Trong khoảng một ngàn năm ấy, phía Bắc thì chống với Trung-Hoa, phía Nam thì lấy Chiêm-Thành, Chân-Lạp, cương-vực đã mở rộng, văn-hóa càng thịnh hành, học-thuật công-nghệ cho đến chế-độ điển-chương.

chẳng cái gì mà không cỗi gốc ở trong nền Hán-học. Vậy cho nên trên triều-đình, dưới dân-gian không đâu không dùng chữ Hán, không việc gì không dùng chữ Hán, mà tiếng nôm chỉ dùng nói chuyện thường, chỉ dùng để nói chuyện với những người không học mà thôi. Và thứ tiếng mà ngày nay gọi là tiếng An-Nam đó thì chữ Hán đã lẫn vào nhiều, thế thì Hán-văn tức là quốc-văn, quốc-văn không rời Hán-văn ra được.

Từ khi Pháp-quốc sang dạy bảo hộ, mới dùng tự-mẫu La-Tinh mà chép tiếng nôm để dùng vào việc thông dịch, thì mới có chữ quốc-ngữ. Mười mấy năm nay, các nhà tân-học cựu-học đều biết rằng muốn khai thông phong-khí cho dễ, truyền bá văn-minh cho mau, thì phải dùng tiếng mình viết chữ mình. Lại thấy vừa lúc Hán-văn đã không dùng mà thi cử, mà Pháp tự đang lúc mới học vỡ lòng, văn chương láo nháo, nhân-vật nhỏ nhang, học-giới nước mình không khác gì nhà nông vào lúc thanh hoàng bất tiếp. Lúc ấy mới dùng quốc-ngữ mà làm luận làm văn, dùng quốc-ngữ mà dịch truyện chép sử, rồi trên những tờ nhật-báo và đầu miệng các sĩ-phu mới phát xuất ba chữ « NỀN QUỐC-VĂN » !

Ôi ! NỀN QUỐC-VĂN ! đang lúc nền Hán-văn chưa đổ hết, nền Pháp-văn chưa vững vàng, mà vun đắp NỀN QUỐC-VĂN này, thực là đúng dịp gặp thời, không phải tìm tài-liệu ở đâu xa, không phải phí công-trình cho trọng-đại, lấy cái tinh-thần trong Hán-văn làm đất cát lấy cái trí-thức trong Pháp-văn làm đá gạch, mà lấy quốc-ngữ làm vôi hồ, thực là một cái nền tốt đẹp cho mười mấy triệu con Hồng cháu Lạc cất nhà xây vách ở trên ấy, sinh trưởng cư-tụ ở trên ấy, núp nắng mưa bão lụt, giữ trộm cắp cướp bóc ở trên ấy vậy.

Như thế lẽ thì một hai người khởi công, mà mọi người giúm sức, để cho cái nền ấy được cao lớn được vững vàng. Song mười mấy năm nay nghe tiếng « NỀN QUỐC-VĂN » đã quen tai, mà hỏi nền ấy ở đâu ? ai đắp ai xây ? Xây đắp được thế nào rồi ? thì là một vấn-đề khó giả lời lắm. Bất-đắc-dĩ phải chỉ mấy tờ báo, chỉ mấy quyển truyện hoang-đường, mấy tập thi-văn tầm phơ nói rằng NỀN QUỐC-VĂN đó.

Ôi ! cũng vẫn là quốc-văn thật, quốc-văn chỉ ở đầu miệng đầu ngòi bút mấy người cựu-học sống sót, cùng một đôi người thông chữ Pháp và chữ Hán ngày xưa ; gọi là nền quốc-văn cũng là bọn ấy bốc cát bùn, nhặt rơm rác, sú với nước lã, xoa trên mặt đất mà thôi, còn

như những lớp tân-nhân-vật, những bọn thiếu niên, đều là đám có thể lực thay mặt cho xã-hội hiện-tại và tương-lai, thì chẳng biết quốc-văn là gì, cũng không dùng quốc-văn làm gì. Lúc đi học không ở trong nền quốc-văn mà ra, cho nên đối với quốc-văn không có chút gì là cảm tưởng. Thế thì biết cái tâm-lý của quốc-dân đối với quốc-văn thiệt là bạc-nhược ; vì không biết chỗ quan hệ của quốc-văn thế nào, không biết người mình sinh-trưởng ở cái nền nào mà ra. Đã không ai có nhiệt-thành đối với quốc-văn, thì còn ai ra sức giúp công mà xây đắp cái nền ấy.

Tuy vậy, sự ấy cũng không lấy gì làm lạ. Người nước mình tự xưa đến nay, cái tâm-lý đối với việc học là cốt học mà đi thi, đi học cũng như đi buôn bán hay làm nghề, cái mục-đích cầu lợi mà thôi. Tiếng rằng nước mình tôn-sùng đạo Khổng, song đó là vì học đi thi mà biết tôn-sùng, chứ không phải vì tôn-sùng mà phải học. Cho nên ngày trước triều-đình thi Hán-tự, thì người mình lo học Hán-tự để lấy ông cử ông nghè, ngày nay Bảo-Hộ thi Pháp-văn, thì người mình lo học Pháp-văn để lấy ông tham ông phán. Tuy rằng trong các trường của chính-phủ còn dạy Hán-văn quốc-văn, song không phải là chính môn kiếm tiền kiếm gạo. Lúa thóc đâu thì bỏ-cầu đó, chứ ngày nay mà bảo người học quốc-văn chẳng khác gì ở triều Thiệu-Trị Tự-Đức mà khuyên người học Pháp-văn vậy.

Cứ cái tâm-lý ấy, thì chẳng kỳ Hán-văn Pháp-văn hay là gì gì văn nữa, thì cũng thế mà thôi. Thế thì dựng NỀN QUỐC-VĂN, chẳng qua là cái mộng-tưởng của đôi ba nhà học-giả, mà chưa phải cái tâm-lý chung của quốc-dân.

Nếu những bậc thượng-lưu trung-lưu trong xã-hội mình, đều biết rõ cái quan-hệ của quốc-văn thế nào, biết cái nền ấy cần phải vun đắp trong lúc này, thế thì phải tính cái phương-pháp đắp dựng thế nào, làm sao cho ai cũng phải vun phải đắp, tỉ như một tổng một làng có một khúc đê ; đã biết cái đê ấy quan-hệ thế nào, không có đê thì không có làng cố tổng, thì nhân-dân trong làng trong tổng bất-luận kẻ trên người dưới, ai cũng có cái nghĩa-vụ phải đắp đê, ai cũng phải xắn tay vén áo ra mà làm. Nền quốc-văn cũng thế. Nếu chỉ đôi ba người văn-sĩ, vêu vao trên mấy tờ nhật-báo, mấy bài văn-thơ, thì nền ấy càng dựng càng ngã, càng đắp càng sút, chẳng bao lâu sẽ bị gió giật mưa trôi, chẳng có chút gì ảnh-hưởng. Vậy chẳng đáng tiếc lắm ru !

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Có kẻ nói rằng người mình ngày trước vì thi-cử mà học Hán-văn, song nhân đó mà lấy được cái văn-hóa Trung-quốc, ngày nay cũng vì thi-cử mà học Pháp-văn, thế thì ngày sau chắc gì không lấy được cái văn-hóa nước Pháp làm của mình, mà lại phải lo dựng nền quốc-văn làm gì?

Nói như thế có phải chăng? Song ngày xưa từ lúc người mình học Hán-văn cho đến lúc thành được cái văn-hóa Trung-quốc đến hơn một ngàn năm, thì ngày nay học Pháp-văn cho đến lúc thành được văn-hóa nước Pháp, có mau chăng nữa, độ mấy trăm năm? Trong mấy trăm năm chưa thành được văn-hóa nước Pháp, thì xã-hội Việt-Nam ra thế nào?

Tập-Xuyên NGÔ-ĐỨC-KẾ

Câu cách-ngôn của các Tây-triết

Dù sướng hay khổ, người ta ai cũng phải cần người khác.

Ai mà chỉ sống mình với mình, thì sự sinh-tồn của mình khó an-toàn được.

(DELILLE)

Những người nhỏ nhen, thì hay bị phiền-phức về những sự nhỏ nhen.

(La Rochefoucauld)

Những sự hành-động oanh-liệt mà kín-đáo là đáng quí hơn hết.

(Pascal)

Sự đốt nát là cái bệnh rất ghê gớm của nhân-loại.

(Voltaire)

KHẢO VỀ HỌC-THUYẾT

CỦA HAI ÔNG TỔ VĂN-MINH ĐỜI NAY

(Tiếp theo)

3. Đích-tạp-Nhi (Descartes) học-thuyết của phái « hoài-nghi »

Đích-tạp-Nhi, người nước Pháp sinh năm 1596. Lúc bé đi học ở nhà học-hiệu của giáo-hội, ông không lấy làm mãn-ý. Thường tự nghĩ mà nói rằng: « ta cứ cắm đầu mà học những sách trần-hủ thế này, thì có ích gì » rồi giã từ nhà học-hiệu, ra làm lính nghĩa dũng, được ít năm lại bỏ, đi chơi các nước Âu-châu, ông thường nói rằng; « việc thiên-hạ cũng như trò kịch, nếu mình lên đài mà diễn kịch, thì sao bằng đứng ngoài mà xem diễn có thú vui hơn ». từ đó ông bỏ việc đời, sang ở nước Hà-Lan hơn 20 năm, vì ông nói nước ấy tông-giáo và chính-trị có vẻ tự do hơn các nước, ông mất năm 1650.

Trước đời ông Đích-tạp-Nhi, cái thế-lực tông-giáo còn mạnh, lòng người tín-ngưỡng còn sâu. Vả từ lúc cổ-học phục-hưng, các học-giả giữ cái ngôn-luận của các tiên-hiền nước Hy-Lạp, coi như kim-thoa ngọc-luật, không dám bước ra ngoài cái phạm-vi ấy. Đó là hai cái nguyên-nhân bó buộc tư-tưởng tự-do của loài người. Từ ông Đích-tạp-Nhi ra đời, ông nói: « phàm đi học phải biết hoài-nghi (không lấy làm chắc phải lẽ) để mà phiên-bác cái thuyết cũ của kẻ trước, rồi mới phát cái ý-kiến của mình ra; trong sự ngờ mà cầu sự tin, thì cái tin mới là chắc thật. » Câu luận ấy thực là mở sáng cho học-giới ngàn năm biết bao nhiêu! Đích-tạp-Nhi nói: từ xưa đến nay, cái sở-kiến người ta mỗi người mỗi khác như thế, những sự-vật mà năm quan mình cảm thụ, trí-tuệ mình xét đoán, lại sai nhầm thất thực như kia, khiến loài người ta sinh ở đời, tối-tăm mù mịt, như say như mơ. Vậy có phải là trong tinh-thần mình có một cái nguyên-nhân hay nghĩ càn tưởng mê mà không nhỏ đi được? hay là trong thế-giới này có một hai con ma nó làm cho mê cái óc khôn của mình, làm cho mờ cái mắt sáng của mình chăng? Thế cho nên ông cho cái trí tuệ người ta không tin cứ được, mà phải biết tìm một đường cho tin cứ được để làm gương soi cho mình.

Ông Đích lại nói: đoán định sự lẽ là thuộc về việc ý-thức, thấy rõ sự lẽ là thuộc về việc trí-thức, ý thì không ngã mà trí thì có ngần. Cái trí-thức ví như cái gương vậy; cái gương thâu các vật-tượng mà chiếu ra, vật gì mà hiện ra rõ ràng ở trước mặt gương, thì gương vẫn thâu được, vẫn chiếu ra được; còn vật nào mà chưa hiện ra trước mặt gương, hay là hiện mà không rõ ràng, thế thì gương không thể thâu được, không thể chiếu ra được. Vậy thì biết rằng cái phạm-vi của trí-thức vẫn là nhỏ hẹp mà có hạn chế, cho nên sai nhầm không mấy. Còn như ý-thức, thì cái phạm-vi rất là rộng rãi mà lại rất tự-do, không có hạn chế. Vì thế những việc gì cái gương trí-thức chưa chiếu được, hoặc là chiếu mà chưa phân-minh, thì cái ý-thức mình đã

vội nhảy ra mà đoán xét, cho là phải thì phải, cho là trái thì trái, như thế là cái quyền ý thức đã tràn ra ngoài cái giới-hạn trí thức rồi, cho nên nhất thiết những điều sai nhầm bởi đó mà sinh.

Như thế mà muốn chữa sự sai nhầm ấy, thì chỉ có một phép, phép gì? Đừng tự-thị trí thức, cũng đừng lạm-dụng ý-thức mà thôi. Phàm đương lúc một sự-vật gì chiếu vào cái gương trí-thức của chúng ta, thì ta nên nghĩ rằng: cái trí-thức mình cảm-giác đó đã hẳn hợp với chân-tướng sự-vật ấy chưa? cái mà mình cho rằng đúng đó đã chắc không có chút gì sai nhầm ở trong ấy chưa? Học-giả thường phải để lòng nghi ngờ như thế, thế thì trong cái cục nghi ngờ ấy tự-nhiên đã có cái hột giống phá-nghi ở đó rồi. Vì người ta nếu đã biết cái trí-tuệ mình hay sinh mê nhầm, vậy thì mình biết mình đó chính là một bài thuốc hay nhất để trị cái bệnh mê nhầm. Sao vậy? mình đã biết lấy mà mình lại nghi lấy, thì bất-kỳ gặp sự gì vật gì, cũng không dám vội ra lời đoán xét, nhờ vậy mà khỏi sự lầm to.

Xem đó thì biết đương lúc trí-thức mình tiếp với sự-vật ở ngoài, thì trong tinh-thần mình có một sự tự-do, tức là phán-đoán. Sự phán-đoán mình vẫn được buông thả ra, mà mình cũng vẫn được ngăn chế lại; nếu đừng vội phán đoán, thì không lẽ nào mà đến mê nhầm được. Tiếng mê nhầm mà giải nghĩa ra tức là phán-đoán không hợp lẽ.

Biết suy nghĩ, biết nghi ngờ, mà không dám vội phán-đoán, việc ấy thuộc về ý-thức, chứ không thuộc về trí-thức, nhờ thế mà mình giữ được tự-do của mình, mình đứng trong vòng sự vật tiếp-xúc luôn luôn, tùy đâu thì ứng đó, mà không đến bối rối. Thế thì tuy rằng cái tinh-thần loài người vẫn là yếu đuối mà đã có sức cứ mạnh ở trong ấy rồi. Người ta mà khác loài muôn vật, biết suy xét hết sự lẽ trong thiên-hạ, là chỉ nhờ cái sức ấy. Nếu biết dùng cái sức ấy để mà phòng ngừa ngoại-vật xâm vào, thế thì những điều tưởng nhầm mê càn làm sao mà dẫn mình đi được?

Có kẻ hỏi rằng: gặp sự vật không vội phán-đoán để phòng cái tệ sai nhầm thì phải lắm rồi, song như vậy thì chân-lý cũng chưa bởi đâu mà phát-hiện ra được.

Ông Địch nói rằng: vẫn có thế, nhưng mà nói không phán đoán, là bảo đừng phán đoán liền ngay mà thôi, chứ không phải cứ thế mãi đâu. Cũng tỉ như việc đánh trận, lúc chưa giao-phong với giặc, thì phải lập trận cho vững, giữ trại cho kiên, giữ được một cái thế không thua, rồi mới liệu thế mà làm cho người ta thua được.

Đó là cái bước thứ nhất cái học cùng-lý của ông Địch-tạp-Nhi, cho nên người ta gọi cái học hoài-nghi ông Địch-tạp-Nhi là có ý hoài-nghi.

Ông Địch nói: người ta gặp sự vật gì thì nên xét cái năng-lực của trí-tuệ mình cái trình-độ thế nào, để vận cái tinh-thần mình mà định lẽ nên lấy hay là nên bỏ. Như vậy những cái hiện-tượng ngoại-vật mình đã thâu-tiếp, thì cứ mỗi cái mỗi làm dâu lấy, cái nào biết được rõ ràng thì lấy, cái nào chưa rõ ràng thì bỏ đi, cái nào khả nghi thì cứ nghi, cái không biết hãy để đó. Ấy đều là cái quyền sở-hữu của mình, mà

không phải là ngoại-vật bắt ép mình được đâu.

Cái lẽ sự vật có cái khó cái dễ, có cái giản-dị, có cái rườm rịt, có cái theo thời mà khác, có cái đã bị kẻ khác làm sai nhầm, như thế thường thường khiến cho cái trí thức của mình quanh mình rối loạn mà không thể biện-biệt cho đúng lẽ hết được.

Còn như ý-thức mình thì mình tự-chủ được, nếu ý-thức mình không dụng gì cả, chỉ cứ theo trí-thức mà xây vần, thế là mình bỏ mất cái khí-cụ của mình, thế là mình bỏ mình mà xiêu theo ngoại-vật.

Câu nói ấy thật là rõ ràng thiết đáng, tức như lời ông Mạnh-tử nói: « cái quan tai mắt, nghe thấy mà không nghĩ, thì phải vật che mất, vật mà giao-tiếp với vật, thì nó dẫn đi mà thôi. Cái quan tâm là để nghĩ, nghĩ thì phải được, không nghĩ thì không được, cái ấy là trời cho mình, mình đứng chỗ cái lớn trước, thì cái nhỏ không đoạt được. »

Ông Địch lại nói: gặp sự-vật mà cứ đoán càn, thì không những là mình dối mình mà lại dối cả người, điều ấy học-giả phải nên giữ riết. Mình chưa biết được việc ấy mà không phán đoán được, đó không phải là cái lỗi mình, lỗi tại chưa biết mà nói càn là mình biết, để làm cho người ta nhầm. Thế thì chỉ nên đem lòng chí-thành mà tự-do đoán xét, hễ mình tin mình được, thì mới có thể làm cho thiên-hạ tin.

Phép ấy chẳng những dùng làm cái đồ để cầu cái chân-lý mà thôi, lại khiến cái trí-tuệ mình độc-lập tự-do, không chênh-lệch, không bó buộc. Nếu một lẽ nào mà thỏa trong lòng mình, thì dẫu cái cảnh-ngộ ở ngoài trái nghịch với mình thế nào, mình cũng cứ giữ lấy lẽ ấy. Nếu cái lẽ ấy mà chưa thỏa trong lòng mình, thì dù cảnh-ngộ ngoài xui giục thế nào, mình cũng bỏ đi. Như vậy thì dù có một lẽ nào mà sách ông A-lí-sĩ-đa-Đức đã nói, kinh ông Da-Tô đã dạy, cho đến các bậc hiền-triết xưa nay đều nói như thế, người thiên-hạ cũng đều tin như thế, mà nếu xét lại trong lòng mình chưa thỏa, thì cũng quyết vẫn bỏ đi, đem cái lẽ mình đã tự-tín ra mà quyết-đấu với các bậc hiền-triết xưa nay cũng không sợ gì, vì mình chỉ trông cậy mình mà thôi.

Ông Địch lại nói: nếu học-giả ai cũng có cái chân-lý mà tự-tín ở mình, thì nên ai nấy cứ giữ lấy mà làm thành cái học-thuyết một nhà. Nếu có chỗ khác nhau, có chỗ trái nhau, thì cứ việc công-kích nhau, biện-bác với nhau, lâu lâu thì cái chân-lý hoàn-toàn phải lòi ra. Vì sao vậy? Cái trí-tuệ người ta tuy có lớn nhỏ cao thấp khác nhau, song cái bản-tính thì đồng; mà cái chân-lý lại là cái vật thuần-nhất mà không có gì lộn lạn. Lấy cái trí-tuệ đồng-tính mà tìm cái chân-lý thuần-nhất, cứ gắng gỏi kiếm tìm, thì tuy đi khác đường mặc lòng, chắc có lúc đồng đến một chỗ. Vậy thì ban đầu tuy mỗi người nói mỗi khác, mà sau tất hợp với nhau. Song cái cốt-yếu nhất là điều chí-thành không dối. Cho nên ông Địch lại nói rằng: các ông cứ thành-tâm mà tìm lấy, nếu không phải thấy được rất rõ thì chớ hạ lời đoán, như thế các ông với chân-lý ngõ hầu được chăng.

Ông Địch-tạp-Nhi mất đến nay đã hơn hai trăm năm, cái câu ông nói

« không phải thấy thật rõ thì chớ hạ lời đoán », tự ngày nay mà xem, thì giống như cũng tầm thường, song mở ra cái học-giới mới mẻ hai trăm năm đây, thật bởi câu ấy làm đầu. Vì từ đời trung-thế trở về đây, các học-giả chỉ dựa theo tiên-hiền mà không xuất ý-kiến mình được, tiền-triết nói phải, thì họ cũng theo nói phải ; tiền-triết nói không phải, thì họ cũng theo nói không phải ; chẳng xét sự-lý ra thế nào, chỉ phụ-họa nói theo mà thôi, thật là nô-lệ trong học-giới. Từ lúc ông Địch-tạp-Nhi ra, thì mới rửa sạch cái nô-tính mà phục lại bản-tính tự-do của người. Công ông Địch thật là nhớn lắm.

Tóm xem cái học-phong cận-thế, thì khiến người ta càng phục lời nói của ông Địch mà không phi-nghị được. Hai trăm năm đây, những học-giả ai nấy đều cứ sở-kiến mà lập-luận, xoang tay trương cánh không é nề gì ; nói có chỗ trái nhau, thì công-kích nhau, giống như là thù-nghịch, song cái mục-đích là cốt tranh cái chân-lý, như vậy mà có chân-lý xuất-hiện ra đâu, thì lại dắt nhau theo về đó, mà không ai mê cái cũ để đổi mình. Thế thì thật là cái chỗ khác nhau trái nhau chính là để hợp nhau theo nhau, cái tự-tưởng tự-do, tức là cái chỗ chân-lý phát-hiện đó.

Lại có một cái chứng-cứ này nữa : xưa nay cái học-thuật nào mà tiến-hóa chóng hơn, thì tất là cái tự-tưởng ngôn-luận về học-thuật ấy có chỗ rộng rãi tự-do hơn. Cho nên số-học thì tiến-bộ rất chóng, rất hoàn toàn, thứ hai thì học cách-trí. Vì sao thế ? về những môn học ấy, học-giả ai có thấy được sự gì lẽ gì, thì cứ việc phát-minh ra, biện-bác ra, không hề kiêng cữ, không phải bó buộc. Đến như học chính-trị, học tông-giáo, học luân-lý, thì tiến-bộ chậm, mà ngày nay cũng chưa hoàn-toàn ; là vì những học ấy bị bó buộc trong kinh-điển của thánh-hiền, bị ngăn chế bởi phong-tục tập-quán của xã-hội, hoặc là tin cổ-nhân mà không dám nghi ngờ, hoặc có ý-kiến riêng mà không dám truyền-bố, ấy vẫn chưa khỏi như lời ông Địch đã nói : « mình dối mình, » mà cái ý-thức tự-do cũng chưa dùng cho hết.

Như trên đã nói, giữ cái tính tự-do, đừng có dối mình, đó là cái nghĩa thứ nhất về học cùng-lý của ông Địch-tạp-Nhi, còn như cái phương-pháp dùng thì chia ra ba đoạn :

1· Chẻ bổ ra. 2· tóm hợp lại. 3· tính toán. chẻ bổ nghĩa là gặp một sự vật gì thì phải dụng-tâm tách ra mà xem ở trong có chứa những vật gì. Tóm hợp nghĩa là đem các tư-tưởng và sự-vật cứ từng cái mà tóm lại, khiến cho thứ hợp chỉnh-tề. Tính toán nghĩa là những sự-vật đã xem xét rồi, thì tính-toán hợp cộng lại, đừng để sót đi. Cái phương-pháp ấy thật đã dễ dàng mà rõ rệt, song cốt nhất tại phép tóm hợp.

Ông Địch lấy rằng mọi vật trong thế-giới rờm rực như thế, song ở trong tất có một cái lẽ lớn thông suốt hết, mà phàm trăm lẽ khác đều quy-kết về đó. Cho nên học-giả phải tìm trong mọi lẽ sự-vật, cái gì làm thống-lĩnh, cái gì làm phụ-thuộc, tức như câu nói « thông được một việc thì muôn việc đều xong. »

Đương lúc giảng-cầu sự-vật gì mà các bộ-phận dính theo nhau, không hiểu được cái cớ vì sao mà thế, thì trước phải suy-trắc một lẽ, để đó làm cái đích, rồi sau lấy phép thực-nghiệm mà xét xem cái kết-quả có phù-hợp hay không. Nếu không hợp thì lại phải lập một cái đích khác để mà tìm. Cứ làm như thế mãi, thì hẳn biết được cái cớ các sự-vật đính theo nhau mà cái lẽ lớn tự khắc vọt ra đó.

Cho nên ông Địch thường đặt một thí-dụ rằng : Trí-tuệ tỉ như mặt trời những vật chịu ánh sáng mặt trời chiếu thì vẫn nhiều, mà mặt trời thì chỉ có một ; trí-tuệ thì giảng-cầu nhiều sự-vật, mà cái phép dụng trí-tuệ thì đồng. Cho nên chúng ta giảng-cầu một lẽ mà thấy được thấu-đáo, thì giảng-cầu các lẽ khác cũng đỡ công. Vì trăm lẽ thiên-hạ đều là dính liền theo nhau ; học-giả muốn học cho cùng lý thì không nên chỉ giữ một khoa, tất phải lược biết cả mọi học-thuật, để mà xem đến chỗ đồng một lẽ ấy chính là một phép tóm hợp của ông Địch-tạp-Nhi.

Cái học-thuyết ông Địch, trừ mấy điều đã nói trên, còn cái thuyết « lương-tri », cái thuyết « linh-hồn » cái thuyết « tạo-hóa », cái thuyết « mọi vật trong thế-giới », đều là sâu xa rộng lớn, đầu đuôi ứng với nhau, thành một học-thuyết đại-gia. Song nghĩa-lý thâm thúy không phải người thường hiểu được. Nói rút lại, cái phải học Địch-tạp-Nhi thật là phá cái lề lối câu-thúc đời trung-thế mà mở cái màn sáng chói cho đời nay, người Âu Mĩ ai cũng truyền-tụng, ai cũng kính-phục.

4. Hợp-luận

Phái học Bội-Côn và phái học Địch-tạp-Nhi, tự bề ngoài mà xem, thiệt là hai phái phản-đối, phái thì dựa vào vật, phái thì dựa vào tâm ; phái thì lấy trí-thức lạ bởi kinh-nghiệm vật ngoài mà được ; phái thì nói trí-thức bởi tinh thần trong mình, hai phái đời lấy giữ nhau gần đến trăm năm. Những học-giả tổ-thuật hai phái ấy cũng nhiều nhà danh-tiếng, mỗi nhà đều phát-minh một nghĩa, nghị-luận càng vỡ càng tinh, chân-lý càng biện càng rõ. Đến cuối thế-kỷ 18, một nhà danh-nho là Khang-Đức (Kant 1724-1804) ra đời, mới hòa-hợp cả hai phái lại thành một khoa triết-học thật hoàn-toàn. Đến cận-thế đây, Đạt-nhĩ-Văn (Darwin) Tú-tân-Tắc (Spenser) mấy ông ấy ra đời, mà cái học « nguyên lý mọi vật » lại mở sáng thêm nữa. Song suy-nguyên cội gốc, thì ai cũng phải quy-công cho Bội-Côn và Địch-tạp-Nhi. Hai ông thật đáng là bậc vĩ-nhân cận-thế thay !

TẬP-XUYÊN

Câu cách-ngôn của các Tây-triết

Làm cho người khác, lúc nào cũng như lúc nào, nếu chúng ta lại muốn cho người ta lại làm cho chúng ta ; như thế gọi là nhân-đức.

(LAMENNAIS)

MỘT TẬP LỊCH-SỬ RẤT CÓ GIÁ-TRỊ CỦA NƯỚC CHIÊM-THÀNH

占城興亡歷史

(Tiếp theo số 10)

Văn-học nước Chiêm-Thành

Cứ theo trong sách chép về đời Phạm-Dật sai người vào công nhà Tấn, có một bài biểu đều dùng chữ nước Lâm-Ấp. Lại chép rằng lấy lá cây làm giấy mà viết chữ. Xem đấy thì biết thuở xưa cũng đã sẵn có một thứ chữ rồi.

Nước Chiêm đời xưa về phương-diện tông-giáo, lấy thờ trời làm gốc, mà không làm tượng thờ bao giờ. Kinh có 13 tạng, (1) hơn 3600 quyển, cách viết chữ đều viết ngang, chữ cũng có 3 thức, một là cách viết triện, hai là cách viết thảo, ba là cách viết khải.

Nay cứ xem di-tích ở các tỉnh Trung-Kỳ như Mỹ-Sơn (**美山**) Đồng-Dương (**同陽**) ở tỉnh Quảng-Nam, cùng Nha-trang ở tỉnh Khánh-Hòa, đều có các mặt bia cổ còn để lại, mà những bia ấy, đều viết thứ chữ như chữ Phạm (梵). Cứ theo các nhà triết-học Thái-tây khảo ra, thì đều gọi đời xưa nước Chiêm theo đạo Phật, cho nên chữ Phạm thịnh-hành lắm.

Lại sử nhà Minh có chép rằng: tháng năm niên-hiệu Hồng-vũ (**洪武**) thứ hai, có khiến sứ ban lời chiếu khoa-cử cho nước Chiêm-Thành, nhân vì Chiêm-Thành đã đều thông chữ Hán cả v. v.

Bộ sách Minh-thi-tông (明詩綜) có chép mấy bài thơ của cống-sứ nước Chiêm, một bài đầu tự nước Chiêm đi vào cống (初發占城)

Hành tận hà-kiều dương liễu biên,

行盡河橋楊柳邊

Phiến phàm cao quải viễn triều thiên.

片帆高掛遠朝天

Vị hành tiên thức qui tâm tảo,

未行先識歸心早

Ủng thị Yên-sơn hữu đỗ quyên.

應是燕山有杜鵑

Lại một bài là giang-lầu lưu biệt.

Thanh-chưởng phủ lâu lâu phủ độ.

清嶂俯樓樓俯渡

Viễn-nhân tống khách thử kinh qua.

遠人送客此經過

Tây phong dương tử giang biên liễu.

西風楊子江邊柳

Lạc diệp bất như qui tứ đa.

落葉不如歸思多

Lại bộ sách Trạc-anh-đình-bút-ký có chép rằng: đương lúc cuối nhà Tống có một người nghĩa-sĩ tên là Thẩm-kính-Chi (沈敬之) trốn chạy qua nước Chiêm-Thành, học cách Thân-bao-Tư (申包胥) đến khóc sân nhà Tần (秦) xin nước Chiêm giúp binh, để khôi-phục lại cơ-đồ nhà Tống, vua Chiêm nhân nghĩ nước nhỏ và sức yếu, không thể giúp được, từ tạ không chịu nhận lời. Thẩm-kính-Chi thường phải lưu lạc ở lấy luôn. vua Chiêm cũng lấy lễ quốc-tân ưu-đãi ông, nhưng ông nhân lo buồn mà đau chết tại đấy. Vua Chiêm lấy lễ chôn cất ông, và có một bài thơ điếu ông rằng:

(1) Tên bộ kinh nhà Phật.

Thống khóc Giang-Nam lão-cự-

[khanh,

痛哭江南老鉅卿

Xuân phong uổng lệ vị thương tình.

春風揾淚爲傷情

Vô đoan thiên thượng biên niên

[nguyệt,

無端天上編年月

Trí sử nhân gian hữu tử sinh.

致使人間有死生

Vạn điệp bạch vân già cố quốc,

萬疊白雲遮故國

Nhất phầu hoàng thổ cái hương

[danh,

一坏黃土蓋香名

Anh hồn hảo trục đông phong khứ,

英魂好逐東風去

Mạc hướng biên ngung oán bất

[bình (1).

莫向邊隅怨不平

Cứ theo mấy bài chép ở trên, thì biết vào thời-đại nhà Tống nhà Nguyên là thế kỷ XIII, mà Hán-học nước Chiêm đã thịnh-vượng như thế.

Xem đấy thì biết về đời trung-cổ, thì văn-hóa ấn-độ thịnh hành, mà về đời cận-cổ, thì văn-hóa Trung-quốc phát đạt, dung-nạp cả văn-hóa hai phương-diện, mà thành một cái văn-hóa Chiêm-thành, đủ biết cái trình-độ tiến-tới, thực không kém gì một dân-tộc ở trong thế-giới vậy.

Mỹ-thuật kỹ-nghệ của nước Chiêm-Thành

Nước Chiêm dung-nạp hai cái văn-hóa mà thành một cái văn-hóa riêng,

(1) Bài thơ này ở trong bộ An-nam-chí-lược (安南志畧) cho là của vua Thánh-Tôn nhà Trần điếu ông Trần-trọng-Huy nhà Tống, cũng phụ ghi vào đây, để tiện tham khảo.

cho nên về đồ mỹ-thuật kỹ-nghệ của nước Chiêm, đến bây giờ vẫn còn một cái giá-trị lớn ở trong thế-giới.

Nay thử xem các sở di-tích của Chiêm-Thành như chùa Mỹ-sơn, tháp Đồng-dương, từ trước thềm đá trông vào, một cái cửa, một cây cột, một tấm ngói, một viên gạch, đều là có cái vẻ đẹp-đẽ, xem toàn thể cách kiến-trúc, thì lại như một bức tranh vẽ, nào là chạm, nào là khắc, nào là tượng người, nào là tượng vật, đều đủ cái cách ưu-mỹ, phong-nhã, tinh-túy, chu-chiết, khiến cho người trông phải xem xét, phải ngẫm nghĩ, phải trông qua, phải xét lại, biết cho được thấu đáo, mới bỏ mà đi được.

Lại như xem một cái tượng người đá của người Chiêm chạm ra, trong cái nét mặt cái cánh tay, cái cách đứng, cái dạng ngồi, cũng có thái độ tự nhiên, thần-tình vạm-vỡ, khiến cho người ngó qua, thì tưởng tượng là người thật. Cái chỗ tinh-diệu ấy, tinh-diệu biết chừng nào.

Đến như đồ chén bát cùng các thứ khác thuộc về đồ gốm, cái nét vẽ, cái nước men, cái khuôn cái dạng, cũng thực đủ cách tinh-túy, nay hễ ai có tìm được một cái vật gì bằng đồ gốm ấy, thì quí báu không biết chừng nào.

Phong-tục nước Chiêm-Thành.

Phong-tục nước Chiêm rất hung-hăng, ưa sự đánh nhau, quen leo núi lội nước, mà ít quen ở đồng-bằng, tục thường ở lỗ đi đất, không giầy-dép gì, lấy sắc đen làm đẹp; quí con gái mà tiện con trai, người đồng họ, cùng lấy lẫn nhau. Con gái cưới lấy chồng, lễ cưới thường chọn về

tháng tám, khi cưới thì người đạo Bà-la-Môn đem người rể đến ra mắt người con gái, hai bên trai gái đều bắt tay nhau mà chúc rằng: cát-lợi cát-lợi (吉利吉利)

Còn về việc tang thì cắt tóc để tang gọi là có hiếu, đem thây ma ra đốt gọi là hỏa-táng, đàn bà chết chồng, thì cứ thả tóc suốt đời.

Ăn mặc thì lấy tấm vải vấn trước bụng thả thòng đến gót chân, tay áo thì hẹp. Đầu thì búi tóc mà thả tóc dư ra phía sau. Buôn bán với nhau, thì chỉ dụng vàng bạc mà so-sánh nhau, chớ chưa thường có dùng tiền bao giờ.

Đồ nhạc-khí thì có đàn hồ-cầm, địch, trống con, và trống lớn. - Lại khéo múa lắm. Sử Nhật-bản có chép ông Phật-triết thiều-sư, là người Lâm-Ấp, cùng ông Bồ-Đề tăng chính là người Ấn-Độ đi sang Nhật, có dạy cho người Nhật hai cách múa, một là cách múa bồ-tát, hai là cách múa Phác-đầu; xem đây thì biết văn-minh của Lâm-Ấp xưa cũng có ảnh-hưởng đến Nhật-Bản nhiều lắm. Tục lấy tháng hai làm đầu năm, ngày đầu năm, lệ thường dắt voi cho đi xung-quanh chỗ nhà mình ở, rồi mới đuổi đi, gọi là đuổi tạ. Thường đến tháng tư, thì có lệ đua thuyền cho vui. Nay ở Trung-Kỳ có cái tục đua thuyền, tất là theo cái phong-tục ấy.

Vua lập lên thì phong cho một người anh làm phó - vương, một người em làm thứ-vương, chức quan lớn có tám người, phân ra đông, tây, nam, bắc, mỗi phía đều có hai người để phân gánh các việc, không có bổng lộc gì, chỉ khiến chỗ thuộc hạt của ông quan ấy cung-cấp cho quan mà thôi.

Các Quan-thuộc có đến chầu vua thì chắp tay lạy một lạy, thưa việc rồi, lại chắp tay lạy một lạy mà lui ra.

Vua đi chơi nơi gần thì ngồi võng, hoặc ngồi cáng đòn-cong, đi xa thì cưỡi voi, khi đi bảo người đội quả tráu cau đi trước, các quan đi hộ-tùng thì cầm những cung, tên, dao, phạng các thứ theo hầu. Nhân dân trông thấy vua đi, cũng cúi đầu xuống lạy một lạy, để tỏ lòng tôn-kính.

Chiêm-Thành vẫn có nhiều vàng bạc lắm; đến bây giờ ở các tỉnh Trung - Kỳ, những kẻ nông - dân, thường tình cũng được vàng mà giàu, không biết những vàng bạc ấy từ đâu làm ra, hay là có phương-pháp gì bòn vàng chăng?

Cứ theo bộ Trình-sử (程史) của ông Nhạc-Ai (岳珂) nhà Tống có chép rằng: « ở đất Phiên - ngung (番禺) tức là huyện Phiên - ngung, tỉnh Quảng-đông bây giờ) có nhiều người hải-lạo ở lẫn nhau, mà hào phú nhất là người họ Bồ, (蒲 người Chiêm phần nhiều là Họ Bồ) họ Bồ nguyên là người quí-tộc nước Chiêm, nhân thả thuyền vào Trung-quốc, gặp gió sóng gian-nan, cho nên sợ mà không dám đi trở về, xin với vua Chiêm ở lại Tàu để buôn bán. Sau làm nhà ở tại trong thành. Cách kiến-trúc xa-xỉ phạm cấm-lệ, nhưng vì muốn chiêu-dụ, để rộng đường buôn bán, và lại không phải là người ta, cho nên không cần hỏi đến. Cách nhà ở lại càng ngày làm thêm rộng rãi to tát, và cũng giàu nhất trong thiên - hạ. Năm Nhâm - tý là năm thứ ba niên-hiệu Thiệu-hy (紹熙 1192) gia-quân làm quan ở Quảng châu, lúc ấy ta mới 10 tuổi, thường đến nhà người Chiêm ấy chơi, đến

nay hãy còn nhớ được chỗ ở cũ.

« Cái sở nhà của người Chiêm ấy, có những lầu cao gác đẹp, rộng-rãi lai-láng, không thể nào kể hết ra được, nhưng những việc lạ xin ghi để lại cũng nhiều lắm, nay thử kể một đôi chuyện như sau này:

« Tính người Chiêm mê-tín quỉ-thần mà lại ưa sạch-sẽ, ngày thường cả ngày cứ cúng-tế cầu phúc. Có một cái nhà thờ để thờ, cũng như ta thờ Phật, mà không thờ tượng, không biết là thờ ông thần gì. Cửa nhà thờ có một cái bia, cao độ vài trượng, trên cái bia ấy khắc nhiều thứ chữ lạ, đấy là cái thần-chủ, ai cũng quì xuống đấy mà lạy.

« Sáng mai nhóm lại ăn cơm, chẳng có đũa thìa gì, lấy các thứ vàng bạc làm một cái thùng to, trộn cả cá với xôi làm một, rưới bông tường-vi cùng bằng não lên trên, ngồi ăn thì thường để tay mặt ở dưới nệm, gọi cái tay ấy là tay chạm nhau, cho nên không dùng đến; chỉ lấy tay trái bốc mà ăn, ăn no rửa tay, lại vào nhà thờ lạy tạ.

Chỗ ở không làm nhà xí, có một cái lầu cao hơn 100 thước, trông xuống thì có cái rãnh nước chảy, lấy đồng làm ván, đặt máy móc ở dưới, cách trang-trí thực rất sạch sẽ lắm. Trên lầu thì chạm-trổ vẽ-thếp rất đẹp, không thể nào mà hình dung hết được.

« Nhà giữa có bốn cây trụ bằng trầm-hương cao tột đến nóc nhà, còn những buồng-the hiên-tạ không biết mấy lớp mấy từng mà kể.

« Người Chiêm lúc trước có chở đến bốn cây trụ bằng trầm - hương thực lớn, muốn cống cho triều-đình. Sở Bạc-ty (sở Bạc-ty tức là sở thương chính lúc bấy giờ) nhân thấy vật ấy không phải là vật thường có, e sau triều-đình hoặc có khi trưng cầu thêm thì không biết lấy đâu mà nạp cho nên không chịu nhận, bốn cái trụ ấy nay cũng hãy còn để tại dưới hiên, mà chưa dùng làm gì cả.

« Bên nhà có một cái tháp, dưới chân lấy gạch làm nền, phía ngoài bôi vôi trắng, trông như một ngòi-bút bằng bạc; dưới chân tháp có một cái cửa, có làm cầu-thang xây tròn ở trong, tròng ở phía ngoài thì như hình không có đường nào đi lên được, mỗi vài mươi bực thang, thì có mở một cái lỗ con, thường năm đến tháng tư tháng năm, có thuyền buôn sắp đến, thì người Chiêm leo lên tháp ra mây chỗ lỗ con ấy, để cầu-đảo van-vái cho có gió nam, thuyền mau được đến nơi. Ở trên chót tháp, có một con gà bằng vàng to lắm, để người xem cho đẹp. Nay con gà ấy đã mất một cái chân, cứ theo lời người Quảng-châu thuật lại, thì con gà vàng ấy lúc trước vẫn có hai chân, bị kẻ trộm lấy mất một chân, không biết đâu mà tìm bắt cho được, vừa thấy ở chợ có một người nghèo hèn đi bán vàng, quan bắt người ấy tra hỏi! thì quả là người ăn trộm cái chân gà vàng ấy.

« Quan hỏi thằng kẻ trộm ấy lấy cái phương pháp gì mà lấy được cái chân gà vàng, kẻ trộm khai rằng: « nhà người Chiêm canh-giữ nghiêm-nhặt không ai làm thế nào mà vào được; tôi leo lên trên giường cách ba đêm mới leo đến chót tháp, khi leo lên, gói cơm khô đem theo, ban ngày thì trốn, ban đêm thì tìm cách leo lên, cầm theo một cái cưa, cưa vàng mà lấy,

nhân vì vàng nặng lắm, cho nên chỉ lấy được một cái chân mà thôi ».

« Lại hỏi đến cách làm thế nào mà đi xuống được, kẻ trộm đáp rằng : « khi tôi đi lên có cầm theo hai cái ô không có cán, đã lấy được rồi, lúc khi có gió, lấy ô làm hai cái cánh mà bay xuống, không hại gì đến cả »

« Con gà vàng ấy từ khi phải kẻ trộm lấy mất một chân rồi ; thì không thể nào mà làm lại được, cho nên đến nay cũng chỉ có một cái chân mà thôi ».

« Có một năm nhân dầu năm tại quận Quảng-châu, gia-quân có đặt tiệc để tiếp rước người Chiêm, trầu thiết hẳn hoi, cả nhà trông ra trông ra, ta thấy người Chiêm tiêu dụng một cách xa phí, xem vàng như đất bụi vậy, trưởng cao khắp cả tôi tớ, lại mang đến những đồ trân bảu, không biết bao nhiêu mà kể hết được »

Cứ theo lời Trình-sử thuật như thế, đủ biết người nước Chiêm hào phú biết chừng nào !

(còn nữa)

TẢN-ĐÌNH

BẢN-CHÍ KHẢI-SỰ

Xin nhắc để các ngài mua báo biết cho rằng : Ngài nào mua báo cả năm hay nửa năm, xin kíp gửi tiền về giả cho, để bản-chí tiện việc tính-toán sổ-sách.

Gửi tiền hay gửi mandat về giả, xin để như sau này :

NGUYỄN-DUY-NHO
Directeur de la Revue Hữu-Thanh
No 59, Rue du Chanvre -- Hanoi

***

Ngài nào mua báo 6 tháng đến số 12 này là hết hạn, nếu không gửi thư về, thì bản-chí xin cứ gửi báo tiếp-theo, kể là mua một hạn nữa.

PHONG-TỤC LẠ CÁC NƯỚC

(Tiếp-theo)

Đảo Bà-La-Châu (Borneo)

Bà-la-Châu là một đảo ở về chòm đảo Nam-dương. Người xứ ấy trước ngực thường giùi lỗ nho nhỏ như tổ ong, để giắt hoa vào cho đẹp.

Dân đó hay giết người, hễ giết được một người, thì thề nào cũng cắt đầu đem về nhà. Làm giai mà chưa giết được người nào thì chúng cho là người yếu đuối hèn hạ, ít kẻ chơi với, cũng ít kẻ bằng lòng gả con gái cho. Vì thế cho nên con giai độ mười ba mười bốn tuổi, thì cha mẹ đã dạy cho nó giết người. Ai phạm nhiều án mạng thì chúng cho là người hùng-dũng can-đảm. Song họ giết đều là người thù-địch cả, cho nên nhà nào mà trong nhà để nhiều đầu lâu, cứ từng xâu như chuỗi hột, thì được người ta khen ngợi, danh tiếng vẻ vang.

Lại hay tin chiêm mộng, hễ thấy chiêm bao thì nghỉ công việc làm, mời thầy đến đoán mộng, lấy làm cẩn thận lắm.

Người ở nội-địa Bà-la-Châu có cái lệ chào khách rất lạ ; là kẻ quí-khách tiếp-kiến nhau, thì trỏ chân ra, hai bên đều ngửi chân nhau, làm như thế đến ba bốn lần mới là cung kính, cũng như người tây bắt tay, người ta chắp tay vậy.

Con giai con gái lấy sự tu-đạo làm trọng, người nào tu đạo được thì cho là người trong sạch, dù bậc tôn-trưởng cũng phải kính-trọng người ấy. Song cách tu-đạo của họ thì tàn-nhẫn lắm, con giai tu-đạo thì phải thiến, con gái thì giam cầm lại. Mỗi lúc có giai gái nào tu-đạo mà phải thiến phải cấm như thế, thì thân thích bè bạn đều đến xem, dù ông tù-trưởng trong xứ cũng đến mà giám-sát. Con giai đã thiến rồi thì đem cái dương-vật di truyền khắp trong họ hàng được xem hết. Có kẻ thì đựng cái dương-vật vào trong cái đồ chạm trổ sơn vẽ đẹp đẽ đem để giữa chợ lớn, để làm gương cho chúng biết mà bắt chước. Cái phong tục ấy thật là lạ lùng gớm ghiếc.

Ấn-Độ (Inde)

Ở miền chính giữa nước Ấn-Độ có núi tên là Tí-Liệt, ở dưới núi ấy có dân mọi ở. Cũng gọi là mọi Tí-Liệt. Tục dân đó, thờ nhiều thần lắm, như thần Ôn, thần Rồng, thần Đậu, đều có tên riêng cả. Lúc tế-tự, thường chọn chỗ trên núi cao, đắp đá làm cái đàn, một bên để một con ngựa đất, một bên để con ngựa đá. Con ngựa đất làm trống trong lòng, lỗ cửa phân thiệt lớn, vì dân đó tin rằng người chết rồi thì hồn chui qua đít ngựa rồi mới lên trời, những câu nói càng tin càng dễ làm cho người nghe mà nực cười.

Gần đó lại có một giống người gọi là giống Cái-Y, lúc tế thần thì thường đem một đồng tiền nhỏ treo ở trong rừng sâu mà cúng lạy đồng tiền ấy. Lại có thần đàn bà tên là Gia-Lợi, dân đó nói rằng thần ấy giữ bệnh đậu nhân-gian, cho nên tạc tượng lập miếu mà thờ. Trước ngày tế thì bắt một người đem vào miếu giam lại, đến đêm khuya thì giết đi mà tế. Vì họ nói rằng thần đậu ấy hay ăn huyết

người. Tục ấy sau đã bị người Anh-cát-Lợi cấm.

Ở nội địa Ấn-độ, đời xưa có tục kính trọng con trâu, nói trâu là vật rất quý chuộng của thiên-thần cho xuống nhân-gian mà cứu đời, cho nên mỗi họ đều chọn một con trâu thần, lập miếu mà thờ, đặt một người ở luôn trong miếu, giữ việc hương lửa, gọi là người đầu hương. Những phẩn và tiểu của con trâu thần ấy thì họ xem như là nước thánh thuốc tiên, mỗi khi trâu thần phóng ra, thì người đầu hương lấy đồ hứng lấy, rồi đem ban phát cho các nhà trong dân. Hễ đến tiết vui lễ trọng thì ai nấy đều lấy phẩn trâu bôi trước trán để vào miếu cúng lạy. Lúc tế-tự trong nhà, dẫu có lễ vật gì nhiều nữa cũng phải đặt một chút phẩn trâu để tỏ lòng thành-kính. Phàm ngộ việc ăn mừng dọn tiệc, thì thế nào cũng phải có phẩn trâu.

Tây-bá-lợi-Á (Sibérie)

Dân ở miền bờ sông Nga-Tỉ (Obi) thuộc về đất Tây-bá-lợi Á, tục hay thờ thần táo, nói rằng thần ấy bảo hộ sản-nghiệp cho người, làm cho người ta nên giàu được. Lại thờ thần tên là Lãng, nói thần ấy giữ những sự kín trong thế-gian, kiêm quản những vật làm thuốc. Vậy cho nên người chết thì phải lập tượng thần ấy mà tế, ba năm mới thôi. Ông sư coi việc ấy thì kiêm cả thầy thuốc; thường khi nói to nhảy lớn, ra hình ra bộ, nói lúc ấy là lúc nói chuyện với thần cũng như người nước Nam ngồi đồng vậy.

Lại có thờ thần gấu, mổ con gấu lột lấy da, gọi là thánh-phẩm. Ai kỳ nguyện việc gì thì thỉnh sư cầu thần giáng. Sư vào đám thì nhảy cao nói lớn, một lát rồi ngã lăn xuống đất, có kẻ giữ việc lấy cái lốt thánh-phẩm mà trùm trên mình sư, lúc ấy người nhà xúm lại chung quanh, lấy dây buộc vào cổ sư, cho hai người kéo hai mối dây thắt lại; sư ở trong lốt, nghẹt hơi tắt hơi, tay chân vật giãy, mồ hôi tướt cả mình, bộ dã sắp chết, một lát rồi chúng mới nới dây ra, sư tỉnh lại, mệt lắm, nghỉ một chút, rồi lại nhảy lên, nói dã được gặp đức thánh rồi, đức thánh dạy thế nọ thế kia; sư nói gì, họ cũng tin là lời đức thánh, phải kính cẩn vâng theo. Cái tục ấy cũng như An-nam ta đánh thiếp và ngồi đồng, đều là sự mê cản tin bậy của dân mọi rợ.

Á-Lạt-Bá (Arabie)

Dân ở chính bản-thổ nước Á-lạt-Bá, phàm việc tang đưa đám lúc gần đến huyệt, cách độ vài mươi bộ, thì dã có cái rãnh đào sẵn như cái sông con, trên có bắc cầu; hễ linh-cữu đến cầu thì dừng lại; trước cầu có che cái rạp, có 32 người luật-sư đã ở sẵn đó, khi đem linh-cữu vào đặt giữa rạp, thì bà con thân-thích đều đến đưa đám. Như kẻ chết ấy lúc sống có làm điều gì tối tăm độc ác, thì người ta được cáo-tố với mấy người luật-sư. Để ba ngày mà không có ai cáo-tố việc gì, biết rằng kẻ chết ấy là một người có đạo-đức, người ta đều tín-phục, thì mới cho đem linh-cữu đến huyệt mà táng. Nếu có người cáo-tố, thì luật-sư cứ lấy công-đạo mà xử đoán, quả là người đức-hạnh không tốt, thì bắt đình táng mười ngày, cho phép người ta đến trước linh-cữu mà mắng chửi, rồi mới táng được; lúc táng không cho ai đến thăm điếu gì hết. Còn như kẻ mà không ai cáo-tố việc gì, thì lúc sắp hạ huyệt thân thích bạn bè đều đến điếu tế; táng rồi cũng còn kẻ điếu tế. Cách điếu tế thì lấy hoa liền cả gốc mà trồng trước mộ. Những người có đức vọng thì cây hoa trên mộ thật nhiều, trông đẹp lắm.

Cái lễ táng của dân này thật có ý-nghĩa lắm. Người đời làm sự gian-ác thì nước nào cũng có pháp luật của chính-phủ trị phạt, nhưng mà cũng nhiều việc gian ác mà kín đáo không phát ra, hoặc phát ra mà tìm phương cứu gỡ trốn khỏi tội phạt. Cho nên dân ấy đặt ra cái lệ lập tòa-án trước mộ mà cho người mắng chửi, thì những người bất-thiện dù lúc sống mà tránh khỏi tội phạt nữa, lúc chết cũng không khỏi sỉ-nhục trước mặt đông người. Các nhà tôn-giáo làm sách dạy đời, nói ai làm điều ác thì chết xuống Âm-ti Địa-ngục bị hình thảm khổ, song Âm-ti Địa-ngục ở đâu đâu, người đời chẳng ai mắt thấy, sao bằng giữa đám tang hiếu, trước nền mộ-địa, mà họ đến mắng trâu mắng chó chửi cha chửi ông mà không dám nói gì, thật là một sự đại-nhục; như thế dễ cho người đời khuyên điều lành răn điều ác, có lẽ mạnh hơn.

Song giả-sử tục ấy ở nước Nam ta, thì những đám ma linh đình, mà chủ tang sợ kẻ chết bình-sinh nhiều người có ác-cảm đến mà mắng chửi, thì tất lại chạy tiền cho 32 ông luật-sư Annam, xử đoán xây xa cho trắng án, để cho việc đám được tốt đẹp yên lành, thế là tục ấy chỉ làm tốt mồi cho luật-sư mà thôi.

* * *

Lời Dịch-giả — Loài người không khỏi sự mê-tín, song dân nào đã khai-thông thì ít sự mê-tín, có mê-tín nữa cũng còn là sự có lẽ đáng mê-tín; dân dã-man thì nhiều sự mê-tín, mà mê-tín những sự rất càn. Vậy cho nên cái phong-tục của một dân-tộc nào, thì tự họ bị che mắt lấp tai bởi cái cuộc mê-tín của họ, mà không biết hay dở phải trái gì, chứ tự dân-tộc khác mà xem vào, thì thật là quái lạ mà phải chê cười. So ra đồng này cũng có sự mê-tín khác đáng chê cười như thế.

Như phong-tục các dân đã nói trước ấy, dân Úc-châu thấy ai có bệnh-thốt-tử thì tin rằng có đứa thù làm phù phép, phải xem dấu chân loài vật đi qua trên mộ để đi tìm người thù; dân Tâm-lức-nguy-Chi thì thấy bóng người chiếu trong nước trong gương, mà bảo đó là hồn người; dân Tỉ-Liệt thì tin rằng người chết rồi hồn phải chui qua cửa phân con ngựa; dân xứ Ấn-Độ sùng bái tuần-trâu, đến nỗi lấy phân trâu bôi trên đầu và dọn tiệc; người Annam ta đọc mấy bài phong-tục ấy thì vô-luận kẻ trí người ngu ai cũng nực cười.

Song An-nam ta những điều mê-tín giống như thế cũng vẫn còn nhiều. Như thờ ông bếp, mà tin rằng ngày 23 tháng chạp ông bếp lên chầu giời; thờ thổ-công, nặn cái tượng đất bụng to mà để lên cúng lạy; thờ thần Hổ mà gọi là quan tướng; thấy sấm sét thì tin rằng có ông thiên-lôi cầm búa; thấy chiêm bao thì tin rằng hồn kẻ chết về; lại như phép phù-thủy, pháp-sư, cầu thành-hoàng, ngồi đồng-bóng, rạch lưỡi ra máu để thư-phù, mà tin rằng uống vào khỏi bệnh, mê sảng nhảy nhót, nói hoảng nói càn, mà tin là đức thánh truyền dạy. Những điều mê-tín như thế kể ra không xiết. Thế thì người mình cũng nên biết rằng: những tục ấy tự mình không lấy làm lạ, mà một dân-tộc khai-thông trông thấy cũng nực cười.

—NAM-QUAN

VĂN NỮ-GIỚI

Một điều nên cải-lương thứ nhất trong nữ-lưu ta ngày nay

(Tiếp theo số 11)

« Hôm rằm tháng giêng năm nay, em có đi lễ ở đền đức thánh Linh-Lang (gần Hanoi), thấy một người con gái, hình như người thành-phố Hanoi, ước chừng 18, 20 tuổi, xóc một quẻ thẻ, đem mượn một ông thầy ngồi ngay ở cửa đền đoán cho. Không biết trong thẻ nói những gì mà thầy ông thầy đoán rằng :« cứ như các lời ngài ứng trong thẻ, thì sự nhân-duyên của cô thẻ nào cũng sinh trắc-trở, chưa biết có trăm năm hòa-hảo được không ! ». Lại thấy cô ấy nói rằng : « từ ngày tôi làm bạn với cậu nó, tôi lấy làm khổ sở khó chịu quá, nên mới đi lễ xin thẻ xem thẻ nào. Bây giờ ông đã đoán như thẻ, để tôi nghĩ xem ».

Ôi ! thế mới ghê gớm chứ ! không biết trong thẻ thế nào, mà anh thầy ấy đoán đến như thế ! Nếu cô ấy quả nghe lời anh đoán ấy, thì cuộc nhân-duyên ra sao ? Có lẽ vì mấy câu hão-huyền ấy mà đến nỗi kẻ bắc người nam chứ ! Di-hại cho gia-tộc xã-hội biết là dường nào ! Tiếc thay em cũng phận đào tơ liễu yếu, không có đủ thế-lực mà hạch-tội anh đoán thẻ ấy, không biết cái công đoán của anh ta bấy giờ đáng giá bao nhiêu, mà dám nói những lời như vậy.

Tin sự bói toán như thế, có hại không ? có đáng sợ không !

Phương-ngôn ta có câu rằng: « bói ra ma, quét nhà ra rác ». Câu nói đó là chỉ về sự bói rất nhảm, khuyên người đời không nên mê-hoặc tin theo. Thế mà người đời vẫn : người sáng không hỏi, cứ đi hỏi người mù; đường quang không đi, cứ choàng mãi vào nơi đường rậm ! thiệt cũng đáng than tiếc lắm vậy !

Kể các điều mê-tín trong bạn nữ-lưu ta ngày nay, tưởng cũng còn nhiều sự khác nữa, như là : bắt tà, bắt ma, đổi sổ thiên-tào và bùa-bèn cúng lễ nhảm-nhí vân vân..., không sao tả xiết. Song em hãy kể sự « đồng-bóng » và « bói-toán » là hai điều rất hại, và thuật cả những điều mắt đã trông thấy, tai đã nghe tiếng ra đây, thì đủ biết cái hại về sự mê-tín ấy là thế nào vậy.

Ôi ! sự tư-tưởng là cái căn-nguyên luyện-đúc ra giống người, mà người ta phần nhiều giống mẹ cả ; nào là chín tháng mười ngày, hút khí-huyết ở trong bọc mẹ; lúc lỡ ra đời rồi, lại ba năm bú mớm nữa. Cho nên mẹ mà phúc-đức, thường con không đến nỗi gian-hung ; mẹ mà khôn ngoan, thường con không đến nỗi ngu-xuẩn. Ấy sự tư tưởng quan-hệ với nòi giống là thế. Thế mà nếu người mẹ tư-tưởng những điều hão huyền quái gở, thì lúc sinh con còn ra sao ? Tưởng cũng hại cho nòi giống lắm chứ !!!

Hiện nay đương lúc phong-trào đổi cũ ra mới, phàm việc gì cũng phải thực-lực mà làm, mới có cơ phát-đạt được. Lại may sao chị em ta sinh-trưởng vào giữa cái thời-lại này, ta cũng nên mở rộng tầm con mắt, trông người mà tu-tỉnh lấy mình; cái trách-nhiệm ta ngày nay, không phải chỉ du-dú ở xó nhà hết mong nhờ chồng lại mong nhờ con đâu; lại còn phải học-hành hay là buôn bán làm lụng thế nào, mới có thể đua chen kịp người được. Tuy vậy, nhưng cứ như cái thiển-kiến của em đã nghĩ, thì phàm muốn chấn-hưng việc gì, trước hết hãy phải bỏ những thói hủ-tệ đi đã ; tức như chị em ta ngày nay muốn đề-xướng việc ích-lợi gì, trước hết phải bỏ những điều mê-tín đi. Nếu những điều mê-tín ấy chưa bỏ được, mà cứ nay hô-hào làm việc nọ, mai cổ-động làm việc kia, thì thiết-tưởng cũng là vu-khoát cả, chẳng khác cái cây đã sâu, không tìm cách trừ bỏ cho hết sâu đi, lại cứ hàng ngày gia công tưới bón, thì còn bổ-ích gì.

Huống chi cái giai-cấp phụ-nữ ở thế-giới đời nay, đâu đâu cũng tấn tới lắm, ngay như phụ-nữ nước Pháp nước Nga cho chí nước Mỹ, chỗ nào cũng đề-xướng cái thuyết « nam nữ bình quyền »; cả đến nước Nhật nước Tàu ở bên Á-đông ta cũng thế. Đành rằng cái học-thức người ta hơn mình; tư-tưởng người ta hơn mình, thì cái giai-cấp người ta cũng hơn mình, vẫn là một lẽ tự-nhiên .Song thử xét xem cái giai-cấp người ta ngày trước thế nào, tưởng cũng không khác bọn chị em ta bây giờ đâu. Chỉ vì họ sớm tỉnh-ngộ, biết bỏ những điều mê-tín nhảm nhỡ đi, rồi lại học hành làm lụng, mới sinh ra tư-tưởng này, ý-kiến khác, mới có những sự kết-quả tốt đẹp như ngày nay.

Vẫn hay rằng : chị em ta bây giờ cái tư-cách hãy còn thiếu thốn, chưa thể nào mơ tưởng những sự viển-vông ấy được. Nhưng ta cũng nên tỉnh-ngộ dần ra, đừng mơ-màng những điều hão-huyền quái gở, mà sinh ra cái tính-chất « ỷ-lại », hết ỷ-lại chồng, rồi ỷ-lại con, rồi ỷ-lại cả đến thần-thánh nữa. Cái tính-chất đã thế, thì cái giá-trị còn ra sao ?

Vậy thì hỡi các chị em trong nữ-lưu ta, nên mau mau tỉnh dậy, đồng-thanh đọc một câu rằng :

« Thần mê tín kia ơi ! thần mê-tín ác-nghiệt kia ơi ! từ nay chị em ta từ giã nhà ngươi, tiễn tống nhà ngươi ; nhà ngươi nên mau mau cỡi chiếc tầu bay, đến chỗ dân-tộc dã-man ở Nam-băng-dương mà ở ». Thế thì cũng vẻ vang thêm cho cái nòi giống tiên rồng ở trong cái vũ-đài mới mẻ này vậy.

NGUYỄN-THỊ-THỤC

Câu cách-ngôn của các Tây-triết

Không có nghĩa-vụ, thì không có xã-hội nào thành-lập được, vì không có nghĩa-vụ, thì không có giây liên-lạc với nhau. Nghĩa-vụ là gồm sự công-lý và nhân-đức. (LAMENNAIS)

* * *

Phàm những cái gì mà luật-pháp qui-định, phong-tục chỉ dẫn, lương tâm cảm-xúc, đều là gồm tất cả trong một câu châm-ngôn rằng: « Đừng làm gì giúp kẻ khác, nếu mình muốn người ta cũng không làm gì giúp cho mình. (DUCLOS)

Câu chuyện nhà quê

Ông tham T đương làm việc ở tỉnh H, nhân được phép nghỉ mấy hôm, về thăm quê nhà. Một buổi chiều nọ ông đến chơi nhà ông tú C là bạn đồng-học khi trước. Chào hỏi trầu nước đâu đấy rồi, ông tham hỏi ông tú rằng :

— Lâu nay làng ta thế nào ? đã cải-lương được việc gì chưa ? hử bác ?

— Thôi ! xin bác đừng hỏi đến việc làng nữa !

— Ô hay ! bác nói mới lạ chứ ! làng là chỗ quê cha đất tổ, là chỗ anh em mình sinh-trưởng ở đấy, có lẽ nào tôi lại không hỏi đến. Thôi ! tôi biết cái giọng bác rồi : ý hẳn bác thấy tôi đi làm việc với ông Tây, nay ở tỉnh này, mai ở tỉnh khác, hay là những chỗ phồn-hoa đô-hội, đã lâu tôi không về, mà bác cho tôi là một đứa « vong-tổ » chăng ? Không, quả tôi không dám như ai mà bảo « ở đâu cũng đất nhà giời » đâu bác ạ ! Vì tôi thấy mấy năm nay chánh-phủ sức các xã trong toàn-kỳ đâu đâu cũng phải cải-lương, thỉnh-thoảng đã có làng làm được nhiều việc ích-lợi. Trông thấy làng người ta như thế, không biết làng mình thế nào, nên tôi mới hỏi thăm bác như thế. Sao bác lại bảo tôi đừng hỏi đến việc làng ?

— Không, tôi có dám bảo bác là hạng người « ở đâu cũng đất nhà giời » đâu ; là hạng người « vong tổ » đâu ! Vì tôi không dự đến việc cải-lương, nên tôi không muốn nói chuyện việc làng với bác.

— Sao bác lại không dự đến việc làng ? Ở làng ta mà họ không bầu bác ra trông coi chỉnh-đốn. thì công việc còn ra sao ! chưa nói cái địa-vị bác là ông tú, là người đàn-anh trong làng, mà họ nên bầu đâu. Cái địa-vị chánh-hương-hội này, tất phải người có học-thức tư-tưởng và lịch-duyệt mới làm được ; nếu không được người như thế, thì mọi việc còn ra gì nữa ! mà có lẽ điều-lệ cải-lương dẫu hay đến đâu cũng là xếp bỏ mà thôi ! Thế tại sao mà bác không dự đến việc làng ?

— Ôi ! bác còn lạ gì nữa ! Làng ta có mấy người tư-cách đứng đắn, thì đã thành-đạt đi làm việc xa vắng ; còn ở làng thì bè nọ đảng kia : năm bảy anh kỳ-mục (sọm) quấy quấn với nhau, thôi thì chè chén hút-xách, của đứa hóa-bụa cũng không kiêng ; của thần-phật cũng chả nể, miễn vớ được là chia tay « lắm ráo ». Làm một tí gì là việc công, có một thì khai ngay lên năm bảy, đầy vẫn sổ thu là thế, sổ chi là thế, coi các khoản cũng minh-bạch lắm, nhưng phần nhiều là « hữu danh vô thực » cả, quan trên có biết đây là đâu ! Còn hạng nhân-đinh thì cũng nghe hơi được mấy chữ « tự-do » « bình-đẳng », rồi cũng bè đảng với nhau, thường vẫn phản đối với bọn kỳ-mục ấy, có khi lại đánh nhau kiện nhau nữa. Bác tính thế có chán không ! còn muốn nhúng vào làm gì nữa !

— À, thế ra bác thấy tình-hình làng ta như thế, mà bác chán nản, có phải không ? Nếu bác nghĩ thế thì sai lắm lắm ! Tôi tưởng bác là người học-thức sâu xa, thế-thái nhân-tình bác đã hiểu rõ, thì bác cũng nên nghĩ phá-cách mới phải, sao còn câu nệ làm chi ! Nếu ai là người có học-thức như bác, mà cũng không chịu ngó đến việc gì như bác, có lẽ để chỗ quê-hương quí báu của

chúng ta này đắm đuối trong vòng hắc-ám đến bao giờ nữa ! Tôi tưởng người ta ai cũng phải có cái trách-nhiệm đối với xã-hội cả. Đã phải gánh vác cái trách-nhiệm ấy, thì khó nhọc đến đâu cũng không từ, khốn nạn đến đâu cũng không quản. Ta làm một việc gì, mà trong số trăm người chỉ có mười người cho là phải, chín mươi người cho là trái ; nhưng ta phải xét xem chín mươi người ấy nhân-cách thế nào, mười người kia nhân-cách thế nào. Nếu cái nhân-cách chín mươi người ấy mà kém cả, không hiểu việc cả, thì dẫu chỉ được mười người kia cho là phải, ta cũng cứ làm. Hay ta làm việc gì mà người đời nay chưa biết là phải, mà chê cười mai mỉa ta ; nhưng việc ấy chắc có lợi cho đời sau, mà ta không có ý lợi-dụng gì, thì ta cũng cứ làm. Dẫu bây giờ ta phải tiếng chê cười mai mỉa, nhưng sau này biết đâu không có người tưởng-mộ mà sùng-bái đến ta. Đại-phàm những việc khó khăn, tự xưa đến nay, những người không có nghị-lực, có làm nổi đâu. Thế cho nên có người không đáng làm mà làm, cũng hỏng; đáng làm mà không quả-quyết, cũng hỏng. Nhưng tôi tưởng nếu bác chịu ra làm, thì làng ta tất có thể hưng-vượng được.

— Vâng, bác bảo như thế, chính là phải lắm. Song tôi nói câu này, thì bác đừng bảo là tự-phụ ; bao nhiêu những người có kiến-thức thì đi làm việc xa cả rồi, hiện ở làng ta bây giờ, có mấy người có bụng như tôi đâu ! Tôi lại chả biết làng ta là cái làng thế nào ư ? là cái làng văn-vật xưa nay ư ? Cái văn-vật ấy ở đâu mà ra ? há không phải tự ông cha chúng ta gây dựng ra đó ư ? Vậy thì cái văn-vật làng ta, là tự ông cha chúng ta gây dựng, bây giờ tôi nỡ khoanh tay ngồi nhìn cho nó trụy-lạc hay sao ! Tôi lại chả biết những làng chung quanh đã cải-lương hay biết nhường nào : nào là mở mang trường học ; nào là lập âu-trĩ-viên, làng thì đường-xá sạch sẽ như thành-phố ; làng thì cả năm không ai tranh kiện lẫn nhau. Càng trông thấy bao nhiêu, tôi càng hổ thẹn đau đớn bấy nhiêu ! Kìa ông cha mình ngày xưa, làm cho làng mình vẻ vang biết là bao nhiêu, mà bây giờ làng mình đến nỗi điêu-linh hủ-lậu như thế ! Quả tôi vẫn muốn ra chỉnh-đốn việc làng, theo như trương-trình chánh-phủ đã định. Song khốn thay ! Làng ta đương lúc nằm bẹp bấy bối, họ thì kéo bè kéo đảng, mà tôi thì trơ ra chỉ có một mình. Cũng có một hai người có kiến-thức khá khá, nhưng lại không muốn dính vào ; thành ra không ai là biểu đồng-tình với tôi cả. Phương-ngôn ta có câu ; « khôn độc không bằng ngốc đàn » : Lại có câu : « cá bè còn hơn cây nứa. » Họ tuy chỉ biết đục-khoét xén-móc, không làm trò trống gì cho làng ; nhưng đảng họ lại đông, thế họ lại mạnh. Cái trò ở đời bây giờ, cứ hễ có ăn là lăn vào, không cần liêm-sỉ chi cả. Huống chi của là của làng, ăn được là được, bao giờ có phải tội lỗi sẽ hay ; ấy cái tâm-lý bọn họ như thế cả. Song tôi xét : nào có những kẻ ngu-xuẩn không ra gì mà thế đâu ; chính có kẻ cũng có biết hẳn hoi, mà cũng mò-móc hay là a-dua nữa, thế mới bực tức chứ ! Ấy cái tình-hình làng ta bây giờ là thế, nhân vật làng

ta bây giờ là thế, bác còn trách tôi nữa thôi.

Ông Tham T nghe nói, thở dài mà rằng :

— Cứ như lời bác nói, mấy mươi năm nữa cho làng ta cải-lương được ! Rõ chán quá ! đi năm bảy năm giời, lúc về hỏi thăm đến làng, thì làng như thế, trừ ra những hạng người không có huyết-khí, mới mắn ngơ đi được ; chứ những người đã biết nghĩ, ai trông thấy cái cảnh-tượng ấy mà không than giận buồn rầu ! Nhưng bác ạ : nếu cứ ngồi yên mà than buồn, cũng là vô-ích....

THÂN-DUYỆT

CẢI-CHÍNH

Bản-chí số 11, trang 606, cột thứ nhất, ròng thứ 12, câu : « chẳng to như tượng... » sắp lẫn là : « chẳn to... ».

Cột thứ hai, ròng thứ 11, chữ ký : « Hoài-nam-tử » sắp lẫn là : « Hài-nam-tử ».

Trang 607, cột thứ nhất, ròng thứ 5, câu : « Đuổi bạt Tô-Định... » sắp lẫn là : « Đuổi bắt Tô-Định... ».

Cột thứ hai, ròng thứ 28, câu : « buổi thái-bình quốc-trị... » sắp lẫn là « quốc-trợ... ». — Ròng 33, câu : « Công-nghiệp lớn... » sắp lẫn là : « Đông-nghiệp lớn... ».

Trang 608, cột thứ nhất, ròng thứ 1, câu : « ngoài Hồng-Lam... » sắp lẫn là : « ngoài Hồng-Lan... ». — Ròng thứ 14, câu : « Thổ-Châu hết gạo... » sắp lẫn là : « Thỏ-Chân... ».

Vậy xin cải-chính lại cho đúng.

HỌC-THUYẾT VỀ ĐẠO-ĐỨC CỦA KHỔNG-PHU-TỬ

Đức Khổng-tử là một bậc thánh tập-đại-thành, đạo ngài rất là cao-cả bao-la, hết thảy nhà nho ai cũng đều biết tôn ngài, nhận ngài làm giáo-chủ mình, song nếu bảo đem cả toàn-thể của đạo ngài ra mà giảng-giải một cách cho phân-minh tường-tế, thì tưởng cũng ít kẻ nói cho trôi. Vì kinh sách bộn-bề rải-rác, học trải qua cho biết thì dễ, mà dón lại cho tinh thì khó. Riêng về một mặt đạo-đức, là sự dạy người ta làm người ở đời cho trọn-vẹn, là điều cốt-yếu trong đạo ngài, thì nhà nho ta vẫn vâng-giữ, vẫn có kẻ làm theo, nhưng chưa thấy ai đem mà giải-bày ra thành một cái học-thuyết cho có thống-hệ, có điều-tự, ấy là một điều khuyết-điểm của nhà nho nước ta vậy. Thầy Mạnh-tử có nói rằng : " Rộng học mà giải rõ ra, hầu để nói dón lại. " Vậy thì sự " dọn lại " là một sự cần trong nghề học ; nếu chí rộng mà không biết dón, thì cũng như chiếc thuyền lênh-đênh giữa biển khơi, không biết vương-víu vào đâu. Huống chi kẻ học đời nay phải học nhiều khoa nhiều môn, dầu ai muốn nghiên-cứu về đạo đức của Khổng-phu-tử cũng khó thể đem cả sách ngũ-kinh tứ-thư ra mà học từ chương từ tiết, đến cả chữ chua con tầng thượng như ngày xưa, vậy thì sự " dón lại " đó lại cần cho cách học đời nay lắm. Vì nghĩ như thế, chúng tôi mới rút những điều đại-khái trong tứ-thư ra nhất là sách Luận-ngữ là sách chép nhiều lời yếu-chỉ của Khổng-phu-tử -- mà dọn bài học-thuyết này, chưa dám chắc rằng đã là đúng cả mà không sai, đủ cả mà không sót, song tưởng cũng có thể tạm làm một cái hoa-tiêu cho kẻ đi thuyền trong biển học ngày nay. Vậy xin đem chất-chính cùng độc-giả.

Trước hết xin chia ra mấy điều cốt-yếu về học thuyết này, rồi sau cứ từng điều mà bàn.

Cái điều cốt-yếu trong học-thuyết về đạo đức của Khổng-phu-tử.

Về sự gìn lòng : Nhân — Trung-thứ.

Về sự xử mình : Trí — Nhân — Dũng.

Về sự sửa mình : Kính -- Nghĩa.

Về sự học-hỏi : Bác-văn — Ước-lễ.

Về sự đãi người : Hiếu-đễ -- Trung-tín.

Về sự thờ Trời : Tri-mạng -- Thượng-đạt.

Về sự gìn lòng ; Nhân-Trung-thứ. -- Nhân là cội-rễ mọi đạo-đức, ta vẫn công-nhận như thế. Song trong sách Luận-ngữ nhiều chỗ, nói về nhân, mà mỗi chỗ một khác, làm cho kẻ học trông thấy man-mác mà không nhận được chân-tướng nó là thế nào. Thầy Chu-tử giải rằng : Nhân ấy là cái đức của lòng, cái lẽ của sự yêu-thương, thì nghe cũng còn khó hiểu lắm : đức của lòng là cái gì ? lẽ của sự yêu-thương là cái gì ? Giải như thế chẳng phải là không đúng, song nghe ra nó cũng lại là thênh-thang mau-mác như chưa giải. Vả, đức Khổng-Tử thường nói " nhân " mà cũng có khi nói " trung-thứ ", hai lời ấy tuy khác nhau, mà kỳ thật có một ; nên muốn giải nghĩa chữ " nhân " cho rõ, thì không chi bằng lấy chữ " trung-thứ " mà giải là hơn.

" Trung " nghĩa là hết lòng ở với người ta, " thứ " nghĩa là biết thể-

tất người ta. Hiệp tụng với thứ tức là nhân vậy. Trung là nói về mặt tích cực của nhân, thứ là nói về mặt tiêu-cực của nhân. Về trung, là mặt tích-cực, thì như sách Trung-dung nói rằng: "Lấy điều mong ở con mà thờ cha, lấy điều mong ở tôi mà thờ vua, lấy điều mong ở em mà thờ anh;.." và như sách Luận-ngữ nói rằng: "Mình muốn đứng vững thì làm cho người cũng đứng vững; mình muốn thông-suốt thì làm cho người cũng thông-suốt". Ấy là việc trung, mà cũng đều là việc nhân vậy. Về thứ, là mặt tiêu-cực, thì như sách Trung-dung nói rằng: "Cái điều làm cho mình mà không muốn, thì cũng không đem làm cho người;" Vả như sách Đại-học nói rằng: "Cái điều mình ghét ở kẻ trên mình, thì chớ đem làm cho kẻ dưới mình: cái điều mình ghét ở kẻ dưới mình, thì chớ đem làm cho kẻ trên; cái điều mình ghét ở đằng trước, thì chớ đem làm cho đằng sau; cái điều mình ghét ở đằng sau, thì chớ đem làm cho đằng trước; cái điều mình ghét ở bên hữu thì chớ đem giao với bên tả, cái điều mình ghét ở bên tả, thì chớ đem giao với bên hữu». Ấy là việc thứ, mà cũng đều là việc nhân vậy. Nói đổi đi, thì cái điều mình muốn, đem làm cho người, ấy là trung, và là nhân về mặt tích-cực, còn điều mình không muốn, không đem làm cho người, ấy là thứ, và là nhân về mặt tiêu-cực.

Coi đó thì biết cái chân-tướng của «Nhân» là gì: chẳng qua là cái chủ-nghĩa "lợi-tha" và cái chủ-nghĩa "vô-ngã" chớ không có gì sâu-sắc mầu-nhiệm cho lắm. Vì là lợi-tha, cho nên lấy sự yêu người là bước đầu-tiên; vì là vô-ngã, cho nên lấy sự trị mình làm chỗ dùng sức. Lại vì "Nhân" là một chất kết-tinh của hai chủ nghĩa ấy, cho nên hằng giữ nó vào lòng mà không bị tư-tâm và vật-dục cướp mất, thì thật khó làm thay. Bởi cớ đó, hiền như thầy Nhan-Tử mà không trái với "Nhân" chỉ được trong ba tháng; và Đức Khổng-Tử cũng ít hay lấy chữ "Nhân" mà khen-tặng ai vậy.

Ai đã đọc qua sách Luận-ngữ, thấy có nhiều người hỏi về "nhân" mà Phu-tử đáp cho mỗi người một khác, thì chắc lấy làm lạ mà hỏi rằng sao hỏi đồng mà đáp khác đường ấy? Song khi đã rõ nhân tức là trung-thứ, trung-thứ tức là nhân rồi, thì không còn hồ-nghi gì nữa: vì trong các câu đáp ấy dẫu có khác nhau, nhưng cũng chẳng qua có hai điều, không trung thì thứ, không đáp về mặt tiêu-cực thì đáp về mặt tích-cực, cũng đều là nhân vậy.

Lấy chữ "trung-thứ" mà giải nghĩa chữ "Nhân" như thế, thì nghe có phần dễ hiểu thật; song sợ e ra diều xuyên-tạc chăng. Không, không đâu. Đạo Khổng lấy "Nhân" làm gốc, cũng như chữ "ai" trong đạo Gia-tô, chữ "Từ-bi" trong đạo Phật vậy. Thế mà trong khi môn-đồ hỏi thầy Tăng-tử về đạo nhất-quán của Phu-tử là thế nào, thì thầy ấy đáp rằng: "Đạo của Phu-tử chỉ trung-thứ mà thôi." Vả sao thầy ấy không nói "chỉ nhân mà thôi" mà lại nói "chỉ trung-thứ mà thôi"? thì biết rằng trung-thứ tức là nhân đó; chỉ thầy ấy sợ nói nhân thì người thường khó hiểu mà cho là cao-xa quá, cho nên đem hai chữ trung-thứ mà thế cho chữ nhân. Điều đó đủ làm chứng-cớ chắc-chắn.

Về sự xử mình: Trí-Nhân Dũng.

Trong đoạn trước đã nhận cho "Nhân" tức là cái chủ-nghĩa "lợi-tha" và cái chủ-nghĩa "vô-ngã". Mà lợi-tha và vô-ngã thế nào? Có phải gặp việc gì cũng cứ hi-sinh cái tính-mạng hoặc quyền-lợi mình để lợi cho kẻ khác không? Còn nếu chỉ có bụng nghĩ như thế mà không thực-hành được thì có phải là nhân không? Khó lắm thay! nếu chẳng có cái gì để chỉ dẫn nâng đỡ cho cái lòng nhân ấy thì làm thế nào cho đạt đến hai cái chủ-nghĩa cao-thượng ấy được.

Muốn đạt đến hai cái chủ-nghĩa ấy, thì phải nhờ có trí và dũng. Có trí thì trong lòng sáng suốt mà biết đường làm nhân; có dũng thì giục lòng tàn-tới mà trọn việc làm nhân. Cho nên trí với dũng là để mà phụ nhân, cùng với nhân gọi là "tam-đạt-đức". Ví như một đạo binh: nhân là trung-quân, mà trí là tiền-phong, dũng là hậu tập. Không có trí và dũng, thì cũng khó lòng mà mong cái nhân cho có kết-quả được.

Cho nên Đức-Khổng có khi hiệp nhân với trí mà nói thì rằng: "Kẻ trí ưa nước, kẻ nhân ưa núi, kẻ trí động, kẻ nhân tĩnh; kẻ trí vui vẻ, kẻ nhân sống lâu." Ấy là nói về tính-tình và hiệu-nghiệm của nhân và trí. Có khi ngài hiệp nhân với dũng mà nói thì rằng: "Kẻ nhân chắc có dũng; kẻ dũng chưa chắc có nhân."

Ấy là có ý tỏ ra nhân là chủ mà dũng là phụ. Có khi hiệp cả ba mà nói thì rằng: "Kẻ trí chẳng lầm, kẻ nhân chẳng lo; kẻ dũng chẳng sợ" Ấy là nói về hiệu-nghiệm của trí nhân dũng. Lại nói rằng: "Ham học gần với trí; hết sức mà làm gần với nhân; biết xấu hổ gần với dũng" Ấy là nói về cái công-phu tập rèn cho được ba điều ấy. Xem những câu ngài nói đó thì cái nghĩa trí, nhân, dũng, tương cũng đã phát-minh ra rõ-ràng lắm rồi.

Lấy theo tân-học bây giờ mà nói để cho càng rõ thêm nữa, thì ba điều đó tức là ba cái cốt của tâm-lý-học: Trí tức là tri-thức; nhân tức là cảm tình; dũng tức là ý-chí. Lại còn, muốn cho có trí thì phải có trí-dục, muốn cho có nhân thì phải có đức-dục, muốn cho có dũng thì cũng phải nhờ ở thể-dục ít nhiều. Vậy mới biết rằng các học-thuyết đông tây xưa nay dầu khác nhau, song thật ra cái đại-khái vẫn không khác vậy.

Về sự sửa mình: kính nghĩa.

– Người ta lấy nhân gìn lòng, lại phải lấy kính sửa mình. Dùng một chữ kính để nhắc-nhở mình trong khi đi đứng nói làm hằng ngày, coi nó là trọng-yếu cũng như chữ nhân vậy. Vả lại, kính cũng là cái công-phu để làm nhân; cho nên thầy Phàn-Trì hỏi về nhân, đức Khổng-tử đáp rằng: "... lâm việc phải kính..." Thầy Trọng-Cung hỏi về nhân, ngài cũng đáp rằng: "Ra cửa như thấy khách lớn, khiến dân như hầu tế lớn...". Vì nếu không lấy kính giữ mình, hoặc biếng-nhác, hoặc kiêu-ngạo, hoặc buông tuồng, hoặc cử-chỉ không đứng-đắn, hoặc ăn nói không đàng-hoàng, như những điều đó dẫu cái lỗi ở mình không biết kính, song cũng tỏ ra trong lòng mình không có nhân, vì nếu trong lòng có sự trung-hậu, hòa-bình hiền-lành thương-xót, thì chắc không có những nết xấu ấy bầy ra bề ngoài. Vậy thì phải cần lấy kính sửa mình; mà sự ấy cũng chẳng lấy gì làm khó lắm, nói cho dễ rõ hơn, thì

chẳng qua là làm việc gì cũng phải lưu-tâm, ở chỗ nào cũng phải cẩn thận đó thôi.

Ngoài kinh lại còn có nghĩa nữa. " Nghĩa " là gì ? Sao Nghĩa lại đi với Kinh ? Vì người ta ở đời dầu lưu-tâm và cẩn thận thế nào đi nữa, song những đường lối phải và chăng, lành và dữ chia ra nhiều ngả trước mặt ta, nếu không có phương-pháp gì để chọn-lựa và sức-lực gì để quyết-đoán, thì thế nào cho khỏi lầm lạc được ? Vậy nên nghĩa tức là cái phương-pháp để chọn lựa đường nào mình nên đi và quyết đoán mà đi theo đường ấy.

Trong kinh dịch, đức Khổng có nói rằng: " Người quân-tử lấy kính làm cho ngay trong, lấy nghĩa làm cho vuông ngoài, kính và nghĩa đứng vững mà đức chẳng mồ-côi " Vì nhân-cách được trọn-vẹn là nhờ đó.

(Còn nữa)

CHƯƠNG-DÂN

Đứng trên núi cao mà ngắm, một thành-phố cũng chưa là to ; ra bờ biển mà trông, chiếc đại-chiến-hạm cũng chưa là lớn.

Người ta đi học, càng học bao nhiêu, càng thấy khó khăn bấy nhiêu ; càng biết khó khăn bao nhiêu, càng thấy rộng rãi bấy nhiêu. Sự học thật là vô-cùng vô-tận.

Thế cho nên người thật hay chữ không thấy khoe chữ bao giờ ; người thật giầu có, không thấy khoe của bao giờ.

VĂN-THƠ'

Nam-trang đốc-chiến (1)

Thế mới là gan, thế mới tài,
Trận-tiền ra sức, kém gì giai.
Mũ mao áo giáp quyền ngôi tướng,
Trống giục cờ bay giặc sợ oai.
Ơn nước mong đền, thân chẳng quản,
Thù chồng phải báo, dạ không hai.
Treo gương nữ-kiệt cùng thiên-cổ,
Hỡi bạn tu-mi đã mấy ai ?!

Lên đền Trung-liệt cảm-hứng

Một bước lên cao một cảm-tình,
Kìa đền Trung-Liệt đỉnh non xanh.
Gió mưa dầu có mòn bia đá,
Giấu bể còn treo một bức tranh.
Một tiết nhớ ai lòng khẳng-khái,
Nghìn thu tưởng thấy khí tinh-anh.
Còn non, còn nước, đền còn đó,
Một bước lên cao một cảm-tình.

Vịnh cái diều sáo

Đạp gió tung mây chí vẫn hào,
Tầm thân nhẹ-nhõn biết là bao.
Khua tan mây khói lên như bốc,
Vang động xa gần tiếng vẫn cao.
Nghìn dặm giang-sơn coi cũng nhỏ,
Chín lần cung-khuyết chẳng xa nào.
Cánh hồng bay bổng từ đây nhỉ ?
Mỏi mắt trần-gian đứng ngóng theo.

THẦN-DUYỆT

(1) Bà Trần-thị-Kim là vợ quan phó-tướng Trương-Trà đời đức Gia-giụ Hoàng-đế nhà Nguyễn ta. Bấy giờ nhân có quân-nhà Mạc vào cướp tỉnh Nghệ-An, Trương Trà phụng-mệnh ra đánh, bị tên hàng-tướng nhà Mạc là Nghĩa-Sơn bắn chết. Bà nghe tin nổi giận, thay mặc quần áo như một vị võ-tướng, đốc quân ra đánh Nghĩa-Sơn, mà chính tay bà lại bắn chết được Nghĩa-Sơn, nên được Gia-Giụ phong cho bà là Trần-thị quận-phu-nhân.

Đề chùa Phù-Than

I

上有沙浮下有灘
Thượng hữu sa phù, hạ hữu than,
灘之南岸是禪關
Than chi nam ngạn thị thiền quan.
遠來重訪名藍蹟
Viễn lai trùng phỏng danh-lam tích,
二十年前一改觀
Nhị thập niên tiền nhất cải quan.

Diễn-âm

Trên bãi bồi, dưới bến than,
Phía nam nổi ngọn thiền-quan [những ngày.
Hai mươi năm lại tới đây,
Ơ này, quang-cảnh đổi thay bao giờ.

ĐÀO-NGUYÊN

Viếng cụ Nhàn-Khanh

(Cụ Nhàn-Khanh là thân-mẫu ông cử Trịnh-đình-Rư)

I

Khí thiêng Hương Hát đúc nên người,
Cửa tướng, nền văn, bậc nữ-tài.
Tứ-đức tam-tòng tu vẹn cả.
Gương trong dài để cõi trần-ai.

II

Đoàn-thị ngày xưa lại hiện-thân,
Nữ-lưu mà nổi tiếng làng văn.
Giá trong, đức tốt, đời khôn sánh,
Mà vẻ anh-hoa cũng bội phần.

III

Giúp chồng đã chọn đạo tề-gia,
Lại dạy con theo nối nghiệp nhà.
Hai gánh nặng nề vai gánh đủ,
Phong-trần thường chọn mặt tài-hoa.

TRẦN-CÚC-VIÊN
(Tri-phủ hưu-trí)

Vợ chồng anh bồi xe ngựa

Anh bồi ngựa: tính hay ngất-ngưởng,
Bồi cho quan Tể-tướng (1) nước Tề.
Nghênh ngang xe ngựa đi về,
Cậy oai ông chủ, ra bề viển-vông.
Vợ thấy thế, trong lòng buồn bực,
Nói với chồng, lập tức xin ra.
Chồng rằng: « tại cớ sao mà ?
« Cớ sao bỏng chốc bỏ nhà đi đâu ! »
Vợ thấy hỏi, âu sầu khôn xiết !
Gạt hàng châu, kể hết đầu đuôi :
« Anh ơi ! cũng một kiếp người,
« Người sao hay thế, anh thời ra sao !
« Ông Ấn-Tử mình cao sáu thước,
« Nức thanh-danh các nước Chư-[hầu.
« Làm nên công-nghiệp lớn lao,
« Khắp trong thiên-hạ ai nào chẳng [khen.
« Mà ông vẫn tự-nhiên lặng lẽ,
« Không nửa lời khoe mẽ kiêu-sa;
« Dung-nhan nhã-nhặn ôn hòa,
« Ai là chẳng kính, ai là chẳng ưa.
« Mà anh lại cao vừa tám thước,
« Làm tôi đòi, ngược ngược xuôi [xuôi.
« Đã không biết « sỉ » thì thôi,
« Lại còn vênh-váo với người ta sao !
« Thiếp càng nghĩ, càng đau càng [nhục,
« Nhục vì anh, nên tức mà đi.
« Anh không nghĩ ngợi rộng suy,
« Thân-danh như thế, còn gì mà [mong ! »
Chồng nghe nói : trong lòng tỉnh-[ngộ,
Thói « hủ » xưa, bớt bỏ dần dần,
Cách đi đứng, nết ở ăn,
Mười phần chẳng giống một phần [khi xưa.
Ông Ấn-tử bấy giờ thấy khác,
Hỏi căn-nguyên rồi nhắc làm quan;
Ơn vua lộc nước chứa chan,
Mọi đường phú quí vẹn toàn kém ai.
« Chức bồi » thề dã mấy người !

NGHIÊM-XUÂN-LÃM

(1) Bây giờ ông Ấn-Tử làm tướng nước Tề.

Chùa Hương-Tích

Hựu-hà tất Bồng-Châu, Doanh-Hải,
Tiểu-sơn-lâm mà có đại-kỳ-quan,
Người tai mắt, kẻ nhân-gian,
Ai chẳng đến Hương-sơn thì cũng tục.
Kể từ lúc bước lên đò Đục,
Liếc trông qua đà mãn mục vân-san.
Lần theo một dẻo thanh-toàn,
Này Ngư-phủ nhập Đào-nguyên âu [cũng thế.
Mặt trời gác bóng cây sè sẽ,
Tản-vân in thuỷ-dế dành dành ;
Chim trời, bóng nước lênh dênh,
Cây mai rụng dập dềnh năm bảy lá.
Chú tiểu-tử ruổi rong bến đá,
Lũ ngư-ông quẩy cá qua cầu.
Cỏ cây xanh ngắt một mầu,
Rõ núi trước, núi sau, mình ở giữa.
Đoàn mục-thụ, bóng chiều vừa [ngả,
Giắt trâu về lả tả đầu ghềnh.
Trong hang sâu thăm thẳm một [mình,
Nay mới biết « sơn-thủy hữu-tình » là [chốn ấy.
Rừng một dẫy, càng trông càng [thấy,
Núi mờ-xanh từng dẫy ngất non [thiêng.
Kìa núi Gà, núi Tượng, núi Trống, [núi Chiêng,
Chửa hết núi lại đò nghiêng bên cạnh [núi.
Thoạt trông thấy biết đâu mà hỏi,
Cầu Đăng-tiên, nọ lối Đăng-doanh,
Chân in đá biếc xanh xanh,
Lòng trần-tục bỗng không thanh [thành lại.

Cao trốt-vốt một tòa cổ-sấu,
Ấy chi chi, nọ trái Thiên-Trù,
Giăng thanh gió mát một bầu,
Ngắm phong-cảnh Bồng-Hồ đâu đó [tá ?
Động-đào đã thờ tay mở khóa,
Nhìn càng sâu càng lạ càng xinh.
Cây xanh xanh mà lá cũng xanh [xanh,
Xuống một núi, lại chèo quanh một [núi.
Nước công-đức trong ngần không [chút bụi,
Đường lên tiên đầy đến suối tầy-[oan.
Thảnh thơi bạch-thạch thanh-[to ản,
Thề mới biết thần-tiên chi diệu-thú.

Thơ rằng :

曝布溪流山欲舞
« Bộc-bố khê lưu sơn dục vũ »
人聲谷應石能言
« Nhân thanh cốc ứng thạch năng [ngôn. »

Trông lên trời nhỏ con con,
Mình ta đã lọn-son lên đỉnh núi.
Đứng núi nọ tưởng núi kia là [cuội,
Bước chân lên đường núi vẫn không [cùng.
Trèo qua một dịp Trần-Song,
Đầy mới thực « quần phong chi đệ [nhất ».
Niệm nam-vô-a-ri-đà-phật,
Mảng vui chơi mà quên bật đường xa.
Quả mai non với gốc mai già,
Trong chân-cảnh, ngoài ra chân-vị.
Trên động-bích dàn chim thỏ thẻ,
Dưới rừng xanh mấy chị tìm mơ.
Đá vàng man-mát ngẫn ngơ,
Tam-quan đã tỏ mờ đâu đó phải.
Gót bước đi, mặt còn ngẫnh lại,
Ước chi đường dài mãi thì hay.
Nào ngờ tiên-lĩnh trời xây,
Tam-quan đã vẹn mấy trùng rõ.
Vạn-trạng thiên-hình vô số,
Vẫn hãy còn giấc ngủ lờ-mờ,
Xanh như mây mà đã trơ trơ,
Trên vách phấn, tờ mờ bay giá-áo.
Này kho-bạc, này kho-tiền,
Này buồng tằm, này lẫm gạo,
Phật Quan-Âm thiên-tạo một tòa.
Bốn bề như gấm như hoa,
Đố ai lấy nhân-công mà vẽ được.
Dưới bầu-bạn trong veo dòng nước,
Núi Bình-Phong đứng trước Phật-[đình.
Chim gõ mõ, vượn tụng kinh,
Giục lòng khách năm canh háo hắc.
« Giục đảo Hương-Sơn bất khả ước »,
Khen cho ai biết trước cũng là tiên.
Ai ơi ! chẳng tới cũng hèn.

Thám-hoa VŨ-PHẠM-HÀM
NGUYỄN-TRỌNG-HỒ Hải-Châu
sao lục.

Từ-khúc

(Điệu hoa-phong-lạc)

Nàng My-Ê khóc chồng lúc sắp trẩm-châu

Chàng ơi ! chàng hỡi ! chàng hỡi !
Cái nợ trần-hoàn có thế thôi !
Cùng nhau xa cách,
Chiếc bóng lẻ loi !
Nước mắt nhà tan bởi vị ai ?
Thiếp xin thủ-tiết, thề không hai.
Chàng ơi ! chàng hỡi ! chàng hỡi
Sống mà nhục,
Thác cho rồi !
Muôn tấm đáy nước lệ tuôn rơi !
Non nước phó cùng tay tạo-hóa, quyết không để tiếng giống người Hời.

HOÀI-NAM-TỬ.

Hát nói

Kỷ-niệm vua Hùng-Vương

MƯỜU

Sông Lô núi Tản cao xanh,

Muôn năm cơ-nghiệp để dành đến [nay.
Nhớ xưa công-đức cao dày,
Tấm lòng kỷ-niệm dám ngày nàoquên.

NÓI :

Hùng-Vương ngô-quốc-tổ, công mở mang dựng-dõ cõi Văn-Lang. Trải bao phen giâu-bể không thường, mà nay vẫn nước non như thế thế.

Gây dựng cơ-đồ nào có dễ,
Lưu-truyền con cháu đã bao đời.

Cõi Văn-Lang chói lọi một phương giời, ơn-trạch ấy, ấy ai người quên nhác? Hai nhăm triệu giống nòi Hồng-Lạc, dạ kính-thành ba xứ Bắc Nam Trung. Gọi là « vấn tổ tầm tông. »

THẦN-DUYỆT

Thơ cụ Nguyễn-công-Trứ

Những điều tráo-trở miệng đà từng.
Song rút giây kia, sợ động rừng.
Người thể những là trông trước mắt,
Ở đời mấy kẻ ngấm sau lưng.
Tính toan luồng đỗ bỏ hôi muối,
Thương xót đà không nước mắt gừng.
Đã thể thì thôi, thôi mặc thể,
Công đâu cho nhọc giận người dưng.

TIỂU THUYẾT

NHẪN NHỤC BÁO THÙ

(Tiếp theo)

Nàng nghe Hồ-Giuyệt nói năng tử-tế, ra dáng con nhà, liền đem việc trước của mình kể cả một lượt, và nói :

— Nếu chàng quả báo-thù được cho thiếp, không những thiếp được làm vợ chàng, dẫu làm đứa ở con đòi, cũng xin cam chịu.

Hồ-Giuyệt nói :

— Nàng là một người con gái nhà tử tế, không may gặp bước hoạn-nạn này, thực đáng thương lắm. Song việc ấy không phải một ngày làm xong được, để tôi hãy bẩm quan phủ tôi đây, sai người đi các nơi trốc-nã, một mặt thì tôi đi với nàng đến Hoài-An cáo trạng, nhờ quan Phủ ở đấy bắt những người nhà bọn cướp, thì bọn cướp tự-khắc phải lòi ra.

Nàng nghe nói, bèn vừa lạy vừa khóc mà rằng :

— Nếu chàng dụng-tâm làm ơn cho được như thế, thiếp xin đời đời kiếp kiếp, kết cỏ ngậm vành, để báo đáp về sau.

Hồ-Giuyệt dắt nàng đứng dạy mà rằng :

— Đã là vợ chồng với nhau, thì hai người cũng như một, việc gì phải nói nặng lời đến thế !

Ngờ đâu Hồ-Giuyệt thuận là dỗ dành, nói hão thế thôi. Qua mấy hôm nữa, lại nói dối nàng rằng : « đã nhờ quan Thái-thú sai người đi thám bắt quân giặc rồi ». Và thuê thuyền đem nàng về nhà ; còn công việc của nàng thì gác để một bên, không nói đả-động chi đến.

Nàng thấy tình-hình như thế, không còn mong mỏi gì nữa, trong lòng rất là chán ngán ! Nhưng cũng không biết tính sao. Bèn quyết-chí ăn chay, ngày đêm khấn cầu giời đất, mong cho báo được nỗi oan-thù.

Một hôm đã về tới nhà, vợ cả thấy Hồ-Giuyệt đem một người con gái đẹp về, thôi ngày nào cũng gây sự cãi nhau ầm-ỹ. Nàng thấy quang-cảnh như thế, nhất định không cho Hồ-Giuyệt đến phòng. Từ đó vợ cả mới bằng lòng, yêu dầu một chút.

Ở được nửa năm, Hồ-Giuyệt muốn vào kinh tìm một việc. Là vì người phủ Thiệu-Hưng quen có cái thói « mua quan », hễ ai có tiền của đem vào kinh, là mua ngay được cái danh-sắc « làm lại », để mưu một cái địa-vị Tá-nhị chi đó. Hồ-Giuyệt cũng có ý ấy, lại có người quen biết đương làm giấy cho một ông quan trọng kinh, có lòng giúp đỡ, nên Hồ-Giuyệt đem ngay tiền bạc, sửa soạn lại kinh. Nhưng lại e vợ cả vợ lẽ ở nhà không hòa thuận với nhau chăng, muốn đem nàng đi một thể, và có hứa với nàng rằng : « hễ chạy được làm quan chỗ địa-phương ấy, thì có thể truy-tầm được tung-tích bọn cướp ngày trước ».

Nàng nghe nói, trong lòng dẫu không cho làm thực, như cũng còn mong có cơ-hội gì chăng, nên mới bằng lòng cùng đi.

Hồ-Giuyệt dấu kín chuyện ấy, không cho vợ cả biết, rồi chọn ngày

tốt thuê thuyền cùng đi với nàng Thụy-Hồng.

Khi đã tới kinh, tìm nhà trọ để nàng ở đó. Sớm hôm sau đi hỏi thăm một người quan-viên quen biết, không ngờ người ấy đã chết được hơn một tháng rồi. Hồ-Giuyệt không biết trông cậy vào ai nữa.

Một hôm Hồ-Giuyệt tìm được một người cùng làng, bàn định việc ấy, mong người ấy lo giúp cho mình. Không ngờ chính người ấy cũng đương chạy-quan mà còn thiếu bạc; người ấy bèn bày mẹo nói lừa. Cũng là Hồ-Giuyệt vận đen, thấy nói tưởng thật, liền đem tiền bạc đưa cho người ấy, mượn lo giúp mình. Người ấy đã nắm được rồi, đem lo ngay cho bản-thân người ấy, rồi lần đi làm quan chỗ nào không biết.

Bấy giờ Hồ-Giuyệt hai bàn tay trắng, lưu-lạc ở kinh, nay chạy chỗ kia, mai chạy chỗ nọ, kết-giao với một tuồng trộm cướp, để đi lường gạt của cải người ta.

Một hôm bàn định với bọn côn-đồ, muốn tìm một nhà quan to, để quét một mẻ rõ nhiều; nhưng không có cớ chi làm được, lại tính quanh đến cái thân-phận của nàng, muốn nhận nàng làm em gái, làm kế « mỹ-nhân », nhưng lại sợ nàng không thuận, bèn nói lừa nàng rằng :

— Trước kia tôi vẫn tưởng rằng : thế nào cũng mưu được quan-chức để báo thù cho nàng. Không ngờ thời-vận hẩm hiu, người quen đã chết ! Lại phải dựa vô-lương lừa đảo, tiền bạc sạch không; đến nỗi lưu lạc ở đây, bữa ăn không đủ. Hôm qua tôi có bàn với anh em bạn, nghĩ được một kế : muốn gọi nàng là em gái, để gả lẽ cho người ta, hễ có ai bằng lòng muốn đến coi mặt, nàng cũng chịu khó ra cho người ta coi. Chờ cho bạc đã đến tay, tôi tức khắc đem nàng chạy trốn, thuận đường ra tới Hoài-An, đưa nàng đến cửa quan cáo-trạng, để thám-nã những quân cướp ngày trước, báo thù cho nàng.

Thương hại thay cho nàng Thụy-Hồng ! Tự khi bị lũ hung-đồ hãm hại cả nhà về sau, hết nạn nọ sang nạn kia : gặp Biện-Phúc thì Biện-Phúc lại mồm mép lái trâu, sợ vợ như cọp ; gặp Hồ-Giuyệt thì Hồ-Giuyệt lại đội lốt công-tử, ăn miền nguyệt-hoa. Than ôi ! chiếc thân bỏ-liễu, lưu-lạc bấy lâu, cái khổ-huống của nàng bây giờ, thực không sao tả cho xiết được ! mà ngay lúc ấy, nếu có ai hứa sẽ báo thù cho nàng, thì nàng dầu khôn nạn đến đâu, có lẽ nàng cũng vâng theo, không từ quản chi cả. Bởi thế nên Hồ-Giuyệt nói chưa rất lời, nàng ưng thuận ngay.

Hồ-Giuyệt thấy nàng đã thuận, bèn bảo chúng bọn côn-đồ đi làm môi-lái, xem có ai muốn lấy vợ lẽ không.

Bây giờ có một người Tú-tài, ở phủ Ôn-châu tỉnh Tích-Giang, tên là Chu-Nguyên, tuổi đã hơn bốn mươi, chưa có giai gái chi cả. Người vợ cả mấy lần khuyên lấy vợ lẽ, song chàng nghĩ công-danh chưa được trọn vẹn, nên cũng chưa bằng lòng.

May sao năm ấy chàng thi hương đỗ Cử-nhân, rồi vào kinh thi hội, nhân tiện muốn tìm một người vợ lẽ, nên mới sai người nhà đi hỏi dò la.

Bọn côn đồ nghe tin ấy, bèn đến mách bảo Chu-Nguyên, và nói lừa cho Chu-Nguyên đến xem mặt.

Hôm ấy chúng dẫn Chu-Nguyên đến nhà trọ Hồ-Giuyệt, Hồ-Giuyệt ra cửa đón tiếp vào ngồi. Bấy giờ nàng Thụy-Hồng ra đứng cạnh đèn, chào câu vạn-phúc.

Chu-Nguyên vội vàng chạo lại, lét mắt nhìn xem, thấy nàng quả là một gái đẹp, trong dạ mừng thầm.

Nàng Thụy-Hồng thấy chàng là bực nhân-tài, phong-tư tuấn-nhã, trong bụng nghĩ thầm rằng : « chàng kia là một bực văn-chương nhân-vật như thế, không biết tại sao mà lại mắc vào cái bẫy của bọn côn-đồ, trong lòng lấy làm phàn nàn than tiếc ! »

Nàng đứng một chốc, rồi đi giở vào.

Chu-Nguyên bảo bọn côn-đồ rằng :

— Tiền sánh lễ bao nhiêu, xin đến chỗ trọ tôi bàn định, để tôi chọn ngày đến đón. Nói đoạn đứng giậy ra về.

Khi Chu-Nguyên ra về, cả bọn cũng đi theo đến nhà trọ, định tiền sánh-lễ là một trăm lạng bạc.

Chu-Nguyên bằng lòng, song đã biết cái thói kinh-đô bấy giờ, nhiều cách lừa đổi lắm, sợ lại mắc hợm chăng, nên có hẹn với chúng rằng : « hôm nào được ngày tốt thì đến dữa trưa làm lễ, đến chiều cho người đón về ».

Bọn côn-đồ nhận nhời, về nói với Hồ-Giuyệt.

Hồ-Giuyệt nghĩ ngợi một chốc, sinh ra một kế, nhưng chỉ sợ nàng không thuận. Bèn bảo cả bọn ngồi chờ đó, rồi tự vào nhà trong bàn với nàng rằng :

— Nay ông cử ấy đã mắc mẹo rồi, nếu để đến lúc đưa nàng đi mới bàn, thì không làm gì được nữa. Tôi chắc rằng : lúc nàng đã về nhà y rồi, thế nào y cũng ăn uống. Vậy thì hễ khi uống rượu, nàng cứ uống thong thả, đến đầu canh năm, tôi sẽ đem mọi người đến cứu, lại đem nàng về, và nói vu cho y rằng : « y giám cưỡng-chiếm con gái có chồng, tôi sẽ đến nha-môn trình cáo ». Y là người Cử-nhân mới đỗ, sợ ngại đến việc công-danh, thấy nói như thế, tất-nhiên phải nói lại với mình, rồi ta lại vợ chồng như cũ. Mẹo ấy chẳng hay lắm ru !

Nàng nghe nói, nhất-định không bằng lòng. Hồ-Giuyệt hai ba lần khẩn-cầu, nàng bị bức quá, không thể sao được, sau đành phải thuận.

Hồ-Giuyệt vội vàng chạy ra nhà ngoài, nói cho bọn côn-đồ đều biết. Cả bọn đều khen là mẹo giỏi, rồi cho người đến giả lời Chu-Nguyên.

Qua mấy hôm nữa, Chu-Nguyên chọn được ngày tốt, đem đủ một trăm lạng bạc đến đưa cho Hồ-Giuyệt, chiều hôm ấy Chu-Nguyên sai người nhà thuê kiệu đi đón nàng Thụy-Hồng : một mặt sai làm tiệc rượu để chờ đó. Không bao lâu đã đón nàng về, đưa vào trong phòng, Chu-Nguyên ngồi dưới bóng đèn ngắm lại một lượt, thấy nàng lại đẹp hơn trước, trong lòng lấy làm vui vẻ lắm, bèn ngồi ở bên cạnh, sai đứa tiểu-đồng rót một chén rượu mời nàng uống, và tự mình cũng rót một chén, để đôi bên đối-ẩm với nhau. Song nàng có ý ngần ngại.

Chu-Nguyên nói :

— Nàng đã cùng tôi kết-nghĩa, hà tất phải thẹn làm gì, xin gọi là uống một chén này, sao nỡ để tôi chờ đợi.

Nàng Thụy-Hồng thấy cái quang-cảnh như thế, trong lòng đau sót vô cùng ! Nghĩ thầm rằng : « lúc ta còn trẻ, cha mẹ ta quí-báu biết là nhường nào. Ngày nay lưu-lạc ở đây, lại thấy những cái trạng-thái xấu xa thế này, há chẳng nhục đến tiên-nhân ta ru ! ». Ruột tằm đòi đoạn

vò tơ, đôi hàng châu-lệ ròng ròng chảy xuống!

Chu-Nguyên thấy nàng chảy nước mắt như thế, sẽ dịu dàng hỏi rằng:

— Tôi xem ý nàng, hẳn có sự gì bất-đắc-dĩ, sao không nói rõ cho tôi biết? Nếu tôi có thể hết sức giúp được, quyết không từ chối chút nào.

Nàng Thụy-Hồng vẫn ngồi yên không nói chi cả.

Chu-Nguyên một mình rót, một mình uống; uống đến canh hai, Chu-Nguyên nói:

Đêm đã khuya rồi, thôi xin đi nghỉ.

Nàng vẫn chẳng nói gì cả.

Chu-Nguyên không tiện dục dã, sẽ chạy đến cái án sách, đem lại một quyển ngồi xem.

Nàng thấy Chu-Nguyên là người ôn-nhu hòa-nhã như thế, nghĩ thầm rằng: « Ta xem người này thực là một bậc thịnh-đức quân-tử, bất-nhược ta lấy quách người này, họa may ngày sau hoặc có dửa hờn báo oán được chăng ».

Nghĩ quẩn nghĩ quanh, canh ba sắp hết, Chu-Nguyên lại dục nàng đi ngủ. Nàng bèn nói:

— Bây giờ thiếp mới thực là người nhà của chàng.

Chu-Nguyên cười mà rằng:

Ô hay! dễ từ tôi đến giờ, là người nhà khác chăng?

Nàng Thụy-Hồng thở dài, rồi đem những cảnh-ngộ của mình đã gặp và những mưu-mẹo của Hồ-Giuyệt với bọn côn-đồ nói cả một lượt.

Chu-Nguyên nghe nói cả sợ.

Bấy giờ đã sang canh tư, nàng vội vã nói với Chu-Nguyên rằng:

Bọn côn-đồ đến đây bây giờ, xin chàng kíp lánh ra nơi khác, nếu chậm thì nguy mất!

Chu-Nguyên nói:

Không cần, tôi đã có người bạn đồng-khoa trọ ở gần đây, chúng ta hãy đến đấy tạm nhờ một tối, rồi mai sẽ tìm chỗ trọ, tưởng cũng chẳng lo ngại gì. Nói đoạn sai người nhà mang đèn đi đến chỗ trọ của người bạn ấy.

Khi Chu-Nguyên đã đến nơi rồi, sự-tình thế nào nói cả với bạn. Người bạn liền dọn ra chái ngoài, nhường nhà trong cho vợ chồng Chu-Nguyên ở, và sai người nhà đến nhà trọ Chu-Nguyên, đem hết cả đồ đạc hành-lý của Chu-Nguyên về.

Bấy giờ đã sang canh năm, Hồ-Giuyệt và bọn côn-đồ đem khí-giới đến nhà trọ Chu-nguyên, vừa reo vừa phá cửa đi vào; lúc vào tới nơi, thấy buồng không lạnh ngắt như tờ, chẳng thấy Chu-Nguyên và Thụy-Hồng đâu cả, Hồ-Giuyệt cả sợ, bảo bọn côn-đồ rằng: Lẽ nào mà chúng nó biết trước chạy trốn, tất chúng bay mách nó để lừa ta. Vậy thì những bạc ta chia cho chúng bay đâu, phải giả lập tức.

Bọn côn-đồ cả giận mà rằng:

— Mày đã đem vợ mày đi bán, lại muốn đến ăn cướp của người ta, thế mà còn nói chúng ta lừa đảo, chúng ta tha mày thế nào được. Nói song kéo cả lại đánh Hồ-Giuyệt.

May đâu có quan Ngũ-thành-binh-mã đem quân đi tuần qua đó, bắt cả bọn côn-đồ ấy, đánh mỗi tên ba mươi roi, và đòi lại số bạc bỏ vào công-khố; còn Hồ-Giuyệt thì sai trói giải về làng.

Tự khi Chu-Nguyên lấy nàng Thụy-Hồng, đôi bên cùng kính yêu nhau, ân-tình rất là đằm thắm. Năm ấy Chu-Nguyên thi hội không đỗ, vì nỗi đường về xa cách, nên ở liều trong Kinh chờ đợi, để thi khoa sau. Khi ở đã được hơn một năm, nàng Thụy-Hồng sinh ngay được người con giai, Chu-Nguyên lấy làm mừng rỡ lắm, viết thư báo tin cho nhà biết.

Thoi đưa thấm thoắt, không bao lâu, năm ấy lại gặp khoa thi hội, nàng ngày đêm cầu-nguyện, mong sao cho chàng được kim-bảng đề-danh, để báo cái oan-thù cho nhà mình khi trước. May sao khoa ấy chàng đỗ ngay tiến-sĩ, được bổ tri-huyện, lại nhân thấy huyện Vũ-Xương khuyết tri-huyện, chàng bèn xin bổ đến huyện ấy. Lúc lên đường đi làm quan, có dặn nàng rằng:

— Tôi đi chuyến này, kẻ thù tất không trốn được, tôi quyết bắt cho hết mọi đứa, bới gan rạch huyết, đem tế linh hồn cho cha mẹ nàng.

Nàng nói:

— Nếu quả được như thế, thì thiếp này chết mới nhắm mắt.

Bấy giờ Chu-Nguyên một mặt sai người về đón gia-quyến, đợi ở Dương-Châu, rồi cùng đi phó-nhậm; một mặt thì chờ ở bộ Lại để lĩnh văn-bằng.

Một hôm lĩnh được bằng rồi, vào triều lạy tạ ra đi. Lúc đi đến Lâm-Thanh, thuê một chiếc thuyền lớn, để đi thuyền cho tiện. Tên lái thuyền kể họ xưng tên, chạy lên đón rước, và sai người nhà đem hết các đồ hành-lý để xuống khoang thuyền, rồi mời vợ chồng quan huyện Chu-Nguyên xuống, để chở đi huyện Vũ-Xương.

Nàng Thụy-Hồng bấy giờ ngồi ở trong khoang, nghe tiếng tên lái thuyền nói ở ngoài, giống y như tiếng Trần-tiểu-Tứ khi trước. Bèn hỏi chàng xem người lái thuyền ấy tên là gì, thì chàng bảo tên là Ngô-Kim như lời tên lái thuyền đã nói lúc trước. Nàng lại nghe mấy tiếng sau, thì càng nghe lại càng thấy giống tiếng Trần-tiểu-Tứ lắm. Liền nói với chàng sai gọi tên lái thuyền đến gần, giả cách truyền bảo việc chi đó, rồi nàng ngồi nấp ở phía sau dòm xem, thì quả nhiên giống như Trần-tiểu-Tứ. trong lòng lấy làm lạ, muốn hỏi nhưng chưa có cớ gì.

Một hôm có ông thầy học Chu-Nguyên đi thuyền đến, Chu-Nguyên phải sang thuyền bái yết. Vợ tên lái thuyền thấy Chu-Nguyên đi vắng, mới dám vào khoang bài-kiến Thụy-Hồng, và bưng nước chè mời nàng uống. Nàng hỏi vợ tên lái thuyền bao nhiêu tuổi và quê quán ở đâu, thì thấy nói quê ở Tri-Dương. Nàng hỏi:

Sao chồng mụ không đóng như người ở Tri-Dương.

Vợ lái thuyền thưa rằng:

— Đó là người chồng sau của tiện-thiếp. Vì người chồng trước chở lương đến đây, không may mắc bệnh chết mất; còn người chồng bây giờ là quê ở Vũ-Xương, vốn người làm công cho thuyền nhà tiện-thiếp khi trước, những việc ma chay, đều nhờ y giúp đỡ cả. Tiện-thiếp nhân chiếc thân cô-khổ, không nương tựa vào đâu, nên phải theo ý, mày lại đội tên ngu-chồng trước của tiện-thiếp.

Nàng nghe nói, trong lòng hiểu rõ, đem cái khăn là thưởng cho vợ tên lái thuyền ấy.

Đến lúc Chu-Nguyên về, nàng đem hết những lời vợ tên lái thuyền kể lại một lượt, và nói :

— Tên lái thuyền xưng tên là Ngô-Kim, như tôi chắc là Trần-tiều-Tứ.

Chu-Nguyên nói :

- Đương chỗ đọc đường này, phải nên cẩn-thận chớ có nóng nẩy; hãy chờ đến chỗ địa-phương mình cai-trị, bấy giờ sẽ tra xét tên giặc ấy.

Nàng nghe nói lấy làm phải.

Một hôm thuyền Chu-Nguyên đi đến Dương-châu, chưa thấy gia-quyến đến, phải đậu thuyền lại ở đó. Thuyền mới đậu được nửa ngày, bỗng nghe trên bờ có tiếng người nhộn nhịp. Chu-Nguyên sai người lên hỏi, ngỡ là ai ? té ra tên lái thuyền cùng hai người khác đương đánh nhau sô sát. Chu-Nguyên đương nghĩ không có cớ gì tra hỏi tên lái thuyền ấy, may đâu sẵn cơ-hội ấy, bèn sai người nhà cùng mấy tên thủy-thủ lên bắt xuống thuyền để tra hỏi.

Tên lái thuyền thưa rằng :

— Hai tên này nguyên có góp vốn cùng buôn thuyền với tôi, vì chúng lấy trộm tiền vốn, đương đêm trốn đi, đã lâu không gặp đâu cả. Hôm nay lòng giời xui khiến, cùng gặp ở đây, nếu tôi hỏi đòi số tiền ấy, thì chúng lại chối cãi, và sấn lại đánh tôi. Xin quan lớn xét thương cho.

Chu-Nguyên lại hỏi :

— Nào thế hai tên kia, cung-khai xem sao ?

Hai tên ấy thưa rằng :

— Quả chúng tôi không có sự ấy, chẳng qua anh ấy vu-thác đó thôi. Nguyên khi trước chúng tôi cũng có góp vốn buôn thuyền với anh ấy thực, song vì anh ấy say đắm một người con gái, chúng tôi sợ ngăn trở đến việc buôn bán, nên rút món tiền vốn ra, lại đi các nơi chèo chở. Thực không lấy lạm của anh ấy một đồng nào.

— Vậy thì hai chúng mày tên là gì ?

Tên Trần-tiều-Tứ (tức là lái thuyền) thưa rằng :

Một tên gọi là Thẩm-thiết-Bành, và một tên là Trần-tiều-Nguyên.

Chu-Nguyên đương sắp hỏi lại, bỗng thấy người nhà sẽ ra bẩm rằng :

— Bà lớn tôi có sai liễu-hoàn ra mời quan lớn vào để thưa chuyện

Chàng chạy vào khoang trong nàng sẽ nói nhỏ rằng :

— Tên hai đứa ấy chính là đồng-đẳng với thằng giặc Trần-tiều-Tứ mà cướp giết hồi trước đó, không nên tha.

Chu-Nguyên nói :

— Đã vậy như thế, không đợi đến lúc về Vũ-Xương được nữa. Nói đoạn bèn viết một cái danh-thiếp, nhất-diện sai người sở-tại đây trói ba tên ấy giữ lại, và nhất-diện đi kiệu đến quan Thái-thú Dương-Châu, trình bày mọi lẽ.

Quan Thái-thú sai bắt ba tên về phủ giam lại, để hôm sau thẩm xét.

Lúc Chu-Nguyên về đến thuyền, bọn thủy-thủ đã biết Trần-tiều-Tứ là quân cường-đạo, bèn đem tình-tiết Trần-tiều-Tứ mưu hại Ngô-Kim bẩm cả một lượt.

Chu-Nguyên lại đem sự ấy viết một cái thiếp sai người đem trình quan Thái-thú Dương-châu, và xin tra bắt cả bọn cướp ấy.

Quan Thái-thú xem thiếp xong, bèn sai người đến thuyền bắt vợ tên lái thuyền đến tra hỏi một thể.

Hôm sau quan Thái-thú ra công-đường, sai điệu ba tên tặc-đồ ra hỏi, và sai đem cả người đàn bà ấy, (vợ lái thuyền) ra quỳ ở trước thềm.

Tên Trần-tiều-Tứ trông thấy vợ mình cũng phải đến đó, trong lòng sợ hãi hoảng loạn. Chỉ thấy quan Thái-Thú gọi thẳng đến tên « Trần-tiều-Tứ », chứ không gọi đến tên « Ngô-Kim », Trần-tiều-Tứ sợ hãi không thưa; lại thấy trên thềm gọi tên « Trần-tiều-Tứ » một lần nữa. Bấy giờ Trần-tiều-Tứ bất-đắc-dĩ phải thưa.

Quan Thái-Thú cười nhạt và hỏi rằng :

-- Mày còn nhớ việc quan Chỉ-huy họ Sái không ? Rõ thực là lưới giời lồng lộng, dẫu thưa rộng mà cũng không lọt đường nào !

Ba tên tặc-đồ chỉ lét mắt nhìn nhau, không nói chi cả.

Quan Thái-thú lại hỏi :

-- Những đứa nào đồng-mưu với mày ? Nào những tên Lý-Hồ-Tử, Bạch-Mãn, Hà-man-Tử, Long-uy-Chủy và Rư-cáp-Ba thì bây giờ ở đâu?

Trần-tiều-Tứ nói :

— Bấy giờ tôi đương ngủ ở trong khoang, bọn ấy vơ vét hết của rồi đi. Xin quan lớn cứ hỏi hai tên này thì biết.

Trần-tiều-Nguyên nói :

— Tên Lý-hồ-Tử và Bạch-Mãn đi bán hàng giấy cùng với người ở Sơn-Tây, còn Hà-nam-Tử, Long-uy-Chủy và Rư-cáp-Ba trốn ra Hoàng-châu chèo thuyền mướn.

Quan Thái-thú lại sai gọi người đàn bà ấy lên hỏi rằng :

— Mày cùng tên Trần-tiều-Tứ thông-gian với nhau, lại bỏ thuốc độc giết chồng, để làm vợ chồng với tên Trần-tiều-Tứ, sự tình thế nào phải nói rõ ngay.

Người đàn bà ấy đương sắp nhỏi cãi, thì thấy cả bọn thủy-thủ ở dưới thềm lên hầm hết đầu đuôi sự lý. Người đàn bà ấy không nói được câu gì cả.

Quan Thái-thú nghe nói cả giận, thét đánh mỗi đứa bốn mươi roi. Đánh cho thịt nát da bay, máu rơi lênh láng, rồi sai nha-dịch biên lấy khẩu-cung, ba tên tặc-đồ ấy thì kết thành án chém, đứa đàn bà ấy thì phải tội lăng-trì. Song hãy cho đeo xiềng xích gông cùm, giam vào ngục khám. Một mặt sai đi bắt bọn Bạch-Mãn và Lý-hồ-Tử. Quan Thái-thú lại thân đến thuyền bái chào Chu-Nguyên, và đưa giấy má tra xét cái án ấy cho Chu-Nguyên xem, Chu-Nguyên lấy làm cảm-tạ lắm. Nàng Thụy-Hồng nghe nói, nét mặt sầu não cũng dãn bớt được nhiều.

Qua mấy hôm sau, người vợ cả Chu-Nguyên đã đến, nàng ra lạy đón, đôi bên hòa thuận với nhau. Lại trông thấy người con giai của nàng rất là thanh-tú, lại càng mừng rỡ lắm.

Một hôm thuyền đi đến Vũ-Xương, Chu-Nguyên vào huyện nhận chức, liền sai mấy người bộ-dịch đi thám bắt bọn Hà-man-Tử. Quả-nhiên bắt được Hà-man-Tử và Long-uy-Chủy ở cửa sông Hoàng-châu giải đến. Hai tên ấy xưng rằng : « tên Rư-cáp-Ba đã chết tự năm trước, còn tên Bạch-Mãn và Lý-Hồ-Tử thì hiện buôn chung với người tỉnh Giáp-Tây ». Chu-Nguyên sai đem giam lại.

Đến khi những người bộ-dịch bắt được Bạch-Mãn và Lý-hồ-Tử về đến

Vũ-Xương, Chu-Nguyên sai lấy khẩu-cung, và đánh mỗi tên bốn mươi roi, rồi tư giấy giải giao đến phủ Dương-Châu, để kết cho xong án trước.

Chu-Nguyên cai trị huyện Vũ-Xương ba năm, dân sự bình yên, của rơi ngoài đường không ai buồn nhặt. Lời có công ấy, nên vua Tuyên-Đức nhà Minh thăng cho làm quan Tuần-tiểu Hoài-an và Dương-Châu các xứ.

Lúc Chu-Nguyên sắp lên đường, Thụy-Hồng dặn rằng :

— Bọn tặc-đồ giam ở Dương-Châu, còn chưa xử-quyết, tướng-công đến đó, nên làm ngay cho xong án ấy đi, và lấy máu những quân tặc-đồ ấy tế cha mẹ thiếp một tuần. Lại còn một việc nữa xin nhờ tướng-công giúp cho ; là vì ngày trước cha thiếp có lấy một người vợ hầu, tên là Bích-Liên, đã có thai được một tháng, sau bởi mẹ thiếp không dung, phải lấy chồng khác là tên Chu-Tài ở đấy ; sau thiếp nghe nói Bích-Liên có sinh được một người con giai. Nay tướng-công nếu vì thiếp sai người dò hỏi xem, nếu người con giai ấy còn sống, thì tướng-công chủ-trương cho y lại theo về họ Sái, để nối dõi tông-đường họ Sái về sau. Nói đoạn vừa khóc vừa lạy xuống đất.

Chu-Nguyên nựng dậy mà rằng :

Ái-Khanh bất-tất phải thế, hễ tôi đã đến chỗ, quyết không phụ lời ủy-thác của Ái-Khanh ; mà hôm nào làm xong việc ấy, tôi sẽ viết thư cho Ái-Khanh biết.

Nàng lại hai lạy tạ ơn.

Khi Chu-Nguyên khởi-hành tuần-tiểu Hoài-An và Dương-Châu, bấy giờ đương giữa tháng bảy, chưa đến lúc xử-tù, nên lại đi tuần Hoài-An trước. Bèn sai hỏi thăm đến tin tức Chu-Tài, thì quả-nhiên hỏi thấy ngay, người con giai ấy đã lên tám tuổi, mà khôi-ngô tuấn-tú lắm, Chu-Nguyên đặt tên ngay là Sái-Tục và cho quần áo để thay, sai đưa đến quán-vệ cung-cấp. Rồi lại tư giấy vào tòa Đô-Sát, nhờ tâu hết các sự Sái-Vũ bị họa và tiên-nhân họ Sái khi xưa cũng có công lao dẹp giặc, không nên để đến nỗi tuyệt-tự ; và lại hiện Sái-Vũ còn đứa con thơ là Sái-Tục, bao giờ khôn lớn, nên cho tập ấm. Còn như bọn hung-đồ là lũ Trần-tiểu-Tứ, xin đến cuối thu xử-quyết vân vân.....

Không bao lâu có chiếu-chỉ ban ra chuẩn cho như lời tấu-thỉnh. Chu-Nguyên bèn để Dương-Châu sai điệu bọn Trần-tiểu-Tứ tám đứa ở trong ngục ra, đưa lên pháp-trường trảm-quyết, và sai quân đao phủ đem đầu mấy tên tặc đồ ấy bỏ vào cái hộp, đem đến miếu thành-hoàng, sai thiết linh-vị cả nhà quan Chỉ-huy họ Sái, và lấy hương hoa và các thứ tế-phẩm cùng mấy cái đầu ấy, bày hàng la-liệt, rồi Chu-Nguyên tự viết văn-tế và đem Sái-Tục đến kích tế một tuần. Chu-Nguyên lại chỉnh-đốn gia-tư cho Sái-Tục, khiến người mẹ Sái-Tục là Bích-Liên về với Sái-Tục ở cái nhà cũ, để trông coi việc cúng tế đỗ tết nhà họ Sái, lại phát cấp tiền bạc cho Chu-Tài đi lấy vợ khác. Mọi việc xong cả rồi, Chu-Nguyên viết thư, kể rõ mọi điều, sai người đem về nhà đưa cho nàng Thụy-Hồng biết.

Nàng Thụy-Hồng đã tiếp được thư, biết họ Sái nhà mình đã có người nối dõi, và cái thù nhà cũng đã báo xong, nàng bèn để tay lên trán vái tạ giời đất. Đêm hôm ấy nàng tắm gội thay áo, viết một bức thư gửi đến tạ ơn chàng, rồi đi lạy chào vợ cả. Lúc về đến trong phòng, liền lấy dao đâm vào cổ họng mà thác !

Bức thư ấy như sau này :

« Tiện-thiếp Thụy-Hồng, trăm lạy « Tướng-công tỏ xét :

« Thiếp vốn con nhà võ-tướng, lòng « vẫn giữ nếp khuê-nghi. Trộm nghĩ : « con giai cốt trọng điều nghĩa, con « gái cốt trọng điều tiết. Con gái « mà không trinh-tiết, khác gì chim « muông.

« Cha thiếp vì nết hay rượu, đến « nỗi táng-thân trong tay mấy đứa « tặc-đồ, lấy đến mẹ thiếp và em thiếp « nữa ! Thiếp thực đứt từng khúc « ruột, sái chan dọt lệ, đã mấy năm « giời ! Song từ đó đến nay, thiếp còn « ẩn-nhẫn chưa dám chết, là vì thiếp « nghĩ rằng : Điều liêm-sỉ của một « người là điều nhỏ, mà sự thù-oán « cả một nhà là sự to. Ngày xưa « quan Lý-tướng-quân đẩu giặc, là « cốt để báo thù cho nhà Hán ; thiếp « dẫu một kẻ nữ-lưu, chí cũng như « thế. Không may hết nạn này đến « nạn khác, trong lòng đau đớn biết « bao !

« May sao gặp được tướng-công, « cứu thiếp trong vòng nước lửa, lại « cho thiếp kết bạn sắt-cầm. Lúc mới « biết mặt nhau, đã hứa sẽ báo thù « cho thiếp. Lòng giời thương giúp, « bước công danh sớm được thỏa « lòng ; những quân gian-ác ngày « xưa, trước sau đều bắt được cả, « và lại làm được đúng như luật phép, « lấy máu những quân gian ác, kính « tế cha mẹ thiếp một tuần, làm cho « cái dòng dõi họ Sái đã tuyệt mà « lại có người kế-tự về sau. Cái ơn « tái-tạo của tướng-công đối với nhà « thiếp, thực như giời cao bể rộng, « không biết nói sao cho cùng !

« Nay cái oan thù nhà thiếp đã rửa « sạch, cái chí thiếp đã thỏa rồi, nếu « đã thất-tiết mà lại còn tham sống, « để vết sâu đến mồ-phong, sao « bằng chết quách cho rồi, theo cha « mẹ thiếp ở dưới suối vàng cho « rảnh.

« Thiếp có sinh được một đứa « con sáu tuổi, phu-nhân cũng sẵn « lòng thương, chắc sau này thế nào « nó cũng thành-lập được. Vậy thì « thiếp dẫu chết, nhưng cũng không « khác gì sống, thôi thì nhân-duyên « có thế thôi ! không được từ-biệt ở « trước mặt, gọi tả mấy chữ, bày « chút khổ-trung ! »

Đến lúc phu-nhân biết nàng đã mất, thương khóc đau đớn vô cùng chôn cất rất là trọng hậu. Lại đem cái gi-thư của nàng phong kỹ lại, sai người đem đến cho Chu-Nguyên.

Chu-Nguyên xem xong, khóc quay xuống đất, ngất hẳn người đi, gọi mãi mới tỉnh, tự đó thành ra đau ốm. Các quan Phủ Huyện đều đến hỏi thăm, Chu-nguyên kể truyện cho nghe, ai cũng chảy nước mắt !

Sau Chu-nguyên làm đến Tam-Biên Thống-chế, con giai nàng là Chu-Mậu cũng đỗ luôn mấy khoa từ lúc tuổi trẻ, dâng sớ tâu bày nỗi khổ-trung của mẹ đẻ là Sái-thụy-Hồng. Vua nhà Minh chuẩn-tấu, và cho dựng bia «tiết hiếu» đến nay hãy còn.

Có người đề một bài thơ rằng :

Báo thù vốn phận sự con giai,
Ai tưởng quần-hoa lại có tài.
Ngán nỗi nhát-hèn bao những kẻ,
Làm không nổi việc, thở than hoài !

HẾT

Thần-Duyệt

N° 12

HAI NGƯỜI NGHĨA-HIỆP

Trinh-thám-tiểu-thuyết

(NGHIÊM-XUÂN-LÃM dịch-thuật)

Lý-Thành nói :

— Có, có, tôi còn nhớ lúc tôi mười tám tuổi, theo học ở huyện Phú-Dương, nghe người huyện ấy ai cũng sợ đi qua lối bờ-đập sông cái. Tôi hỏi tại cớ sao, thì người ta nói chỗ ấy có tên tướng cướp rất ghê gớm là Chu-Vinh, thấy ai đi qua cũng cướp, thường khi lại giết người nữa. Tên ấy vẫn ở dưới thuyền, quan binh không sao dịch nổi. Tôi nghe nói, cười khẩy mà rằng: lẽ nào quan binh mà lại sợ cướp! nếu tôi đi qua lối ấy, tất giết chết thằng mọi ấy mới nghe. Bấy giờ những người đứng bên, ai cũng cười tôi một cách mỉa-mai khinh-bỉ, cho tôi là một kẻ cuồng-si. Tôi giận lắm, quyết-nhiên đến chỗ bờ-đập sông cái. Song chỗ ấy rất là hoang rậm, mà không thấy trộm cướp đâu cả. Bấy giờ trong túi tôi có vài mươi lạng bạc, đương lững thững đi, bỗng thấy tên cướp ở đâu chạy ra, lấy tay khoác chặt mình tôi. Tôi hỏi rằng: « anh là người nào ? làm sao lại đón đường tôi ? » Tên ấy nói : « có bao nhiêu bạc phải dâng nộp cả mới tha ». Tôi nói : " bạc này không phải của tôi, tôi đem giúp người ta đó, cho anh thế nào được. " Tên ấy rút dao ra, ướm vào cổ tôi mà rằng : "nếu không đưa bạc thì lập tức chém" Tôi liền nói dối rằng : " thưa ông, tôi nghe có một vị Chu đại-Vương, nếu tôi được yết-kiến ngài, không những tôi dâng số bạc này, mà tôi lại xin theo làm thầy-tớ nữa ". Tên ấy nghe nói, bèn dẫn tôi xuống thuyền, thấy Chu-Vinh đương ngồi cao ngất ngưởng uống rượu, tôi liền nổi giận trừng mắt mắng rằng: " mày có phải là Chu-Vinh không? cướp của người đã lắm, hại mạng người đã nhiều, lại còn muốn cướp bạc của ta sao? " Chu-Vinh ngồi yên không nói chi cả. Bỗng thấy vài mươi tên cướp chạy lại đánh tôi. Tôi cướp được một con dao, chém giết hết cả bọn ấy, và bắt Chu-Vinh đem đi nộp quan. Quan thấy đã bắt được Chu-Vinh, đương sắp ban thưởng cho tôi; không ngờ có người nói dèm với quan rằng : « Chu-Vinh là tướng cướp có tiếng trong một địa-phương, quan binh còn không địch nổi, lẽ nào một mình Lý-Thành bắt được, chắc Lý-Thành cũng lại là một thằng cướp đáo-để chứ chẳng không, xin quan lớn bắt giam lại, để chúng tôi khỏi lụy về sau ». Quan nghe nói tưởng thực, bắt ngay tôi bỏ vào ngục Thôi thì là tôi mắc sự oan-vu, không bày tỏ ra được! Bấy giờ tôi đã tự nghĩ : như tôi đã trừ hại cho một phương dân, không thưởng công cho thì thôi, sao nỡ buộc tội. Làm cho những bậc anh-hùng trong nước, tự đó phải im hơi nằn chí, há chẳng thống-hận lắm ru! May sao có người quen tôi, bảo-lĩnh cho tôi được tha ; nhưng trong khi tôi còn phải giam, tôi vẫn vui sướng lắm, là vì mong mình bề lớn, không có ai địch nổi Chu-Vinh, mà đường đường một ông quan to, cũng không trừ hại cho dân được. Thế mà tôi là một kẻ thất-phu, lại bắt

sống được Chu-Vinh, vì dân trừ được mối hại ; dẫu đem xé nhỏ tôi ra, tôi cũng không hối-hận gì nữa. Thế chẳng là một việc đắc-ý cho tội khi trước ru!

Chấn-Hoa nói :

— Người đời điêu-bạc, tưởng cũng như thế nhiều, cả đến những việc cốt-nhục tương-tàn, cũng không mấy chỗ không có, thế mới lại là một điều đáng than giận chứ.

Lý-Thành nói ;

— Tôi dẫu không biết chữ mấy, song cũng đã đọc sách thánh-hiền, có biết đại-nghĩa một chút, nên tự thuở bé đến nay, chưa dám làm gì hại ai cả.

Chân-Hoa nói :

— Tôi dẫu đã đọc sách của cổ-nhân, song những lời nói cao xa, chưa thấu xiết hết được ; chỉ hễ xem đến chuyện du-hiệp, thì tôi thích lắm, đọc đi đọc lại cũng không biết chán.

Hai người trò chuyện đương nồng, bỗng nghe gà đã gáy sáng. Lý-Thành đứng dậy nói rằng :

— Trời đã sắp sáng rồi, tôi xin về huyện, nếu chậm sợ lại không kịp. Nói đoạn dắt xe đạp đi ngay.

Lý-Thành vốn đã đi chóng, lại được xe đạp, nên đi rất chóng lắm, mới bảy giờ sáng đã về đến huyện, vào báo với Hạ-công.

Bây giờ Hạ-công đương nói chuyện với Tử-Sâm, nghe nói Lý-Thành xin vào hầu, liền sai gọi vào. Lý-Thành bèn đem cái mí da trình Hạ-công, và nói rằng :

— Vật này là cái chứng cớ giết Thiều-Xuân đó, kẻ hung-phạm là Hà-gia-Câu, hiện đã bắt được để ở hàng rượu chỗ Nguyệt-Phổ, xin quan lớn cho ngay lính đi áp-giải về.

Hạ-công và Tử-Sâm nghe nói, đều lấy làm lạ, xem xét mọi vật trong mí da, và hỏi cớ làm sao mà thám được.

Lý-Thành nói :

— Quan lớn thong thả hãy hỏi điều ấy ; việc Thiều-Xuân chết, nguyên-hung là Hòa-Xuân, tức là em chủ-nhân tôi đó, người ấy định đáp tàu sớm hôm nay đi Vũ-Lâm, quan lớn kíp cho người ra bến tầu đón bắt.

Hạ-công nói :

— Nếu mà sai nhầm thì sao ?

— Quan lớn xem kỹ cái thư trong mí da, thì biết là không nhầm.

Hạ-công gật đầu lấy làm phải, và sai bốn tên nha-dịch ra chỗ bến tầu để bắt Hòa-Xuân.

Bấy giờ Lý-Thành mới kể rõ sự bắt Gia-Câu ở Nguyệt-phố; và Chấn-Hoa đi thám Chính-Thu, giữa đường gặp Hiền-Thần, có lấy trộm xe đạp của Hiền-Thần để dùng tạm, theo đến Nguyệt-phố, cùng bắt Gia-Câu vân vân... Chỉ có một việc lên tháp dòm Mai-thị thì dấu không nói, sợ Hiền-Thần quả có tư-thông với Mai-thị, biết trước mà phòng-bị chăng.

Hạ-công nghe nói, cười mà rằng :

— Ông già vẫn nói Chấn-Hoa không phải là đứa kẻ trộm kia mà ! thế mà lại lấy trộm xe đạp của người ta là sao ?

Lý-Thành nói :

— Đó là sự quyền-nghi một lúc, chỉ ở bắt kẻ hung-phạm, chứ không phải cốt lấy trộm xe.

Bấy giờ đã hơn tám giờ sáng, Hạ-công nói :

— Bây giờ tầu đã chạy rồi, sao những đứa đi bắt Hòa-Xuân chưa về ? Hay là chưa bắt được chăng ?

Ngay lúc ấy những nha-dịch đi bắt Hòa-Xuân đã về, bẩm Hạ-công rằng:

— Chúng tôi đi lại dò xét, thực không thấy ai là Hòa-Xuân. Lúc tàu đã chạy, chúng tôi mới về đây.

Hạ-công nói :

— Thế thì người ấy để chưa đi chăng ?

Lý-Thành nói :

— Bẩm không, tất hôm nay y ở trong tàu, sở-dĩ không thấy, hoặc là không nhìn kỹ đến nơi kín đáo chăng ?

Bọn nha-dịch nói :

— Chúng tôi đã giò xét kỹ lưỡng, hễ thấy ai mặc áo sắc sám, là đem cái ảnh ra so sánh xem có giống không, quyết không để cho y lọt lưới.

Lý-Thành bỗng tỉnh-ngộ mà rằng :

— Thôi ! tôi làm lỡ việc mất rồi ! Cái ảnh nhỏ ấy là ảnh Hòa-Xuân lúc còn trẻ tuổi, hoặc bây giờ mặt mũi khác rồi mà không nhận được nữa chăng.

Hạ-công đương sắp nói, bỗng thấy lính báo rằng :

-- Đã bắt được Lý-hòa-Xuân, giải đến ở kia rồi ạ.

Hạ-công và lũ Lý-Thành đều lấy làm kinh-dị mà rằng :

-- Quái lạ, thế thì ai bắt Hòa-Xuân? ai bắt Hòa-Xuân mà giải đến đó ?

Đương nói thì thấy một người ở ngoài chạy vào. Ngờ là ai ? té ra là Hiền-Thần. Hiền-Thần bẩm rằng :

– Chín giờ đêm hôm qua, tôi đi đến ngoài bờ rào chỗ Phòng-gia-Trang, dựa cái xe đạp ở gốc cây, thấy trước sau không có ai, mới dễ vào mé sau tường đi giải ; không ngờ lúc tôi giở lại, đã mất xe đạp, rồi. Tôi vội vàng đi đến chỗ ngã ba đường dòm xét, nhưng không thấy ai đi xe đạp cả. Tôi lại đi ngoặt về phía tây – bắc. xa nghe có tiếng người nói chuyện, đi một quãng nữa, mới biết là ba người nông-phu vừa làm vừa hát ở bên cạnh đường. Tôi hỏi có thấy ai đi xe đạp không, thì đều nói rằng không cả. Tôi vội vàng giở lại Phòng-gia-Trang, muốn đi lối cũ để dò xét tung-tích. Lúc đi đến cái cổng làng ấy, thấy cửa cổng đã đóng, nghe thấy tiếng người đi xe đạp sắp đến, mặc áo sắc sám, mà cách ăn mặc rất nhã. Một chốc đi đến gần, tôi ngờ là người lấy trộm xe tôi, tôi mới gọi đòi. Người ấy dừng xe nhẩy xuống mà rằng : « anh Chính-Thu đấy ư ? đêm khuya anh đến đây làm gì ? sao anh biết cái xe tôi đi đây là xe của anh ? » Tôi nghe nói rất lấy làm lạ, biết là người ấy nhận lầm. Lúc đi giáp mặt, người ấy nhìn tôi, rồi kinh-ngạc mà rằng : « thôi lầm rồi, không phải ». Tôi thấy hình dáng đáng ngờ, chắc có mưu gian chi đó, tôi nhân xốc nách hết sức bắt lại. Cũng may người ấy yếu-ớt, không cựa cạy được. Tôi liền gọi người lý-trưởng đến, áp-giải về đây. Tôi lại khám xét trong mình, thấy có một vật lạ, mới biết người ấy chính là người giết Thiều-Xuân. Nói xong bèn lấy cái ống bằng da dâng trình.

Hạ-công trông trong ống da có hai cái kim tiêm thuốc, cũng giống như cái kim trong mí da của Gia-Câu.

Hiền-Thần nói :

– Tôi bắt được người này, xét hỏi họ tên, mới biết là Lý-hòa-Xuân, tức là em ruột Cảnh-Xuân tiên-sinh. Song hỏi Chính-Thu là ai, thì Y nhất-định không nói. Nhưng tôi biết chắc

y là kẻ giết Thiều-Xuân, nên bắt đem về trình nộp.

Hạ-công cả mừng mà rằng :

— Tuy vậy nhưng không phải công nhà ngươi đâu, chính là công Chấn-Hoa và Lý-Thành đó. Nhân thuật chuyện thế nào mà Chấn-Hoa lấy trộm xe, và thế nào mà bắt được Gia-Câu, kể cho Hiền-Thần nghe một lượt.

Hiền-Thần nghe nói, càng lấy làm bãi-dị lắm.

Lý Thành nói :

— Đêm qua Chấn Hoa lấy xe đạp đó là vì việc cấu kíp, bất đắc dĩ làm kế tạm-thời đấy thôi. Nếu ngay bấy giờ nói rõ ra, vị tất bác đã cho mượn.

Nói đoạn ai ai cũng đều cười.

Chưa bao lâu bọn lính cùng Chấn-Hoa đã giải Gia-Câu về đến huyện. Hạ-công ra ngồi công-đường, sai nha-dịch khám mình Gia-Câu thấy có một khẩu súng lục và bảy viên đạn. Vội vàng sai đem viên đạn Quyên-Phu bị bắn ngày trước ra so, thì đồng nhau lắm.

Hạ-công cả giận mà rằng :

— Mày giết chết Thiều-Xuân, là Hòa-Xuân xui mày phải không ?

Gia-Câu thưa phải.

— Vậy thế mày bắn chết Quyên-Phu và đánh thuốc độc giết Mã-thị, thì ai xui mày ?

— Những việc ấy thực không phải tôi làm, nên tôi không biết.

Hạ-Công đương tra hỏi đến đấy, thì hốt-nhiên có tiếng quái lạ ở trong pháp-đình nổi lên.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU

Đương khi Hạ-công thẩm-án, bỗng nghe có người nói lớn lên rằng :

— « Mơ-hồ như thế, còn xử kiện làm sao được ! ».

Hạ-công nghe nói, biết có cớ khác, vội nhìn người ấy, thấy : người thấp mà béo, râu ria chỉnh-chện, dáng mặt dữ dội lắm, bèn sai gọi lên trên thềm và hỏi :

— Ngươi bảo ta làm việc mơ-hồ, thế ta làm việc có điều lầm chăng ?

– Bẩm phải.

-- Tại sao ngươi biết ?

-- Tôi là Phùng-tử-Chương, hàng xóm với Từ-chí-Thành. vốn nghề dạy học, cho nên việc Mã-thị chết, tôi biết rõ lắm. Vả lại quan lớn chẳng đã bắt được Lưu-tú-Cao rồi ư ? giết Mã-thị tức là người ấy đó.

-- Nhưng bây giờ Tú-Cao đã câm, là tại cớ sao ?

-- Điều đó thì tôi không biết, song tôi có thấy y bỏ thuốc độc cho Mã-thị : là vì nhà tôi liền nhà Mã-thị, bức vách có một lỗ thủng. Một hôm nghe trong nhà Mã-thị có tiếng chân đàn-ông, tôi dòm lỗ thủng trông sang, thấy Tú-Cao đương cầm gói thuốc bỏ vào hồ nước Mã-thị. Không bao lâu Mã-thị ở đâu đi đến, cầm hồ nước uống ngay, uống xong liền thấy đi nằm, đến sớm hôm sau, nghe nói Mã-thị đã chết. Việc đó thực mắt tôi trông thấy. Nay Tú-Cao đầu câm, có lẽ coi cả h cử-động cũng biết tình được; mà cách câm ấy biết đâu không phải là cách giả-giối.

Hạ-công nói :

— Người đã mắt trông thấy việc ấy, sao không nói trước với ta ?

— Tôi tưởng quan lớn đã minh, tất cũng xét đến những chỗ ấy, cho nên tôi mới không nói. Nay quan lớn còn muốn đem việc ấy buộc tội cho

Gia-Câu ! Gia-Câu tự biết thế nào cũng đến phải chết, tất cũng đành phải đem tội người khác nhận cả vào mình ! Song tôi thương cái oan của người chết ấy không tỏ giải ra được, nên mới nói rõ với quan lớn.

Hạ-công nghe nói gật đầu, và bảo Phùng-tử-Chương tạm lui một bên. Lại sai nha-dịch dẫn Hòa-Xuân lên hỏi :

— Lúc nào mày đi ngầm về nước? tại cớ sao mà mưu giết Thiếu-Xuân ?

Hòa-Xuân nói :

— Gia-sản của tiền-tổ nhà tôi để lại có đến trăm vạn, thế mà anh tôi chiếm cả, không cho tôi chút gì, cho nên tôi căm giận lắm !

— Nếu anh mày chiếm cả gia-sản, thì đã có pháp-luật chứ, sao không đến đây mà kiện ? sao nỡ làm cho mất giống anh mày ? Thôi ! ta đã biết ý mày rồi, chẳng qua mày muốn chiếm cả gia-sản ấy, mà nay mày nói che đạy đấy thôi.

Hòa-Xuân ngồi nín, một chốc lại nói :

— Mùa thu năm ngoái, tôi có viết thư hỏi Gia-Câu rằng anh tôi đã có con chưa ? mãi đến cuối xuân năm nay, Gia - Câu phúc - thư lại, mới biết Thiếu-Xuân đã lên chín tuổi. Đến cuối tháng trước, tôi đến Hàng-Châu, trọ ở hiệu Thanh-Thái, gửi thư dặn Gia-Câu dò xét và nhận-diện Thiếu-Xuân ; giữa tháng này tôi lại mượn người làm nhà lá ở thôn Nguyệt-Phổ, làm chỗ bí-mật hội bàn ; và viết thư gọi Gia-Câu đến, đưa cho cái kim tiêm thuốc độc, để giết Thiếu-Xuân. Song y bảo tất được cái xe đạp mới đi lại nhanh chóng, nên lại đến Hàng-Châu, mượn cái xe đạp của Lục-chính-Thu cho y.

Hạ-công nói :

— Việc này mày có đồng-mưu với Lục-chính-Thu đấy chứ ?

— Bẩm không, Chính-Thu thực không biết.

— Thế mày về trong nước, làm sự bí-mật ấy, không phải dấu diếm ai chăng?

— Bẩm có, vẫn phải dấu kín.

— Sao mày không dấu Chính-Thu?

-- Hôm 27 tháng trước, tôi ngẫu-nhiên đi gặp y, y còn nhớ tôi, gọi thẳng đến tên tôi, nên dẫu muốn tránh cũng không sao kịp.

-- Mày mượn xe đạp của y ngày nào ? Y trọ ở đâu ? ở Hàng-Châu có việc gì ?

-- Y cũng trọ ở hiệu Thanh-Thái, quá trưa hôm 11, y ở nhà trọ đi ra, tôi vừa đi gặp, nhân hỏi mượn xe đạp, y lại giở vào lấy xe đưa tôi, bởi thế mới biết y trọ ở đấy. Song tôi vội gửi thư về nhà, chưa kịp hỏi chuyện, nên chưa biết y làm việc gì ở đấy.

-- Vậy thì Gia-Câu bắn chết Quyên-Phu, mày có biết tại sao không ?

— Bẩm tôi thực không biết việc ấy.

Hạ-công hỏi Gia-câu rằng :

— Lúc Hòa-Xuân đến Hàng-Châu mượn xe đạp, thì mày ở đâu ?

-- Bẩm tôi ở Nguyệt-Phổ.

Bấy giờ Chấn-Hoa đã đến, đem cái danh-thiếp bắt được của Chính-Thu khi trước, đưa trình Hạ-công. Hạ-công bảo Hòa-Xuân và Gia-câu rằng :

— Có phải Chính-Thu viết thiếp này hẹn ước với hai chúng bay không ?

Hòa-Xuân và Gia-Câu đều thưa rằng không biết.

Hạ-công sai nha dịch dẫn hai người giam hai chỗ, rồi bảo Lý-Thành rằng :

-- Ông già lúc trước vẫn nói Chấn-Hoa không phải là đứa kẻ trộm, đến nay mới biết con mắt ông già thực tinh đời lắm. Vậy thì ông già cùng Chấn-Hoa nên mau mau về báo với Cảnh-Xuân tiên-sinh, để giải sự hiềm-nghi ngày trước, cũng là một điều khoái-lạc đó.

Hai người xin vâng, bèn về Lý-Thôn.

Một chốc về đến nơi, Lý-Thành bảo Chấn-Hoa rằng :

-- Tiên-sinh hãy tạm đợi ngoài cửa này, để tôi vào bẩm trước đã.

Chấn-Hoa gật đầu ngồi chờ ở dưới gốc cây.

Lý-Thành vào đến trong nhà, thấy Tiền-thị đương khóc thảm thiết lắm, mà Cảnh-xuân cũng đương xùi xụt bùi ngùi ! Lý-Thành nói to lên rằng :

-- Thưa ông, nay đã bắt được đứa giết công-tử Thiếu-Xuân rồi ạ.

Cảnh-Xuân nghe nói, vùng đứng dậy mà hỏi rằng :

— Thằng giặc Chấn-Hoa, nay đã bị bắt rồi ư ? ta quyết ăn thịt tươi nó!

Lý-Thành nói :

-- Ô ! việc ấy ông còn ngờ cho Chấn-Hoa sao ?

-- Không nó làm việc ấy thì ai ?

-- Thực em ruột ông là Hòa-Xuân cùng người bạn là Gia-Câu làm đó.

Cảnh-Xuân còn chưa tin mà rằng :

-- Em ta đi vắng vài mươi năm nay, chưa biết sống thác thế nào. Còn như Gia-Câu thì có quen với ta đâu, sao đến nỗi mưu giết con ta, chẳng qua là nói lầm đó thôi.

Nàng Tiền-thị thấy nói, cũng im khóc để nghe, đều lấy làm kinh-ngạc. Rồi Lý-Thành kể hết các chuyện cho Cảnh-Xuân nghe. Cảnh-Xuân lại hỏi Hòa-Xuân đã về thì ở đâu, và Gia-Câu là ai ? Lý-Thành lại kể lại một lượt.

Cảnh-Xuân nghe nói cả giận, rồi khóc lóc mà rằng :

-- Ta chót đổ tội cho Chấn-Hoa, nay biết làm thế nào !

— Thưa ông : cậu ấy đương mong báo ơn chưa xong, khi nào dám oán, hiện nay cậu ấy, chưa dám vào hầu ông ngay, nếu ông lại gọi vào nuôi nấng như xưa, thì còn gì hơn nữa.

Bấy giờ Cảnh-Xuân không những cảm-tình Chấn-Hoa mà thôi, mà lại lạ cái tài của Chấn-Hoa nữa. Vội vàng chạy ra cửa đón.

Chấn-Hoa thấy Cảnh-Xuân ra, vùng đứng dậy vừa gọi vừa đón. Cảnh-Xuân ôm vai Chấn-Hoa mà khóc, Chấn-Hoa cũng khóc. Một chốc Cảnh-Xuân nói :

— Thế mà ta vẫn nghi cho cháu là đứa kẻ trộm, bây giờ mới thực biết cháu. Thôi cháu cũng đừng nên oán ta nữa.

Chấn-Hoa nói :

-- Sao cô-phu lại còn nói những lời ấy !

Cảnh-Xuân vội vàng dắt tay Chấn-Hoa vào nói với Tiền-thị rằng :

-- Thằng cháu này không phải là đứa không có nghĩa đâu, từ nay cũng đừng ngờ nữa.

Tiền-thị lòng dẫu không vui, nhưng vì Cảnh-Xuân đã yêu, thì cũng cười gượng mà ra đón. Ngay chiều hôm ấy đặt yến để thưởng-lạo Chấn-Hoa, Lý-Thành cũng ngồi dưới hầu rượu.

(Còn-nữa)

THỜI-SỰ

VIỆC THẾ-GIỚI

Tòa nội-các mới nước Pháp.

Tòa nội-các mới tuyên-bố tại quốc-hội rằng: hiện nay tòa nội-các đã tổ-chức xong, sẽ nối theo làm cho hết các công việc lớn, như là việc khôi-phục, việc bồi-khoản, và việc hòa-bình, cùng là làm cho quân-bình số chi-thu, hạn-chế giảm bớt sự phát-hành giấy bạc, khai phá hết các nguồn lợi ở các thuộc-địa. Từ nay tòa nội-các bỏ bớt sự chuyên-quyền, và trừ sạch mọi cái tư-tưởng độc-chế. Khi nước Pháp lấy được bồi-khoản và các nước yên-ổn rồi, thì sẽ bênh vực và mở mang cho hội vạn-quốc; nước Pháp không chịu tiếng với mấy nước rằng nước Pháp chiếm hạt sông Ruhr là muốn phá-hoại nước Đức đâu, là có ý chuyên-chế đâu... Thế nào nước Pháp cũng phải giữ quân-bị, để chống với một dân-tộc vẫn chỉnh-đốn riết về việc quân-bị, mà không coi điều ước ra gì. Nước Pháp sẽ hộ-vệ cuộc hòa-bình cho châu Âu. Nước Pháp mong ước được cư-xử hòa bình với các nước đồng-minh về sự bồi thường và cuộc nội-trị, và xin nói thẳng một lần nữa rằng: hễ chưa đòi được nợ, thì nước Pháp chưa thể rút quân ở hạt Ruhr về được.

Các báo nước Đức ác-cảm với mấy lời tuyên-bố trên này lắm, vì họ biết kỳ bầu-cử ở nước Pháp, quan Poincaré vẫn được chiếm phần ưu-thắng.

Các báo nước Anh nói: cái chánh-sách quan Poincaré vẫn chuyên-chủ về sự bồi-thường.

Quan Poincaré diễn-thuyết tại thứ-dân-nghị-viện rằng: ngài tiếc rằng: trong tòa nội-các mới không có mấy quan Thượng-thư cũ, như quan Sarraut, quan Strauss, và quan Laffont, vì mấy ông đó một lòng trung-thành với Chánh-phủ, mà bị chánh-đảng của mình trục-xuất. Nếu quan Sarraut không tỏ ý tạm nghỉ việc chánh-trị, thì ngài cũng tìm cách lưu quan Sarraut lại. Còn như cái chánh-sách nội-vụ và cái vấn-đề trợ-cấp cho các quan-lại, không có điều gì thay đổi cả...

Ngài lại nói: mấy nước trong hội đồng-minh có ý muốn làm cho ta phải thay đổi lại tờ hòa-nghị. Nay mai hội-đồng bồi-thường sẽ xét các tờ trình của các nhà giám-định, rồi sẽ ấn-định cái năng-lực của nước Đức, để trù tính cho chóng đến ngày nước Đức trả nợ. Ta cố sức tìm cách điều-đình cho việc ấy ổn-thỏa. Song hễ nước Đức chưa nộp hết bồi-khoản, thì ta còn phải đóng quân ở hạt sông Ruhr.

Nước Thổ bỏ ngôi giáo-chủ có ảnh-hưởng đến dân Hồi-hồi không?

Từ khi một bậc vĩ-nhân nước Thổ-nhĩ-Kỳ là ông Khải-mạt-Nhĩ (Kémal) lập thành cộng-hòa chánh phủ, bỏ ngôi giáo-chủ đi, thì cũng có ảnh-hưởng đến dân theo đạo Hồi-hồi lắm. Vì ngôi giáo-chủ là một ngôi rất tôn, đứng đầu mấy mươi triệu dân theo đạo Hồi-hồi, có quyền cai-trị ở trong tay, thanh-thế oai-nghiêm lắm, không khác gì bên thiên-chúa giáo tôn đức Giáo-hoàng ở thành Rome nước Ý vậy.

Xưa nay giáo-chủ (tức là vua nước Thổ) vẫn đóng ở thành Constantinople, từ ngày ông Khải-mạt-Nhĩ lập thành dân-quốc, lên làm Tổng-Thống, thì thiên-đô sang Angora, ngôi giáo-chủ trong hai năm nay thành ra hư-vị.

Ngày mồng hai Mars vừa rồi, quốc-hội Angora hội-nghị, quyết-định bỏ ngôi giáo-chủ. Cứ như quan Tổng-Thống Khải-mạt-Nhĩ thì muốn cho những đàn bà con gái về họ nhà giáo-chủ được yên ở trong nước; song quốc-hội nhất-định không nghe, bắt phải đi ra nước khác, nên hôm mồng bốn Mars, giáo-chủ và hai bà cung-phi cùng Thái-tử đã lên ô-tô ra ngoài địa-giới nước Thổ, chưa rõ rằng sang Ai-cập hay là Thụy-Sĩ.

Việc nước Thổ bỏ ngôi giáo-chủ, có ảnh-hưởng đến mấy nước Âu-châu như nước Pháp nước Anh và nước Ý; vì mấy nước đó có nhiều thuộc-địa ở cận-đông, mà dân thuộc-địa ấy phần nhiều theo đạo Hồi-hồi. Tuy vậy nhưng cũng không ngại gì cả. Về phần dân thuộc-địa nước Pháp, như xứ Algérie tuy theo đạo Hồi-hồi, nhưng lại gốc-tích ở nước Ai-cập nên họ chỉ biết đất thánh của họ ở thành Mecque thôi, không thuộc về trong cái phạm-vi ông giáo-chủ nước Thổ. Còn như dân thuộc-địa ở Trung-phi-châu, dẫu có theo đạo Hồi-hồi, song chẳng hiểu nghĩa kinh-thánh thế nào, mà cũng chẳng biết ông giáo-chủ là ai cả. Xứ Syrie cũng là dân Hồi-hồi, nhưng công việc nước Pháp thi-hành ở đó, là theo kỷ-luật tôn-giáo Thiên-chúa, chứ không phải Hồi-hồi.

Chỉ có nước Ý nước Anh thì đương lo về cái vấn-đề ấy lắm, là vì thuộc-địa Tyrénaique nước Ý thường bởi việc tôn-giáo mà sinh ra biến loạn. Và các dân thuộc-địa nước Anh như xứ Mésopotami, Transjordanie, Ai-cập và Hedjaz cũng thấy náo-động về việc ấy rồi, nên nước Anh đương muốn cử một ông vua nào ở Ai-cập lên làm Hồi-hồi giáo-chủ, để cho yên lòng dân.

Nhật Nga giao-thiệp

Lâu nay nghe tin rằng: chánh-phủ Nhật-Bản định không công-nhận chánh-phủ Sô-Viết nước Nga, nên bọn quá-kích nước Nga giận lắm, sinh lòng thù ghét nước Nhật, rồi bắt mấy viên quan võ nước Nhật tại Vladivostock, ý muốn ép nước Nhật phải công-nhận mình, mới tha mấy người ấy....

Một người Nhật làm việc ấy như sau này:

« Bọn quá-kích nước Nga không thể ép nước Nhật được, thì giở ngay cái thủ đoạn đê hèn ra, bắt ngay mấy người quan võ Nhật ở Vladivostock, đồ cho là đi mật-thám. Những cách như thế, ta phải kiềng mặt bọn Sô-Viết ra, hay là đánh nhau với họ một chuyến.

« Đã có lúc nước Nhật không chịu được những cái sỉ-nhục như thế, thế mà bấy giờ các báo ở Đông-Kinh lại bàn với đồng-bào tôi rằng; « thôi chịu khuất một tị, mà kết-giao với nước Nga còn hơn ». Thế ra các báo nước tôi tự-đê quá.

« Ngày bị động-đất, nước Nga quyên tiền cứu giúp, may sao tòa nội-các ông Yamamoto từ chối không nhận; chứ nếu ngày ấy mà nhận, thì bây giờ rất khó xử, há miệng mắc quai.

« Chánh-phủ Nga đã được một nước hải-quân mạnh nhất ở phương

Tây là nước Anh công-nhận cho rồi bây giờ chỉ còn một mục-đích nữa, là làm sao cho được một nước hải-quân mạnh nhất ở Viễn-đông là nước Nhật công-nhận cho ; muốn đạt cái mục-đích ấy, thì dẫu có phải làm càn làm bạy, họ cũng không từ.»

Quan Đại-tướng Pháp diễn thuyết tại nước Bỷ.

Quan đại - tướng Pháp là ông Mangin diễn-thuyết tại kinh-thành Bruxelle nước Bỉ, có bày tỏ phân-minh về cái tình-thế nước Pháp đối với nước Đức. Ông có nói : « cứ nói cho phải ra, thì mấy năm nay nước Đức yếu rồi, không có gì là đủ sợ. Song có thể nói rằng : nước Đức chỉ sinh cái bụng dã man mà không theo lẽ phải, và nay mai lại nhẩy vùng lên đánh Pháp và Bỉ cũng chưa biết chừng. Bởi vậy hai nước phải dự-phòng luôn luôn mới được.

Phi-luật-Tân lại xin độc-lập. — Ông hội-trưởng Nguyên-lão nghị-viện Quezon nước Phi-luật-Tân và ông nguyên-lão nghị-viên Osmena, ông thứ-dân nghị-viên Recto và hai viên thư-ký ngày 8 Avril này đã cùng đi sang Hoa-Kỳ, để xin cho độc-lập, phái-bộ này là phái-bộ lần thứ ba của Phi-luật-Tân đi Hoa-Kỳ về việc ấy. Tiền phụ-cấp của các phái-viên mỗi ngày là 45 dollars, mà tiền ấy sẽ lấy tiền lạc-quyên ra mà chi.

Vương-chính-Đình nước Tàu chém 3000 nông-phu một lúc. — Vương-chính-Đình là người ở bắc-phương, vốn là một tay tàn-ác, bấy lâu nay làm quan Giám-quân ở tỉnh Phúc-Kiên, theo quyền lịnh Tôn-truyên-Phương. Vì mấy hôm Đoàn-kỳ-Thụy ở Thiên-Tân mở tiệc ăn mừng sáu mươi tuổi, các quan trấn-thủ các nơi và Tôn-truyên-Phương cũng đều đi mừng thọ cả. Bởi Tôn-truyên-Phương đi vắng nên Vương-chính-Đình gồm cả quyền-binh trong tay, bèn hạ-lịnh cho các nông-dân tỉnh Phúc-Kiên phải trồng thầu (thầu để nấu thuốc phiện) lại ngay lập-tức. Nguyên nông-dân tỉnh ấy trước cũng đã trồng thầu, song tự khi có lệnh cấm, đã phải phá hết cả rồi, và lại trong nước bây giờ không nhiều người hút nghiện như trước, dẫu có trồng ra cũng chẳng bán được bao nhiêu, nên nông-dân toàn tỉnh không ai chịu trồng. Vương-chính-Đình nghe tin cả giận, liền sai quân đi bắt cả thảy 3000 nông-dân đem về bỏ ngục, và sai quân đem ra pháp-trường chém cả.

Tin ấy đồn đi đến đâu, ai nghe cũng lấy làm căm tức đứa tàn-nhẫn ấy, mà nhất là Triệu-khánh-Dân thì lại căm tức lắm. Vì Triệu-khánh-Dân cũng là một tay danh-tướng của Tôn-truyên-Phương, thấy Vương-chính-Đình làm sự tàn-nhẫn như thế, liền kéo quân đến vây đánh.

Hai bên đánh nhau, rất là kịch-liệt, song Vương không tài nào đánh lại được Triệu, phải bỏ thành Phúc-Châu mà chạy.

Bây giờ nhân-dân tỉnh Phúc-Kiên, ai ai cũng vui lòng hả dạ mà hoan-nghinh Triệu-khánh-Dân lắm, và muốn cho Triệu-khánh-Dân bắt cho được Vương-chính-Đình, đem phân thây trăm mảnh mới cam tâm.

Triệu-khánh-Dân đã đuổi được Vương-chính-Đình rồi, không những nhân-dân tỉnh Phúc-Kiên được lòng, mà cả đến Ngô-bội-Phu cũng khen ngợi lắm. Ngô bèn tư giấy về Bắc-Kinh, tiến-cử Triệu làm quan Phó-đốc-quân Phúc-Kiên. Chánh-phủ được tin, liền thảo nghị-định và cấp bằng cho Triệu, chỉ đợi Tào-Côn phê-chuẩn nữa là xong. Bỗng lại có tin Từ-thế-Xương ở Nam-Kinh gửi tới, xin chánh-phủ Bắc-Kinh phải giết Triệu-khánh-Dân mới được. Làm cho chánh-phủ Bắc-Kinh phải ngập-ngừng đình-hoãn cái mệnh-lịnh ấy lại.

Nguyên Vương-chính-Đình là vây-cánh của Từ-thế-Xương ở Phúc-Kiến xưa nay, mà bây giờ Từ-thế-Xương vẫn là một tay thế-lực lớn ở Bắc-trực-Lệ, thế tất Từ phải bênh-vực cho Vương ; Triệu-khánh-Dân là vây cánh của Tôn-truyền-Phương ở Phúc-Kiến, mà Tôn lại là thủ-túc của Ngô-bội-Phu, thế tất Ngô cũng phải bênh-vực cho Triệu.

Nay Chánh-phủ Bắc-Kinh muốn lấy lòng Ngô-bội-Phu mà trọng-dụng cho Triệu, thì Từ-thế-Xương chắc chẳng nghe nào ; mà nếu Chánh-phủ Bắc-Kinh nể mặt Từ-thế-Xương mà giết Triệu đi, thì Ngô-bội-Phu chắc cũng không chịu.

Cái vấn-đề này cũng khó lòng cho Chánh-phủ Bắc-Kinh lắm.

Đám cưới một người hiếu-nữ lấy người đại-vĩ-nhân trong chỗ ba quân. — Một người hiếu-nữ tên là Latifé Hamnm, vốn là con nhà đại-phú ở thành Smyrue nước Thổ-nhĩ-Kỳ, đã từng đi du-học nước Anh nước Pháp.

Trong khi nước Hy-Lạp đem quân đến đánh nước Thổ, vây thành Smyrne, thì cha nàng bị giặc bắt, nàng thương xót cha quá, liều thân xông vào giữa quân giặc mà kêu khóc xin tha, giặc lại bắt nàng bỏ luôn vào ngục.

Đương lúc cha con nàng nguy-hiểm như thế, may sao được một bậc đại-vĩ-nhân là ông Kémal đem quân Thổ đến, đánh tan quân giặc, giải vây được thành Smyrue, cứu được hai cha con nàng ra khỏi tù tội. Vì thế nàng cảm-kích và đem lòng luyến-ái ông Kémal, liền nối với cha nước ông Kémal đóng quân tại giữa nhà mình, rồi hai bên cùng đính hôn-ước.

Một ngày kia ông Kémal họp hết tướng-tá, có đến hơn 50 người, bày tiệc uống rượu. Lúc rượu đã ngà say, ông đứng lên tuyên-bố lời hôn-ước ấy, rồi mời nàng bước ra, lấy chiếc nhẫn vàng có khắc chữ tên ông mà đeo vào tay nàng. Cử tọa đều vỗ tay chúc mừng, rất là vui vẻ. Cái hôn-lễ ấy cáo-thành giữa đám ba quân.

Năm nay nàng mới 24 tuổi, mà ông Kémal 44 tuổi. Cái nhân-duyên của nàng, nghĩ cũng lạ thật, đương cơn loạn-ly khốn-ách, chiếc thân một kẻ nữ-tù, thế mà hốt-nhiên gặp được ông Kémal. làm một bậc phu-nhân quan Đại-tổng-thống. Ấy cũng bởi tấm lòng chí-hiếu của nàng, cảm-kích đến bầu nhiệt-huyết của một bậc đại-anh-kiệt, mới được cái duyên tốt như vậy. Nếu không thế thì sao hơn 50 vị tướng-tá ai cũng đem lòng kính-phục mà hoan-hô trong đám ba quân ?

Về vang thay ! cái nhân-duyên một người hiếu-nữ nước Thổ-nhĩ-Kỳ.

VIỆC TRONG NƯỚC

Điện Càn-thành thất-hỏa. — Hồi 2 giờ rưỡi chiều hôm 4 Avril 1924, tại điện Càn-thành thất-hỏa to lắm. May có bốn năm đội lính Tây lính Ta ở Mang-ca và ở bên tòa sứ chở

đồ cứu-hỏa vào thẳng trong Nội cứu chữa : và tức thì đóng cả 8 cửa thành lại, cửa nào cũng có lính Tây và súng đại-bác canh giữ chu-mật, không cho ai vào, được hơn một giờ thì lửa mới tắt hẳn.

Nguyên diện ấy đang chữa dã ít lâu nay, ở trên mái diện có dựng một cái giá-tế bằng bức tranh, để che cho kín mà làm. Hôm ấy bọn thợ làm máng, lấy dầu rói đem lên mái diện mà nấu, để tráng lòng máng cho khỏi dột. Chẳng may một người thợ để lửa cháy bùng lên, lại gặp gió bắc thổi mạnh, cháy ngay lên giá-tế, rồi lan cả đến mái diện. Tổn hại đến hơn vài mươi vạn bạc!

Trong khi cháy diện Càn-Thành, thì Hoàng-Thượng ngự đi thanh-minh vắng, có quan Khâm-sứ đến tận nơi trông coi việc cứu hỏa ấy. Chưa biết xử tội người thợ vô-ý ấy thế nào.

Cuộc hành-trình của quan Toàn-quyền khi đã sang tới Nhật-Bản. — Ông Matsuoka là đại biểu của Nhật-Bản sang phủ Toàn-quyền, bàn về cái trương-trình khi quan Toàn-quyền tại Nhật-Bản đã xong rồi, thì đã giở về Yocohama. Ông Néron là chủ-sự tại tòa Liêm-phóng phủ Toàn-quyền cũng đã sang Nhật.

Trong khi quan Toàn-quyền ở Nhật, thì ngài sẽ đi thăm mấy thành-phố lớn, nhất là những nơi bị động đất vừa rồi. Đến khi ngài trở về, có lẽ ghé qua Hán-Thành là kinh-đô nước Cao-Ly.

Đến mùa thu này thì chánh-phủ Nhật lại cử đại-biểu sang bên ta để đáp lễ, và có đem cả một hạm-đội đến vịnh Hạ-Long.

Hội-đồng thương-mại. — Tối hôm 7 Avril vừa rồi, tại phòng thương-mại Hanoi có họp bàn những việc sau này :

Hội-đồng đã duyệt-y tờ trình của ban tiểu-hội-đồng xét thuế thương-chánh, về việc sửa đổi lại tờ chỉ-dụ cấm đem xuất-cảng những đồ mỹ-nghệ hay là đồ cổ.

Hội-đồng định xin đặt thêm mấy đường điện-thoại sau này :

Hanoi — Sơn Tây ;

Hanoi — Thái-Nguyên qua Đông-Anh ;

Hanoi — Việt Trì — Tuyên-Quang ;

Hanoi — Thái Bình,

Và xin làm cho xong đường Thanh-hóa Vinh.

Hội-đồng lại xin sở Bưu-điện dạy cho các bà các cô trông nom việc điện-thoại được tinh tường. Hội-đồng nhắc lại việc xin dùng điện-thoại cả ban đêm nữa ; và xin sở Bưu-điện định giá gửi điện báo về Pháp cho nhất-luật, vì hiện nay ở Bắc-kỳ vẫn phải trả đắt hơn ở Nam-kỳ.

Hội-đồng cấp cho Hội-đồng Hội-chợ 500 đồng, và cử ông Barry và Delaye dự hội-đồng Hội-chợ.

CÔNG VIỆC HỘI

TRUNG BẮC NÔNG-CÔNG-THƯƠNG TƯƠNG-TẾ

HỘI CHÁNH HÀ-NỘI

Hoãn kỳ Đại-Hội-Đồng thường-niên đến ngày 8 Juin 1924. — Ban trị-sự Hội Chánh chúng tôi xin có lời báo-cáo để các ngài hội-viên trong hội Nông-Công-Thương tương-tế biết rằng:

Hội Chánh chúng tôi trước đã định họp Đại-Hội-Đồng thường-niên vào ngày lễ Phục-Sinh (Pâques) 20 Avril này, nhưng lại tiếp được thư của các chi Hội nói để xin hoãn-lại, vì các nơi bây giờ đương họp Đại-Hội-Đồng.

Hội Chánh chúng tôi cần phải biết công việc toàn-thể hội để trình bầy các ngài, vậy kỳ Hội-Đồng thường-niên này xin hoãn lại đến ngày 8 Juin này là ngày lễ Pentecôte.

Nay kính đạt

Ban Trị-sự Hội-Chánh

Biên bản ngày lễ Khánh-Thành Thành-lập Chi Hội Nông-Công-Thương-Tương-Tế ở Hà-Giang và kỳ Đại Hội-Đồng ngày 9 Mars 1924 (Tức là ngày mồng năm tháng hai, năm Giáp-Tý, Hoàng-Hiệu Khải-Định thứ chín).

Suốt cả ngày hôm trước (8-3-14), giời đổ mưa tầm tã lai-dai không ngớt cơn lúc nào, sắc giời u-ám, đường cái lội-lầm, lá cây nặng giọt, khiến ai nấy điều lo cho ngày lễ Khánh-Thành hôm sau bội phần.

Đến sáng hôm nay, tự nhiên giời đã đổi hẳn ngay ra cảnh tượng phong quang, vầng hồng hơi điểm, sắc giời đẹp đẽ, cây cỏi tốt tươi hình như giời cũng có lòng ủng hộ cho chi hội N. C. T. T. T. Hà-giang vậy.

Ông Thou và ông Rùa, thấy cảnh giời-đất đổi thay ra điềm ngụ-ý cao xa như thế, hình như hai ông cũng hiểu thâu lẽ giời cao-chứng, nên chỉ hai ông tỏ ra cách rất vui lòng hớn-hở hân-hoan mà bài-trí cho hội-sở, cho bõ công hai ông đã bị mưa rầm suốt cả ngày hôm trước.

Ngay từ 7 giờ sáng, hai ông hết sức trang-hoàng từ ngoài cửa hội-sở mà vào cho đến trong phòng dự tiệc của hội.

Hồi 12 giờ đứng ở trước cửa Hội-sở mà trông : Thấy dựng thẳng ngay

một cái cửa Khải-Hoàn bằng cành cây, lá liễu kết lại, sen lẫn với những bông-hoa sặc-sỡ tươi mầu, với những ngọn cờ 3 sắc, phất phơ như phượng múa, mây bay ; lại điểm thêm những đèn-cù chạy một hàng dài, đề tên Chi-Hội, và dưới đất chạy soài ra hai bên thành nên vườn hoa cây cảnh, tựa như trên sân khấu các rạp hát lớn vậy, song còn có dáng tự-nhiên thanh-nhã hơn nhiều. Vào đến trong Hội-sở trông nghiêm nhiên ngay ra một nơi trần-thiết có vẻ rất trang-nghiêm mỹ-lệ vô cùng, thật là rất đáng khen ông Thou và ông Rùa, khéo tô-điểm được mọi bề diễm lệ như thế và cũng rất đáng nên ghi chép công hai ông, để làm kiểu mẫu mở đường dắt lối về sau, vì đất Hàgiang này từ xưa đến giờ, thực chưa có ai là người Việt-Nam biết tự ý mình bài-trí được hoàn toàn mỹ hảo như thế vậy.

Từ 12 giờ trở đi, trước cửa Hội-sở nhiệt náo sầm uất, tập nập kẻ ra người vào, rõ ra vẻ cái ngày hội trọng thể ; tới 14 giờ, các quan viên hội đã đến túc mục đông đúc, ai nấy đều tay bắt mặt mừng, tỏ tình thân ái, trao lời hàn huyên, ra tình đằm thắm hân hoan vô cùng.

Vào khoảng 15 giờ kém 15, các quan-viên-chức trong tòa trị-sự tạm-thời đều ra đứng trước cửa hội-sở để nghinh-tiếp các quí-quan Tây Nam cùng thân-hào bản-tỉnh đến dự lễ một cách nghi vệ chỉnh tề.

Đúng 15 giờ, các quí-quan đến dự lễ Khánh-thành dân-dậu đã đông.

Có :

M.M. Le chef de Bataillon, Labarrière ; Commandant le 3e Territoire Militaire, Officier de la Légion d'Honneur. *Président d'honneur*,

Le Quản-Đạo, TRẦN-VĂN-TRINH. *Vice-président d'honneur*,

Những ông có chân hội như sau này : *Gadies*, Planteur. *Pinot*, Négociant. *Lobstien*, Entrepreneur. Le Tri-châu de Vị-Xuyên Đỗ-văn-Châm, Le Tri-châu de Bảo-lạc Nông-quang-Tuyên, Le Bang-Tá, Vương-chính-Đức à Sà-Phìn, Le Bang-Tá Vương văn Thịnh à Hoàng-su-Phì.

Membres d'honneur

Còn các quí-quan tây nam đến dự lễ mà không nhận chức gì trong hội thì còn đông lắm.

Khi các quí-quan cùng hội-viên đã an tọa, ông Nguyễn-văn-Thou, là Hội-trưởng tạm-thời, thay mặt các hội-viên đứng lên xin phép quan chánh danh-dự hội-trưởng đọc một bài pháp văn như sau này :

Mon Commandant,
Monsieur le Quan-Dao,
Mesdames & Messieurs,

« Au nom des membres de la province de Hà-Giang, c'est pour moi un grand honneur de pouvoir parler, en ma qualité de Président de la section provinciale de l'Association Mutuelle des Employés Indigènes de Commerce, d'Industrie & d'Agriculture de l'Annam-Tonkin, pour adresser respectueusement nos vifs remerciements et exprimer notre reconnaissance à M. M. le Commandant du Territoire et le Quan-Dao, qui ont bien voulu favoriser la fondation à Hà-Giang de la section en acceptant le titre de président d'honneur et de vice-président d'honneur de notre association.

A vous aussi, Mesdames & Messieurs, qui daignez relever l'éclat de cette modeste cérémonie en l'honorant de votre présence, je suis heureux de vous remercier très sincèrement de votre marque d'intérêt à notre association, dont la raison d'être et les bienfaits qu'elle pourra procurer à ses membres sont trop évidents pour qu'il soit nécessaire de les démontrer à nouveau. Ce serait trop abuser de vos précieux instants que de m'éteindre inutilement sur un sujet connu.

En l'honneur de votre présence à cette assemblée, et pour marquer le jour de la fondation de notre section je vous prie de vouloir bien accepter ce verre de champagne que nous buvons à la prospérité et à la longévité de l'Association générale et de la section provinciale de Hà-Giang, qui ne faiblira pas devant les intérêts tant français qu'indigènes.

Je termine en criant bien haut :

Vive la France !
Vive le Tonkin !
Vive notre Président d'honneur le Commandant LABARRIÈRE. »

Đọc vừa rứt lời, cử-tọa vỗ tay một cách oai-hùng hồi lâu. Đoạn quan Đô-Thống Công-Sứ LABARRIÈRE đứng lên đáp lại ngụ-ý như sau này :

Ngài tỏ lòng hoan-hỉ mà đến dự-lễ khánh-thành cho chi-Hội N. C. T. T. T. hôm nay, là cái Hội đã khởi-thủy được phép quan Thống-Sứ cho lập ra ở Hanoi từ năm 1920, mà bây-giờ đã thành nơi trung-tâm-điểm của các chi-hội này vậy. Còn ở Hà-Giang

này là nơi sơn cùng thủy-tận, dân bản-thổ phần nhiều người còn chưa vỡ trí-khôn, hẹp-hòi kiến-thức, mà bây-giờ lại lập lên được một chi-hội rực rỡ như thế này là rất hợp thời-vụ lắm vậy. Ngài chúc cho Hội một ngày một hưng-thịnh đông-đúc lan-khắp đệ tam đạo này. Sau ngài ban khen ông Nguyễn-văn-Thou đã có công gây-dựng lên Chi-hội này, cho đến cả cái nhà mượn làm Hội-sở này, cũng do tay ông chủ-trương sếp đặt trang-hoàng cả trong ngoài, đều được thập phần diễm-lệ thanh-nhã ; thực là tay quán-nhất ở trên này, chưa hề từng thấy một nhà nào đã làm được đẹp-đẽ và một ai đã biết trần thiết điểm-tô được vạn toàn trang nhã trịnh-trọng như vậy.

Ngài nói rứt lời cử-tọa lại vỗ tay kêu rau hồi lâu. Quan Quản-Đạo Trần-văn-Trinh cũng đứng lên đọc mấy câu đại-ý như sau này :

Ngài cảm ơn hội ta đã đón ngài vào chức phó Danh-dự hội-trưởng, cùng mời ngài đến dự-lễ này, và ngài chúc cho chi-hội ta ngày thêm trường-thịnh vững bền. Sau ngài phân-trần rằng khi ngài mới thấy hội ta xuất thế thì ngài rất lấy làm vui-mừng cái chủ-nghĩa mục-đích của hội ta hay, cùng hội-viên chi-hội ta ngày một mau đông-đúc nồng-nàn ; song ngài mừng mà ngài lại lo, là vì ngài đã thấy ở xứ Bắc-Kỳ này đã sầy ra biết bao nhiêu hội mở ra, lúc buổi mới rất mau hành-trướng lớn-lao lạ-lùng ; rồi dần dần bầu nhiệt-huyết càng ngày càng phai nhạt, chẳng mấy lúc, không ngờ mà tan... ; nhưng được các ông đây, toàn là những bậc đã lão-luyện quả-quyết, việc đời từng-trải, ngài dám chắc rằng chi-hội ta ngày càng trường-

thịnh với non-sông, chứ không đến nỗi đồ nát như các hội khác được, vậy thì lo như thế cũng là lo quá xa mà thôi.

Ngài nói song, cử-tọa vỗ tay khá lâu. Kế đến ông Gardies là chủ đồn-điền, đứng lên nâng cốc rượu thay lời các thân-hào cùng các quí-quan cảm ơn chi-hội ta đã mời đến dự-lễ đại-trọng này và cung-chúc cho chi-hội ta trường-thịnh lâu dài, cùng mong cho chi-hội ta này ngày thêm đông-đúc hội-viên mà được toàn những người đứng-đắn tử-tế, am-hiểu công-vụ, biết việc công-nghĩa mà chăm chỉ nhiệt-thành việc hội cho giây hữu-ái thêm rõ rệt khăng-khít muôn đời.

Nói xong, cử-tọa vỗ tay liên thanh một hồi rất lâu. Đoạn đến tiệc Xâm-banh (Champagne) rất là vui vẻ, các quí quan tây-nam cùng các hội-viên bàn-luận trao-đổi ý-kiến, mật-thiết thân tình rất nên đằm thắm vô-hạn. Đương khi cử-tọa thưởng tiệc Xâm-banh, có bốn cậu hát bài Marseillaise có dáng dịp, có điệu lên bổng xuống trầm nghe rất êm-ái dịu dàng mà hùng-hồn thay. Đó là bốn cậu tài-tử (2 cậu : Pháp và Phúc là con ông thư-ký Toán-văn-Công ; với hai cậu : Công và Hỷ là con ông hội trưởng Nguyễn-văn-Thou, đồng-thanh xướng hát, khiến cử tọa phải lặng nghe điệu-hát cùng dáng-dịp của các cậu ; ai nấy đều lấy làm ưa-thích vừa lòng, tỏ nhời ân-cần thưởng-khen các cậu hát hay được như thế. Các cậu hát song bài Marseillaise, nghỉ một lúc rồi hát kế-tiếp đến bài Madelon và bài Conscrit. Cứ mỗi lần bốn cậu hát xong bài nào thì cử tọa lại vỗ tay vang động rất lâu. Đoạn ông Hội-trưởng Nguyễn-văn-Thou có mời các quí-quan tây-nam cùng ra trước cửa hội-sở chụp một bức ảnh với các hội-viên để làm vật di-lưu kỷ-niệm.

Đúng 17 giờ thì các quí-quan tây-nam đều giải-tán ; bây giờ các hội-viên mới họp lại thưởng tiệc xâm-banh cùng nhau, ông Hội-trưởng Nguyễn-văn-Thou làm chủ tiệc, đứng lên khai-tiệc biện thuyết mấy lời rằng : Lễ thành lập chi-hội ta ngày hôm nay được vẻ vang trịnh-trọng, chính là một sự đáng nên ghi làm kỷ-niệm chung trong hội, vậy xin các hội-viên đồng lòng nâng cốc để chúc mừng cho chi hội ta ngày một thịnh trường vĩnh-viễn với non sông. Các hội-viên đều nâng-cốc tung-hô hưởng ứng theo câu « Cung chúc chi hội ta ngày một thịnh-trường vĩnh viễn với non sông ». Rồi kế đến ông Phó Hội-trưởng tạm-thời Nguyễn-đức-Thuần, đứng lên đọc một bài Việt-Văn như sau này :

« Thưa các quý-hữu, »

Hôm nay là ngày đại-hội-đồng thành-lập của chi-hội ta đây mà tôi được dự phần vui-vẻ cùng các quí-hữu thì thực tôi lấy làm hân-hạnh vô cùng.

Cái quang-cảnh vui-vẻ của anh em chúng ta họp nhau đây, tức là đã tỏ ra rằng : Cái chủ-nghĩa hữu-ái, là một cái chủ-nghĩa thiêng-liêng, nó đã làm cho cái cuộc sinh-hoạt lao-động của chúng ta thêm phần thân-ái.

Thực thế nếu không nhờ có cái chủ-nghĩa ấy nó liên-lạc chúng ta với nhau, thì các quí-hữu với tôi, người góc bể, kẻ bên giời, khi nào đã cùng nhau họp mặt ở đây mà giãi tỏ tấm-tình thân-ái vui-vẻ trân-trọng này.

Bởi thế cho nên từ khi tôi bước chân vào trong đất Hà-Giang này, tôi vẫn đem lòng sở ước cùng các quí-hữu, để gây lấy tình hữu-ái nghĩa tương-liên, nên cố lập ra chi-hội Trung-Bắc-Kỳ Nông-Công-Thương tương-tế ở tỉnh Hà-Giang, để anh em ta lấy tình nghĩa mà tương-cấp, ương-chợ lấy nhau ở nơi sơn-cùng thủy-tận này.

Cho nên tôi cùng mấy ông bạn thân của tôi là : ông Nguyễn-văn-Thou, Lê-văn-Lượng và ông Toán-văn-Công ; giám cả gan đứng lên mà gánh lấy những việc to tát nặng nề như thế, để theo chân nối gót Hội-Chánh và các chi hội các nơi.

Kể từ khi lập ra chi hội Hà-giang ta đến giờ, mới được 2 tháng nay, khi mới lập thì chỉ có độ 20 hội-viên mà tới nay đã được ngoài 50 hội-viên ; thật là chi hội ta đã tróng tiến bộ, đáng mừng thay.

Sự chóng tiến-bộ như thế cũng là bởi tấm lòng nhiệt-huyết của các quí-hữu đó, chứ phần chúng tôi tài-hèn trí-thiển, tưởng đâu được như ngày nay ; chẳng những là nguyên ở đây (Hà-Giang) mà thôi, lại còn nhiều nơi nữa như : Bắc-Quang Vĩnh-Tuy, Bảo-Lạc, Đồng-Văn, Yên-Minh, Hoàng-Su-Phì vân vân... Đã đều có Ủy-viên cả, xem ra chi hội ta có phần lớn lao, chẳng kém gì mấy chi hội ở dưới trung châu vậy.

Sự đó cũng là nhờ cái chủ-nghĩa hữu ái nó giàng buộc anh em chúng ta lại với nhau, nên mới có ngày nay là ngày lễ đại hội đồng Thành lập chi hội Hà Giang ta, là ngày kỷ-niệm của anh em chúng ta, để mà tỏ ra tấm lòng thân ái cùng nhau mãi mãi. Xin chúc mừng chi hội ta một ngày một bành trướng và lan khắp ra miền Thượng Du này.

Sau hết xin các quí hữu đồng thanh với tôi mà tung hô rằng :

Vạn tuế cho hội Trung Bắc Kỳ Nông Công Thương, hưởng thịnh cho chi hội Hà-Giang ta.

Đọc xong, cử-tọa đều vỗ tay. Kế đến 4 cậu tài-tử cất tiếng hát bài Quốc-ca Việt-Nam. văng-vẳng réo-rắt êm tai; hát song, các hội-viên đều có vẻ tưng-bừng vỗ tay loạn-động hồi lâu. Tiệc sâm-banh song, các hội-viên lại ra chụp ảnh nữa để làm kỷ-niệm.

Chụp ảnh song, bấy giờ mới bắt đầu họp Đại hội-đồng Thành Lập, hiện diện có cả thảy 36 ông, theo như sổ hiện tại (liste de présence) đặt trên bàn hội đồng, chính các ông hội viên biên tên lấy và ký khi đến dự hội đồng :

Ông Nguyễn văn Thou, Nguyễn đức Thuần, Lê văn Lượng, Toán văn Công, Hoàng đức Tiện, Nguyễn tư Trực, Đỗ đình Đô, Phùng duy Lục, Phạm đình Tỷ, Vũ ngọc Liễn, Phạm Rậu, Nguyễn văn Rùa, Nguyễn nhật-Tuyên, Nhuyễn-văn-Bính, Nguyễn-văn-Thúc, Hoàng-tỉnh-Điệp, Nguyễn-văn-Nỗ, Nguyễn-văn-Thành, Nguyễn-ngọc-Liên tức Phúc, Trần-văn-Ba, Trần-văn-Tuy, Phạm-văn-Hữu, Đoàn-ngọc-Liên, Chu-đức-Chí, Trần-văn-Chuân, Nguyễn-văn-Cấp, Phạm-Rụng, Nguyễn-văn-Mài, Nguyễn-văn-Đông, Nguyễn-châu-Đỉnh, Phạm-sĩ-Đô, Nguyễn-duy-Thiện, Nông-công-Mão, Trương-xuân-Phà, Nguyễn-văn-Định và Nguyễn-văn-Tạo

Khiếm diện : — Có giấy kiếu : cả thảy có 20 ông như sau này :

Trần-văn-Lai, Cao-văn-Hóa, Nguyễn-quang-Văn, Phạm-văn-Tam,

Trần-văn-Chung, Đinh-phú-Xuân, Nguyễn-văn-Sắc, Trần-văn-Lễ, Nguyễn văn Cợp, Đinh phú Xán, Nguyễn văn Tích, Trần văn Vậy, Nguyễn văn Hữu, Trần văn Nhạc, Nguyễn văn Đức, Đoàn văn Tòng, Nguyễn văn Khuy, Đỗ văn Ích, Ủy-viên Bảo-Lạc; Nguyễn văn Chung, Ủy-viên Bắc-Giang; Nguyễn-văn-Quít, Ủy-viên Vĩnh-Tuy và Vương-chí-Sinh, Ủy-viên Phó-Bảng.

Ông Hội-trưởng Nguyễn-văn-Thou làm chủ-tọa, ông Thư-ký Toán-văn-Công giữ việc giấy má.

Khi các hội-viên yên-vị đâu đấy, đúng 18 giờ khai Hội-đồng, ông Nguyễn-văn-Thou đứng lên trình với hội đồng rằng: hôm nay đã là ngày thành lập chi Hội ta, thời từ nay về sau, các công việc hội sẽ có thể quyết định được, như thế thì phải bầu tòa Trị-Sự mới, để thay cho tòa Trị Sự Tạm Thời, xin kể tên những ông hội viên ra ứng-cử: ông Thou, Thần Lượng, Công, Tiện, Đỉnh, Mão, Thiện và Đô.

(Số hội viên có mặt tại hội đồng 36 ông. Số hội viên Khiếm diện có giấy kiếu 20 ông, song đều không có giấy ủy quyền cho ai cả.)

Hội đồng cử ông Nguyễn đức Thuần, Nguyễn ngọc Liên tức Phúc và Chu Đức Chí coi về việc soạn phiếu.

Bầu Chánh-Hội-Trưởng : — Ông Nguyễn văn Thou, 33 vé; Nguyễn đức Thuần 1 vé; Nguyễn châu Đỉnh 1 vé và 1 vé trắng.

Bầu Phó-Hội-Trưởng : — Trước khi bầu Phó-hội-trưởng, ông Nguyễn-đức-Thuần trình với hội-đồng rằng ông xin rút tên trong sổ ứng-cử ra, mà nhường để hội-đồng tùy trọn ông khác thay ông; không phải là ông không đảm nhiệm được việc hội, chỉ vì ông e ông mắc bận phần việc mà thường khiếm diện sợ công việc hội về phần ông đảm nhiệm có chút khuyết điểm chăng. Song hội đồng không nghe: khi mở phiếu: ông Nguyễn-Đức-Thuần 27 vé, Hoàng-đức-Tiện, 4 vé, Lê-văn-Lượng 2 vé, Nguyễn-châu-Đỉnh 2 vé và ông Toán-Văn-Công 1 vé.

Bầu Chánh-Thủ-Quĩ : — Trước khi bầu chánh-thủ-quĩ, ông Lê-văn-Lượng tỏ-bầy cùng hội-đồng biết về sự hội-đồng phải ưng-thuận nhời hứa của ông đã rao-hẹn kỳ tiểu hội-đồng thường-nguyệt ngày 10 Février 1924 vừa rồi; thì ông mới ra ứng-cử, bằng không thì ông xin rút tên ra.

Ông Hội-trưởng đứng lên đỡ nhời ông Lượng, nhắc hội-đồng rằng các hội-viên nên tự thân-hành hay là cho người nhà đem tiền nguyệt-cấp đến tại nhà riêng của ông mà đóng-nộp, hơn là để ông phải đi thu từng nhà thì phiền cho ông nhiều quá, vì các hội-viên thường di-cư chỗ này chỗ khác luôn; vả đem tiền đến nộp cho ông thì dẫu có phiền, nhưng phiền một tí thôi, không bằng ông phải chịu phiền nhiều hơn. Hội-đồng đều ưng-thuận:

Ông Lê-văn-Lượng 33 vé; Toán văn-Công 2 vé; Hoàng-đức-Tiện 1 vé.

Bầu Phó-Thủ-Quĩ : — Ông hội-trưởng trình với hội-đồng rằng: chức phó Thủ-quĩ cứ như ý kiến ông xét ra; ông xin công-cử ông Nguyễn-ngọc-Liên tức Phúc, có thể đảm nhiệm phụ-việc với ông Chánh-Thủ-quỹ giúp hội được; nhưng đó mới là ý-kiến riêng của ông, còn tùy hội-đồng lựa chọn. Hội đồng bàn-luận một lát, các hội-viên đều đồng-tình với ông hội-trưởng mà ưng-thuận nhận ông Nguyễn ngọc Liên tức Phúc vào chức Phó-Thủ-Quỹ. Ông tuy thị hội-đồng không bỏ phiếu bầu, song đã dùng lời nói thay sự bỏ phiếu, được tất cả hội-đồng đều ưng-thuận nhận cho ông trúng-cử, thì cũng như ông đã được cả 36 vé bầu ông vậy.

Bầu ông Chánh thư-ký: Ông Toán văn Công 32 vé; Hoàng đức Tiện 2 vé; Nông-công-Mão 1 vé và một phiếu trắng.

Bầu Phó-Thư-Ký: Ông Hội-trưởng trình với hội-đồng, công-cử ông Chu đức Chí, có thể sung chức phó thư-ký giúp hội được; nên chăng còn tùy hội-đồng bàn-định. Hội-đồng bàn-luận, đồng-thanh ưng-thuận, nhận ông Chu-đức-Chí vào chức phó Thư-ký.

Bầu ông Chánh-kiểm-Soát: Ông Hoàng-đức-Tiện 32 vé; Nguyễn-châu-Đỉnh 2 vé, Nông-công-Mão 1 vé và 1 phiếu trắng.

Bầu Phó kiểm-soát: Ông Nông-công-Mão đứng lên trình với hội đồng rằng ông không thể nào đảm-nhiệm được chức phó kiểm soát nữa, là vì có nhiều việc riêng ngăn trở cho ông, nên ông nhất định xin rút tên trong sổ ứng-cử ra. Ông Phạm-đình-Tý cũng lại đứng lên xin từ chối, ông nói với hội đồng rằng ông đã có tuổi, mình-già sức yếu, không kham nổi công-việc ấy. Nhưng khi mở phiếu thì thấy:

Ông Phạm-đình-Tý 13 vé; ông Nông-công-Mão 9 vé; ông Phạm-sĩ-Đô 5 vé; và 9 vé trắng.

Điểm vé vừa xong, ông Phạm-đình-Tý lại xin từ-chối chức phó kiểm-soát, mà hội-đồng thì đồng-thanh nói rằng vì cái nạn kim-tiền nó ghê-gớm lắm, nên phải bầu 2 ông (Chánh, Phó kiểm-soát) để tra xét kiểm-điểm tiền-nong cùng các giấy-má trong hội, mà việc này có khó nhọc gì, một tháng mới có 1 lần đi khám quĩ, quí-hồ đừng có thiên vị, cứ công nhiên chính chực mà làm cho công bằng. Ông hội-trưởng đứng lên hỏi Hội-đồng lấy cớ gì mà buộc cho ông Tý đã chúng cử? Cứ phép bầu cử một cách công bằng thì bao giờ cũng phải chịu đôi số người đến dự bầu, người ứng có được quá nửa số vé người đến dự bầu cho thì mới đủ tư cách gọi là trúng cử được. Nay ông Tý mới có được 13 vé mà hội-đồng đã vội cho là đủ tư-cách trúng-cử được công bằng sao?

Bây giờ cả hội-đồng đều im-lặng, đồng-thanh cho nhời ông hội-trưởng nói là chánh đáng. Vậy hội-đồng lại bỏ phiếu bầu lại, định quyết rằng: hễ ai trúng cử lần này thì không được từ chối nữa, nên vui lòng mà nhận giúp hội mới được.

Bầu Phó kiểm-soát lần thứ hai: Ông Phạm-đình-Tý: 22 vé; ông Nông-công-Mão, 8 vé, và 6 vé trắng.

Bầu cố-vấn Ủy-viên: Ông hội-trưởng nhắc-trình hội-đồng xin công cử cụ Nguyễn-châu-Đỉnh và ông Nguyễn-duy-Thiện vào chức cố-vấn ủy-viên. Hội-đồng đều ưng-thuận nhận cụ Nguyễn-châu-Đỉnh và ông Nguyễn-duy Thiện vào chức cố-vấn ủy-viên.

Bầu vấn-tấn ủy-viên: Ông hội-trưởng trình hội-đồng rằng; hội bầu 4 ông vấn-tấn ủy-viên, chưa có

ông nào ra ứng-cử, vậy ông xin cử bốn ông là: Ông Đỗ-đình-Đỏ, Nguyễn-tư-Trực, Nguyễn-văn-Rùa và ông Nguyễn-văn-Nỗ. Cứ như ý kiến riêng ông hội trưởng đã xét ra, bốn ông đều có thể đủ tư-cách đảng giúp việc vấn tấn ủy viên cho hội được cả.

Các ông bàn xét hồi lâu, xem ra cũng đích-đáng, không ai hơn nữa, rồi cũng đồng-thanh ưng-thuận y-nhời ông hội-trưởng đã cử bốn ông kể trên này ra chịu chức vấn-tân ủy-viên cho hội.

Vậy tòa Trị-sự đã tổ chức như sau này :

Chánh Hội-trưởng ông Nguyễn-văn-Thou, Phó Hội-trưởng ông Nguyễn-đức-Thuần, Chánh thủ-quỹ ông Lê-văn-Lượng, Phó thủ-quỹ ông Nguyễn-ngọc-Liêu tức Phúc, Chánh thư-ký ông Toán-văn-Công, Phó thư-ký ông Chu-đức-Chí, Chánh Kiểm-soát ông Hoàng-đức-Tiên, Phó Kiểm-soát ông Phạm-đình-Tỷ Cố-vấn nhiệm ông Nguyễn-châu-Đỉnh và ông Nguyễn-duy-Thiện, Vấn-tân-ủy-viên ông Đỗ-đình-Đỏ, ông Nguyễn-tư-Trực, ông Nguyễn-văn-Rùa và ông Nguyễn-văn-Nỗ.

Ông Chánh Hội-trưởng Nguyễn-văn-Thou thay mặt cả tòa trị-sự, cám ơn các hội-viên đã tin yêu cử ra giúp việc hội.

Hoan nghênh hội-viên mới

Ông Hội-trưởng trình hội-đồng có 15 ông hội-viên mới, là những ông : Đỗ-văn-Ích, Vương-chí-Sinh, Nguyễn-văn-Chung, Nguyễn-văn-Quít, Nguyễn-văn-Khuy, Phạm-Rung, Nguyễn văn Mài, Nguyễn văn Đông, Nguyễn châu Đỉnh, Phạm sĩ Đỏ, Nguyễn duy Thiện, Nông công Mão, Trương xuân Phả, Nguyễn văn Định, và Nguyễn-văn-Tạo, đều có giấy xin vào hội, ban trị sự tạm thời đã xét, nay xin trình hội đồng xem có ông nào dị nghị gì chăng. Cả Hội đồng chẳng những không có ai dị nghị, mà đều đồng thanh ưng nhận các ông vào hội cả.

Đoạn các hội viên đều dự tiệc ăn mừng, suốt trong bữa tiệc, tiếng cười, tiếng nói, chén chúc, chén mừng, tình thân ái, nghĩa tương liên, hiển hiện ra muôn nghìn vẻ rất nên đằm thắm.

Tới 21 giờ mới tan tiệc, ai nấy đều vui vẻ chia tay giải tán.

Biên-bản làm tại Hà-Giang, ngày 9 Mars 1924, sau khi Đại-Hội-Đồng Thành-lập.

Chánh chi Hội-trưởng.
NGUYỄN-VĂN-THOU.

Chánh Thư Ký,
TOÁN-VĂN-CÔNG.

Chi-hội Uông-bí

Biên bản kỳ hội đồng thường nguyệt ngày mồng 6 tháng chạp tây năm 1923.

Hiện diện : Có ông Vũ-bá-Lượng Đỗ-tê-Khâm, Nguyễn-văn-Ngộ, Đinh-quang-Trinh, Trần-hoàng-Quyền, Nguyễn-văn-Vạn, Hà-Phác

Vắng mặt : Nguyễn văn Tập, Vũ đình Tư, Lê văn Thịnh, Nguyễn văn Thị.

Đúng 8 giờ ông Vũ bá Lượng khai hội đồng, ông nói rằng tháng trước (Novembre) không có kỳ hội đồng thường nguyệt là vì các chức dịch trong ban Trị sự nhiều ông đi dịch đi nơi khác, cho nên kỳ ấy không có hội đồng, mà cũng không có việc gì khẩn mật.

Việc thủ-quỹ : Tự khi 2 ông chánh phó Thủ quỹ, Nguyễn đăng Tập. Vũ đình-Tư từ chức, sổ chi thu phải tạm rao nhờ ông Lê văn Bình trình đồn lại, mà kỳ Hội-đồng này ông lại bận việc không xuống dự Hội-đồng

được cho nên chưa có tờ trình về việc chi tiêu. Còn như tiền nguyệt cấp tháng này cũng đã thu được ít nhiều ; kể ra cũng đã hơn mọi tháng.

Việc ông Nguyễn-văn-Khang Đại-biểu trên máng nước. — Các hội viên trên máng nước, tiền nguyệt cấp tháng nào cũng chu tất cả, ít lâu nay thấy bằng đi, hỏi ra thì các hội-viên đã đóng cho ông Nguyễn văn Khang rồi, ông Khang thu được rồi tiêu đi tiền ông Khang đã nhận các khoản, và đã có giấy khất nhiều lần, xét ra cũng đã rong cho ông nhiều lắm, nay ông lại có thơ xin khất một hẹn nữa, là trong vòng một tháng sẽ xin chu tất. Thơ này đến hôm nay đã quá một tháng rồi, mà chưa thấy ông nói năng gì đến việc đó. Vậy xin hỏi ý kiến hội-đồng định sao ? ? ?

Hội xin viết thơ hỏi ông lần nữa, nếu ông không chu tất được, xẽ không kể ông là hội viên nữa mà sẽ mang đến công pháp.

Việc thư-viện : Ông Khâm đọc thơ các hội viên xin việc, thơ hội chánh nói về báo Hữu Thanh. Điện tín của hội chánh chia buồn cùng ông Nguyễn quí Tùy, thơ của ông Tùy cảm ơn hội, và các anh em trong ban Trị sự đã vì tình hữu ái mà cho đồ phúng viếng.

Việc vấn-tân : Ông Ngọ trình về việc thăm viếng các hội viên đau yếu ; Đi phúng cụ nhạc phụ ông Hàn-văn-Mô (Mảng nước), công việc đều được chu đáo cả. ; ông lại nói : Hội đồng sở ủy tôi trông nom việc chữa chạy nhà hội quán nay đã được hoàn công, tính ra chi tiêu cả thảy hết 45$00,

Hội đồng lấy làm đẹp lòng mà cảm ơn ông Ngọ đã tận tâm việc Hội.

Ông Phác trình về việc đi viếng bà Đại-biểu Nguyễn quý Tùy tạ thế và kê các khoản chi tiêu về lộ-phí, mua các vật liệu phúng, xem ra hợp lệ cả, hội đồng chuẩn y và cảm ơn ông.

Việc vật : Tạm bàn về việc nghênh tiếp ông : De Redon de Colombier Délégué de la Sté des charbonnages du Đông Triều, ngài sang để quan sát về việc mỏ.

Hội đồng ủy ông Khâm, làm thơ mời, ông xin y nhận. Đọc biên bản kỳ hội đồng trước mãi quá 10 giờ hội đồng mới giải tán.

Uông-Bi le 10 Décembre 1923

Le Président
VŨ BÁ LƯỢNG

Le Secrétaire
ĐỖ TÊ KHÂM

Các tin trong Hội

Ngày 13 Avril 1924, chi hội Viêtri có sửa tiệc trà mừng hai ông Tán-trợ mới là ông Nguyễn-văn-Nam và Nguyễn-văn-Thọ ở Phủ-lỗ (Phú Thọ) do ông Nguyễn văn Cầu giới thiệu — Hai ông vốn xưa nay vẫn có lòng nhiệt thành về việc công ích — Nay hai ông thấy mục đích Hội Trung Bắc Kỳ Nông Công Thương Tương Tế là đích đáng nên đã vui lòng nhận chức Tán trợ hội viên cho Chi hội Viêtri. Vậy Hội xin cảm ơn tấm lòng quả quyết của hai ông —

* * *

Mừng bạn được ân-thưởng

Ông NGUYỄN ĐỨC HÂN Chánh Thư-ký chi Hội Haiphong, tùng sự tại Société des Ateliers Maritimes Haiphong, mới được ơn Vũ-lộ ân-thưởng phẩm hàm. Vậy bản hội xin có lời mừng ông Hân.

Những biên bản đăng trên này đều theo y nguyên-văn không thay đổi chỗ nào.

Quang-Tin-Ky Đại Dược Phong

60, Rue de Canton, 60 – CHOLON

客餐酒藥水藥散丸丹膏驗應項各房藥記信廣岸堤南安

CÁO BẠCH

Bản hiệu có bán đủ các thứ thuốc cao, đơn, hườn tán, dược dầu dược thủy, thiệt là thượng hạng, khắp nơi xa gần đều biết danh, những thuốc của bản hiệu chế luyện ra thì có dùng cái nhãn (**Tòn chơn-nhơn**) *làm tinh, xin các ngài có mua thuốc của Bản hiệu, thì gửi thư lại cho Bản hiệu hay. Để phong-bì như vầy, Monsieur* **Quảng-Tín-Ký** *dại dược phòng, Rue de Canton 60 Cho-lon thì Bản hiệu sẵng lòng gửi thuốc lập tức, gửi cách Contre Remboursement, nghĩa là đem tiền đồng nhà thư mà nhận thuốc.*

Như các ngài có muốn xin Catalogue của bản hiệu xin các ngài viết thư cho bản hiệu hay. Thì bản hiệu sẵng lòng gửi cho liền...

太乙像金膏

THUỐC DÁN TIÊU ĐỘC RẤT HAY

Thuốc dán nầy dùng trị các chứng bịnh phong độc, ghẻ chốc, mục nhọt, mục ung sáng da, nổi mục nhỏ, mục lớn chi chi, dầu trên lưng, trên cổ, chơn tay, hay là tiêm-la hột xoài khắp cả châu thân lở lói, trầy hay và sưng làm mủ, các chứng sang độc, như mới phát thì mau dán thuốc nầy liền tiêu tức thì.

GIÁ TIỀN

Mỗi 1 hộp..... 1$00

Cách dùng có chỉ rõ trong toa

雙料龜鹿滋腎丸

SONG LIỆU QUI LỘC TƯ THẬN HƯỜN

(Thuốc hườn bổ)

Thuốc hườn nầy chủ trị âm, dương suy nhược, huyết ít, khí hư, chóng mặt, chóng mặt, lỗ tai lùng bùng con mắt hơi lờ, hoặc xanh bịnh ho, chiêm bao di tinh, hoặc mỗi ngày tới bữa trưa mà phát nóng nầy trong mình, miệng khô, cổ đau, châu thân bãi hoãi, đi đứng bấu thấu, hoặc sắt dục quá độ, hoặc tiên thiên bất túc, hoặc hậu thiên bất dưỡng, hoặc tinh thần không đủ, hoặc đờn bà lạch kinh.

Thuốc hườn nầy bất luận nam phụ lão ấu có mày chứng bịnh nói trên dây dùng đều thì phải hiệu nghiệm.

Cách dùng mỗi ngày uống 2 lần, sớm mai và tối, mỗi lần uống chừng 3, 4, chỉ uống với nước muối, lợt.

GIÁ TIỀN

Mỗi 1 hộp 4 lượng..... 1$00 | Mỗi 1 hộp 6 lượng..... 1$50

Cách dùng có chỉ rõ trong toa

GIÁ ĐĂNG CÁO-BẠCH RAO HÀNG VÀO HỮU-THANH TẠP-CHÍ

Đăng cáo-bạch rao hàng vào HỮU-THANH TẠP-CHÍ thì cứ mỗi trang giấy chia làm sáu ô, nhỏ nhất là một phần sáu trang. Vậy ngài nào đăng một phần sáu cũng được, hay một phần tư, phần ba một nửa hay cả trang, bản chí sẽ xin tùy giá chăm chước. Song bản-chí xin nói để các ngài có cửa hàng muốn rao báo việc gì được rõ rằng. Bản chí là một cái **cơ-quan của Hội Nông-Công-Thương Tương-Tế là hội to nhất Đông-Pháp này và bạn đọc Tạp-Chí rất nhiều.** Nếu đăng vào bản-chí thật là có ích-lợi cho việc cổ động về đường buôn bán của các ngài lắm.

Ngài nào muốn đăng cáo-bạch hay rao báo việc gì, xin mời các ngài đến chơi bản-chí hay là gửi thơ đến, bản-chí sẽ tính giá phải chăng

---

MUA HỮU-THANH TẠP-CHÍ, ĐĂNG CÁO-BẠCH VÀ GỬI BÀI LAI-CÁO

Các ngài mua Hữu-Thanh đăng cáo-bạch và gửi bài lai-cảo hay gửi mandat gửi tiền về cho, xin đề phong bì rõ rằng:

M. NGUYỄN-DUY-NHƠ

Directeur de la Revue HỮU-THANH

59, Rue du Chanvre, Hanoi

Các hiệu bán lẻ Tạp-Chi Huu-Thanh

NAM-ĐỊNH : Bán tại hiệu **Tứ-Sơn thư-điếm** số nhà 27 phố hàng Thiếc.

VINH : Bán tại hiệu **Mỹ-Thịnh** phố Yên-Miêu.

GIA-ĐỊNH : Bán tại hiệu **Toàn-Lợi**, chủ-nhân Nguyễn-văn-Quỳnh tức là hàng bán tơ lụa và tạp hóa ở Nam-Kỳ.

Ở các tỉnh ngài nào muốn nhận bán lẻ, xin cứ gửi thơ về bản-chí thương lượng.

HỮU-THANH

文興書館

VĂN-HƯNG

TONKIN — 59, PHỐ HÀNG GAI, 59 — HANOI

Kính trình các quý-khách biết :

Bản Thư-quán có bán đủ các thứ sách, vở, giấy bút, mực Tây và Nam, các thứ truyện Quốc-ngữ, các đồ dùng trong thư-phòng các học-đường vân vân..

Bán buôn bán lẻ giá tính phải chăng;

Xin các quý-khách xa gần đều chiếu cố cho, tôi lấy làm cảm tạ vô cùng.

Thư-quán Chủ-nhân kính-cáo.

NGUYỄN-DUY-NHỊ Kính-cáo.

真方印館

CHÂN PHƯƠNG

ẤN-QUÁN

30, phố hàng Mành, 30 — HANOI

Bản Ấn-quán in đủ các thứ giấy má, sổ, sách, đóng đại các sách vở, công việc làm cẩn-thận, giá tính phải chăng, xin các Ngài chiếu cố.

CHÂN-PHƯƠNG Ấn-Quán

NGUYỄN-KHẮC-HANH Kính-cáo

Imp. Chân-Phương. Administrateur-Gérant : NGUYỄN-DUY-NHỊ